Đó là chú cảnh sát cao lớn có khuôn mặt xí trai và đôi mắt hiền từ.

“Cháu có muốn đi cùng chú không, để xem chúng ta có tìm được bố cháu không nhé?” chú cảnh sát nói.

Harry khẽ khàng gõ cửa văn phòng với tấm biển đề tên Giáo sư Filip Becker.

Thấy không có tiếng trả lời, anh mở cửa.

Người đàn ông đang ngồi sau bàn ngẩng đầu lên khỏi hai bàn tay. “Tôi đã cho phép vào đâu…”

Ông ta ngừng lời khi trông thấy Harry. Và ánh nhìn hạ xuống cậu bé đứng cạnh anh.

“Jonas!” Filip Becker kêu lên, giọng nói chất chứa sự ngỡ ngàng xen lẫn nhiếc móc. Hai mắt ông ta đỏ hoe. “Chẳng phải bố đã dặn con ở yên một chỗ hay sao?”

“Tôi dẫn cậu bé theo đấy,” Harry nói.

“Vậy ư?” Becker nhìn đồng hồ và đứng dậy.

“Sinh viên của ông về hết rồi,” Harry nói.

“Thế sao?” Becker lại thả người xuống ghế. “Tôi… tôi chỉ định cho chúng nghỉ giải lao một lức.”

“Tôi cũng có mặt trong lớp,” Harry nói.

“Anh ư? Vì sao…”

“Thỉnh thoảng ai cũng cần được nghỉ ngơi mà. Chúng ta nói chuyện một lát được chứ?”

“Tôi không muốn cho thằng bé đi học,” Becker giải thích sau khi bảo Jonas sang phòng uống cà phê và dặn nó ngồi đó đợi. “Bao nhiêu người hỏi han, suy đoán; đơn giản là tôi không muốn thế. Chắc anh cũng hiểu.”

“Vâng.” Harry lấy ra bao thuốc, ném về phía Becker cái nhìn dò hỏi rồi lại cất đi khi ông giáo sư kiên quyết lắc đầu. “Việc đó dù sao cũng còn dễ hiểu hơn nhiều so với những thứ viết trên bảng.”

“Đó là vật lý lượng tử.”

“Nghe thật lạ.”

“Thế giới của những nguyên tử lạ vậy đấy.”

“Lạ thế nào?”

“Chúng phá vỡ những định luật vật lý căn bản nhất. Chẳng hạn như định luật một vật không thể đồng thời có mặt ở hai địa điểm khác nhau. Niels Bohr từng nói nếu vật lý lượng tử chưa khiến anh chấn động sâu sắc thì chứng tỏ anh chưa hiểu nó.”

“Nhưng ông thì hiểu?”

“Không, anh điên à? Nó là một mớ hỗn loạn. Nhưng với tôi nó vẫn còn dễ chấp nhận hơn sự hỗn loạn này.”

“Là sao?”

Becker thở dài. “Thế hệ chúng ta đã tự biến mình thành nô lệ chạy theo con cái. Và tôi e rằng điều đó cũng đúng với Birte. Không biết bao nhiêu cuộc hẹn này nọ, sinh nhật, đồ ăn ưa thích và những buổi tập bóng đá, nghe mà điên hết cả đầu. Hôm nay có người ở phòng mạch bác sĩ tại Bygdøy gọi điện đến vì Jonas không tới khám theo lịch hẹn. Rồi đến chiều nó lại còn đi tập ở nơi khỉ gió nào đó, thế hệ chúng nó chắc không biết bắt xe buýt là gì nữa.”

“Jonas bị sao vậy?” Harry lấy ra cuốn sổ tay anh chưa bao giờ viết gì vào; theo kinh nghiệm của anh, cuốn sổ dường như giúp người ta tập trung hơn thì phải.

“Không có gì. Chắc là thăm khám bình thường thôi.” Becker gạt đi với một cái phẩy tay bực dọc. “Tôi nghĩ anh đến đây vì lý do khác chứ?”

“Đúng vậy,” Harry nói. “Tôi muốn biết chiều và tối qua ông đã ở đâu.”

“Gì cơ?”

“Chỉ là thủ tục thôi mà, ông Becker.”

“Việc này có liên quan gì tới… tới…” Becker hất đầu về phía tờ báo Dagbladet nằm trên đống giây tờ.

“Chúng tôi không biết,” Harry nói. “Xin ông vui lòng trả lời câu hỏi đó.”

“Nói xem, có phải các anh mất trí hết rồi không?”

Harry nhìn đồng hồ và im lặng không đáp.

Becker rên lên một tiếng. “Thôi được, tôi cũng muốn giúp anh. Tối qua tôi ngồi đây viết bài về bước sóng hydro, hy vọng sắp tới có thể xuất bản.”

“Có đồng nghiệp nào chứng thực cho ông không?”

“Những đề tài nghiên cứu của Na Uy đóng góp được quá ít ỏi cho thế giới là bởi sự tự mãn của giới nghiên cứu chỉ cúi đầu chịu thua trước tính lười nhác. Tôi làm việc hoàn toàn cô độc, như mọi khi.”

“Vậy còn Jonas?”

“Nó tự làm đồ ăn và xem ti vi cho tới khi tôi về.”

“Lúc đó là mấy giờ?”

“Chắc chỉ hơn chín giờ, tôi nghĩ thế.”

“Ừm.” Harry làm bộ như đang ghi chép. “Ông đã kiểm tra đồ đạc của bà Birte chưa?”

“Rồi.”

“Có tìm được gì không?”

Filip Becker vuốt ngón tay trên khóe miệng và lắc đầu. Harry đọ mắt với ông ta, dùng sự im lặng làm đòn bẩy. Nhưng Becker đã ngậm miệng hến rồi.

“Cảm ơn sự giúp đỡ của ông,” Harry nói, nhét cuốn sổ vào túi áo khoác và đứng dậy. “Tôi sẽ gọi Jonas cho ông.”

“Xin chờ một chút.”

Harry tìm thấy phòng uống cà phê nơi Jonas đang ngồi vẽ tranh, đầu lưỡi thò ra khỏi miệng. Anh đứng bên cậu bé, nhìn xuống tờ giấy hiện chỉ có đúng hai vòng tròn to nhỏ.

“Là người tuyết.”

“Vâng,” Jonas nói và ngước lên. “Làm thế nào chú biết ạ?”

“Vì sao mẹ lại đưa cháu đi khám bác sĩ vậy Jonas?”

“Cháu không biết.” Jonas vẽ sang cái đầu người tuyết.

“Thế bác sĩ tên gì?”

“Cháu không biết.”

“Phòng mạch đó ở đâu?”

“Cháu không được phép nói với bất cứ ai. Ngay cả với bố.” Jonas cúi rạp người trên tờ giấy và vẽ tóc trên đầu người tuyết. Một mái tóc dài.

“Chú là cảnh sát, Jonas ạ. Chú đang cố gắng tìm mẹ cháu.”

Cây bút chì di trên mặt giấy càng lúc càng mạnh, mái tóc mỗi lúc một đen hơn.

“Cháu không biết nơi đó tên là gì.”

“Cháu có nhớ chi tiết nào gần đó không?”

“Có công vua ạ.”

“Công vua ư?”

Jonas gật đầu. “Người phụ nữ ngồi phía sau cửa sổ tên là Borghild. Cháu được cho kẹo mút vì để bà ấy dùng kim lấy máu.”

“Cháu có đang vẽ chi tiết đặc biệt nào không?” Harry hỏi.

“Không ạ,” Jonas đáp, tập trung vào hai hàng mi.

Filip Becker đứng bên cửa sổ nhìn Harry Hole băng qua bãi đỗ xe. Mải chìm trong suy tư, ông ta lơ đãng đập cuốn sổ nhỏ màu đen vào lòng bàn tay. Ông ta tự hỏi không biết Hole có tin không khi ông ta vờ như không biết đến sự hiện diện của tay cảnh sát ở giảng đường. Hay khi ông ta nói buổi tối hôm trước mình bận viết bài. Hoặc lúc bảo rằng mình không tìm thấy gì trong đống đồ của Birte. Cuốn sổ đen được cất trong ngăn kéo bàn; cô ta thậm chí còn chẳng thèm giàu đi. Và những gì viết trong đó thì…

Ông ta suýt nữa phá lên cười. Ả đần đó cứ tưởng lừa được ông ta kia đấy.

## Ngày thứ tư

### MẶT NẠ NGƯỜI CHẾT

Katrine Bratt đang chúi mũi vào máy tính thì Harry thò đầu vào phòng.

“Thấy gì ăn khớp chưa?”

“Chẳng có gì đáng kể,” Katrine nói. “Tất cả phụ nữ mất tích đều có mắt xanh. Ngoài điểm đó ra thì ngoại hình của họ nhìn chung khá khác biệt. Họ đều có chồng con.”

“Tôi có manh mối để ta lần theo đây,” Harry nói. “Birte Becker đưa Jonas đến khám ở phòng mạch gần ‘công vua’. Đó chắc chắn là khu trang viên hoàng gia Kongsgården ở Bygdøy. Cô từng nói hai cô bé sinh đôi đến Bảo tàng Kon-Tiki sau khi đi khám bác sĩ. Chính là Bygdøy. Filip Becker không biết gì về bác sĩ này, nhưng có thể Rolf Ottersen lại biết.”

“Tôi sẽ gọi điện cho anh ta.”

“Xong thì sang gặp tôi nhé.”

Ngồi trong phòng, Harry cầm lấy chiếc còng tay, khóa một đầu còng quanh cổ tay và đập đầu kia vào chân bàn trong lúc lắng nghe tin nhắn thoại. Rakel nói Oleg sẽ dẫn theo một người bạn đến khu trượt băng Valle Hovin. Tin nhắn thật thừa thãi. Anh biết đó là lời nhắc khéo, phòng trường hợp Harry quên khuấy mất cuộc hẹn. Xưa nay anh chưa bao giờ quên buổi hẹn nào với Oleg, nhưng anh vẫn chấp nhận những lời nhắn nhủ mà người khác có thể coi là dấu hiệu của sự thiếu tin tưởng. Đúng hơn, anh thậm chí còn thích nữa. Bởi lẽ điều đó cho thấy cô là người mẹ tốt. Và còn bởi cô biết nhắc nhở ý nhị để không làm anh phật ý.

Katrine không gõ cửa mà cứ thế đi vào phòng.

“Quái dị,” cô nói, hất đầu về phía cái chân bàn Harry đang bị còng vào. “Cơ mà tôi thích.”

“Còng nhanh bằng một tay.” Harry mỉm cười. “Trò ruồi tôi học được ở bên Mỹ ấy mà.”

“Anh thử loại còng nhanh Hiatt mới ra xem. Thậm chí chẳng cần phải nghĩ nên tiếp cận từ bên trái hay bên phải, còng sẽ ôm lấy cổ tay hoặc bất cứ thứ gì, miễn sao đập chính xác. Thế là anh có một cặp để tập, mỗi tay một cái, để cơ hội tăng gấp đôi.”

“Ừm.” Harry mở khóa còng ra. “Cô biết được những gì rồi?”

“Rolf Ottersen chưa hề nghe nói đến buổi hẹn khám bệnh hoặc bác sĩ nào ở Bygdøy. Thực ra, họ có bác sĩ riêng ở Bærum. Tôi có thể hỏi cặp sinh đôi xem chúng có nhớ vị bác sĩ kia không, hoặc chúng ta tự gọi điện đến phòng mạch của các bác sĩ ở Bygdøy để kiểm tra cũng được. Chỉ có bốn người thôi. Đây.”

Cô đặt một tờ giấy nhớ màu vàng lên bàn anh.

“Họ không được phép tiết lộ tên bệnh nhân đâu,” anh nói.

“Tôi sẽ nói chuyện với cặp sinh đôi khi chúng đi học về.”

“Đợi đã,” Harry nói, nhấc máy lên và quay số điện thoại đầu tiên.

Một giọng mũi nghe máy và xưng tên phòng khám.

“Borghild có đó không vậy?” Harry hỏi.

Không có ai là Borghild cả.

Vói số điện thoại thứ hai, giọng mũi giống lần trước thông báo qua máy trả lời tự động rằng phòng khám chỉ nhận điện thoại trong vòng hai giờ cố định, và thời gian nhận điện đã qua lâu rồi.

Cuối cùng, ở lần thử thứ tư, một giọng hớn hở, gần như đang cười mang lại cho Harry câu trả lời anh đang trông đợi.

“Vâng, tôi đây.”

“Chào chị, Borghild, tôi là thanh tra Harry Hole, thuộc Sở Cảnh sát Oslo.”

“Sinh vào ngày nào?”

“Đâu đó trong khoảng mùa xuân. Tôi gọi điện để hỏi về một vụ án. Chắc chị đã đọc số báo ra ngày hôm nay rồi. Tôi muốn biết tuần vừa rồi chị có gặp Sylvia Ottersen không.”

Đầu dây bên kia bỗng im lặng.

“Đợi một lát,” bà ta nói.

Harry nghe thấy tiếng bà ta đứng dậy, anh kiên nhẫn chờ. Sau đó bà ta quay lại. “Rất tiếc, thưa anh Hole. Thông tin về bệnh nhân được bảo mật. Và tôi nghĩ điều này cảnh sát các anh cũng biết rồi chứ.”

“Chúng tôi biết. Nhưng nếu tôi không nhầm thì hai cô con gái mới là bệnh nhân chứ không phải Sylvia.”

“Như nhau cả thôi. Anh đang hỏi về thông tin có thể gián tiếp tiết lộ danh tính của bệnh nhân.”

“Xin nhắc để chị nhớ rằng chúng tôi đang điều tra án mạng.”

“Xin nhắc để anh nhớ rằng anh cứ việc hỏi lại sau khi có lệnh khám xét. Có lẽ chúng tôi cẩn trọng với thông tin bệnh nhân hơn nhiều chỗ khác, nhưng đó cũng là do đặc thù công việc thôi.”

“Đặc thù công việc?”

“Lĩnh vực chuyên môn của chúng tôi.”

“Là gì?”

“Phẫu thuật tạo hình và dịch vụ chuyên biệt. Anh có thể tham khảo trang web của chúng tôi - www.kirklinikk.no.”

“Cảm ơn, nhưng có lẽ tạm thời tôi biết vậy là đủ rồi.”

“Vậy tùy anh.”

Bà ta cúp máy.

“Sao rồi?” Katrine hỏi.

“Jonas và cặp sinh đôi đến khám ở cùng một nơi,” Harry nói và ngả người ra sau. “Điều đó có nghĩa ta có việc rồi đây.”

Harry cảm thấy một luồng adrenalin trào dâng, cơn run rẩy luôn xuất hiện mỗi khi anh có được manh mối đầu tiên của kẻ thủ ác. Sau đó là Nỗi Ám ảnh Vĩ đại. Đó là sự kết hợp của đủ thứ: yêu và say, mù quáng và sáng suốt, mục đích và cuồng loạn. Các đồng nghiệp thi thoảng vẫn kể cho nhau nghe về cảm giác phấn khích, nhưng đây là cảm giác khác, một điều thật đặc biệt. Anh chưa bao giờ nói với ai về Nỗi Ám ảnh, mà cũng chẳng buồn phân tích xem nó có ý nghĩa gì. Anh không dám. Chỉ biết rằng nó nâng đỡ anh, thôi thúc anh, tiếp sức cho anh hoàn thành nhiệm vụ. Anh không muốn biết thêm gì nữa. Thực sự không muốn.

“Giờ sao?” Katrine hỏi.

Harry mở mắt ra và đứng phắt dậy. “Giờ ta đi mua sắm.”

Cửa hàng Hương vị châu Phi tọa lạc gần con phố sầm uất nhất khu Majorstuen, Bogstadveien. Nhưng tiếc thay nó lại nằm sâu mười bốn mét trong một ngõ nhỏ nên vẫn chỉ ở ngoài rìa của sự nhộn nhịp ấy mà thôi.

Tiếng chuông ngân vang khi Harry và Katrine bước vào cửa hàng. Dưới ánh sáng tù mù - hay nói đúng hơn: thiếu sáng - anh trông thấy những tấm thảm thô màu sắc sặc sỡ, những trang phục kiểu sarong, mấy cái gối lớn có hoa văn vùng Tây Phi, bàn trà nhỏ nhìn như thể được đẽo trực tiếp trong rừng mưa, những bức tượng gỗ thuôn dài tượng trưng cho tộc người Masai và một số loài động vật phổ biến nhất ở vùng xavan. Mọi thứ ở đây dường như được sắp đặt cẩn thận và có chủ ý: không thấy đề mác giá, màu sắc bổ trợ cho nhau, và các món đồ đều đi theo cặp như trong con thuyền của Noah vậy. Nói ngắn gọn thì nơi đây nhìn giống phòng trưng bày hơn cửa hàng. Và phòng trưng bày này xem chừng hơi bụi bặm. Ý nghĩ đó càng được củng cố bởi không khí tĩnh lặng gần như phi tự nhiên bao trùm khi cửa đóng lại sau lưng họ và chuông cũng ngừng kêu.

“Xin chào?” một giọng nói cất lên từ trong cửa hàng.

Harry đi theo tiếng nói ấy. Trong bóng tối phía cuối phòng, đằng sau con hươu cao cổ khổng lồ bằng gỗ và được soi sáng nhờ chiếc đèn chiếu điểm duy nhất, Harry trông thấy phần lưng của một người phụ nữ đứng trên chiếc ghế. Cô ta đang treo lên tường chiếc mặt nạ gỗ màu đen có nụ cười rộng ngoác.

“Có việc gì vậy?” cô ta nói mà không ngoái lại.

Người phụ nữ này tạo cho người ta cảm giác cô ta đã quen với những điều bất ngờ hơn là với khách hàng.

“Chúng tôi là cảnh sát.”

“À, vâng.” Cô ta quay lại và ánh đèn rọi thẳng lên mặt cô. Harry cảm thấy tim mình ngừng đập, anh bất giác lùi lại một bước. Đó là Sylvia Ottersen.

“Có vấn đề gì sao?” cô ta hỏi, vầng trán cau lại giữa hai mắt kính.

“Cô… là ai?”

“Ane Pedersen,” cô ta đáp và lập tức hiểu ra nguyên nhân của vẻ sửng sốt trên khuôn mặt Harry. “Tôi là em sinh đôi của Sylvia.”

Harry ho khù khụ.

“Đây là thanh tra Harry Hole,” anh nghe thấy Katrine lên tiếng từ phía sau. “Còn tôi là Katrine Bratt. Chúng tôi đến tìm Rolf.”

“Anh ấy đang ở nhà tang lễ.” Ane Pedersen chợt im lặng, vào giây phút ấy cả ba người đều biết những người còn lại đang nghĩ gì: Làm sao chôn cất một cái đầu được nhỉ?

“Vậy là cô đến làm thay?” Katrine hỏi đỡ lời.

Ane Pedersen cười nhẹ. “Vâng.” Cô ta thận trọng bước xuống ghế, trên tay vẫn cầm chiếc mặt nạ gỗ.

“Mặt nạ hành lễ hay mặt nạ tâm linh vậy?” Katrine hỏi.

“Mặt nạ hành lễ,” Ane đáp. “Của người Hutu. Đông Congo.”

Harry liếc đồng hồ. “Mấy giờ anh rể cô về?”

“Tôi cũng không biết.”

“Cô thử đoán xem?”

“Tôi đã nói rồi, tôi không…”

“Chiếc mặt nạ đẹp thật,” Katrine ngắt lời. “Cô đã đến Congo và đích thân mua nó phải không?”

Ane kinh ngạc nhìn Katrine. “Sao cô biết?”

“Tôi nhìn cách cô cầm nó, không che đi đôi mắt hoặc cái miệng. Làm vậy là để tôn trọng những linh hồn.”

“Cô cũng có hứng thú với mặt nạ ư?”

“Gần như vậy,” Katrine nói, chỉ vào một chiếc mặt nạ màu đen với đôi tay nhỏ ở hai bên và cặp chân phía dưới. Khuôn mặt lai giữa người và động vật. “Đó là mặt nạ Kpelie đúng không?”

“Vâng, nó có xuất xứ từ Bờ Biển Ngà. Của người Senufo.”

“Mặt nạ quyền lực ư?” Katrine vuốt lớp lông động vật cứng đơ, nhờn dính gắn trên gáo dừa ở đầu mặt nạ.

“Chà, cô biết nhiều thật đấy,” Ane nói.

“Mặt nạ quyền lực là gì?” Harry hỏi.

“Tên sao thì nghĩa là vậy,” Ane đáp. “Ở châu Phi, mặt nạ kiểu này không chỉ đơn giản là những biểu tượng vô nghĩa. Ai đeo loại mặt nạ này trong cộng đồng người Lo sẽ lập tức sở hữu quyền hành pháp và phán quyết. Không ai dám nghi ngờ thẩm quyền của người đeo; chiếc mặt nạ trao cho họ quyền lực.”

“Tôi có thấy hai chiếc mặt nạ người chết treo cạnh cửa,” Katrine nói. “Rất đẹp.”

Ane mỉm cười đáp lễ. “Tôi có vài cái như vậy. Chúng được chế tác ở Lesotho.”

“Cho tôi xem qua được không?”

“Dĩ nhiên rồi. Chờ tôi một chút nhé.”

Sau khi cô ta đi, Harry đưa mắt nhìn Katrine.

“Tôi chỉ nghĩ chuyện phiếm với cô ta một chút biết đâu lại hay,” cô đáp như để trả lời câu hỏi anh ngầm đưa ra. “Để xem gia đình này có bí mật gì không, anh hiểu chứ?”

“Tôi hiểu. Việc này cô tiến hành một mình là tốt nhất.”

“Anh có việc rồi à?”

“Tôi sẽ chờ ở văn phòng. Nếu Rolf Ottersen đến thì nhớ xin giấy đồng ý bỏ quyền bảo mật thông tin bệnh nhân nhé.”

Khi ra đến cửa, Harry liếc nhìn những khuôn mặt người chẳng khác nào làm từ da thuộc, khô quắt và đông cứng trong tiếng thét lặng câm. Anh cho rằng chúng chỉ là bản mô phỏng mà thôi.

Eli Kvale chậm rãi đẩy chiếc xe đẩy giữa những kệ hàng trong siêu thị ICA ở sân vận động Ullevål. Nơi này rộng mênh mông. Giá tuy có cao hơn các siêu thị khác một chút nhưng chủng loại hàng hóa đa dạng hơn nhiều. Không phải ngày nào cô cũng ghé vào đây mà chỉ những lúc chuẩn bị nấu món gì đó ngon ngon thôi. Tối nay con trai cô, Trygve, sẽ từ Mỹ về. Nó đang học năm thứ ba ngành kinh tế tại một trường đại học ở Montana, nhưng học kỳ mùa thu này không phải thi mà tự học ở nhà cho tới tận tháng Một. Sau khi rời văn phòng ở nhà thờ, Andreas sẽ lái xe thẳng tới sân bay Gardermoen đón con. Cô biết, khi về đến nhà hai bố con sẽ mải mê thảo luận về môn câu cá bằng mồi giả và những chuyến du lịch bằng ca nô.

Cô nhoài người phía trên chiếc tủ đá và thấy hơi lạnh dâng lên khi có bóng lướt qua. Chẳng cần ngước nhìn cô cũng biết vẫn là nó. Cái bóng đi qua lúc cô đứng ở quầy thực phẩm tươi sống, và trong bãi xe khi cô khóa ô tô. Điều đó chẳng có ý nghĩa gì với cô cả. Chỉ là những điều cũ kỹ trỗi dậy mà thôi. Cô đã chấp nhận thực tế rằng nỗi sợ sẽ không bao giờ thật sự buông tha cho cô, dù đã hơn nửa đời người trôi qua. Khi ra thanh toán cô chọn quầy có người xếp hàng dài nhất; kinh nghiệm cho thấy nhìn chung như vậy sẽ nhanh hơn cả. Hoặc chí ít cô nghĩ kinh nghiệm đó là do cô từng trải qua. Andreas thì cho rằng cô nhầm. Có ai đó đứng vào hàng phía sau cô. Vậy là lại có thêm nhiều người nhầm. Cô không ngoái lại mà chỉ nghĩ người đó hẳn là mua nhiều thực phẩm đông lạnh lắm, cô có thể cảm thấy hơi lạnh phả vào lưng mình.

Nhưng khi cô quay lại thì chẳng còn ai đứng đó. Ánh mắt cô muốn lướt qua những dòng người xếp hàng khác. Cô nhủ thầm, đừng làm thế. Đừng khơi mào ra chuyện đó nữa.

Rời siêu thị, cô cố ép mình đi thật từ tốn ra lấy xe, không nhìn quanh quất, mở cửa, cất đồ vào trong, ngồi xuống và lái đi. Trong lúc chiếc Toyota chầm chậm leo lên con đường dài trên đồi để trở về căn hộ thông tầng ở Nordberg, tâm trí cô mải mê nghĩ đến Trygve cùng bữa tối phải chuẩn bị xong xuôi khi hai bố con về đến nhà.

Harry lắng nghe những lời Espen Lepsvik nói qua điện thoại và ngước nhìn những tấm ảnh của ba người đồng nghiệp quá cố. Lepsvik đã lập một tổ điều tra riêng và đang đề nghị Harry cho phép tiếp cận các thông tin có liên quan.

“Anh lấy mật khẩu ở chỗ sếp phòng IT của bọn tôi,” Harry nói. “Sau đó anh mở tệp Người tuyết trong mạng nội bộ của Đội Hình sự.”

“Người Tuyết ư?”

“Thì cũng phải có tên chứ.”

“Được rồi. Cảm ơn Hole. Anh muốn tôi báo cáo thường xuyên ở mức độ nào?”

“Chỉ khi nào có tin gì mới thôi. Và, Lepsvik này?”

“Sao?”

“Đừng xen vào việc của bọn tôi.”

“Chính xác thì việc của bọn anh là gì?”

“Các anh tập trung điều tra tin mật báo, nhân chứng và những kẻ từng vào tù ra khám có thể là sát nhân hàng loạt. Phần việc nặng đều ở đây cả.”

Harry biết vị thanh tra Kripos giàu kinh nghiệm đang nghĩ gì: những việc khó xơi.

Lepsvik đằng hắng. “Vậy là chúng ta nhất trí rằng các vụ mất tích có liên quan đến nhau?”

“Chả cần phải nhất trí gì sất. Anh cứ theo bản năng mà làm.”

“Được thôi.”

Harry cúp điện thoại và nhìn màn hình máy tính trước mặt. Anh đã truy cập vào trang web Borghild giới thiệu và trông thấy ảnh chụp đủ các mỹ nam mỹ nữ với những đường kẻ chấm trên mặt và thân người, cho thấy những vị trí trên cơ thể dù hoàn hảo nhưng vẫn có thể chỉnh sửa nếu muốn. Vị bác sĩ tên Idar Vetlesen mỉm cười với Harry trong một tấm ảnh, trông chẳng khác gì đám người mẫu nam của ông ta.

Bên dưới ảnh của Vetlesen là phần lý lịch trích ngang liệt kê các loại văn bằng cùng mấy chứng chỉ dài ngoằng viết bằng tiếng Anh và tiếng Pháp mà Harry cho rằng có khi chỉ cần học hai tháng cũng lấy được nhưng vẫn đủ cho ta cái quyền thêm mấy chữ viết tắt trước học vị. Anh đã tra tên Idar Vetlesen trên Google và thu được một loạt kết quả có vẻ như từ những cuộc thi đấu bi đá trên băng, ngoài ra còn có trang web cũ của một trong những nơi ông ta từng làm việc, phòng khám Marienlyst. Đến khi trông thấy cái tên bên cạnh tên Idar Vetlesen anh mới chợt nghĩ có lẽ người ta nói đúng: Na Uy quả là đất nước nhỏ bé đến nỗi người này với người kia cùng lắm chỉ qua hai người quen là biết nhau hết.

Katrine Bratt bước vào phòng, ngồi phịch xuống chiếc ghế trước mặt Harry và thở dài thườn thượt. Cô bắt tréo hai chân vào nhau.

“Theo cô có đúng là người đẹp thường quan tâm đến hình thức hơn người xấu không?” Harry hỏi.

“Tôi không biết,” Katrine đáp. “Nhưng điều đó có vẻ cũng hợp lý. Những người có IQ cao bị ám ảnh bởi chỉ số IQ đến nỗi lập ra cả một hội của riêng họ, đúng không? Chắc người ta có gì thì sẽ quan tâm đến thứ đó. Tôi đoán anh khá tự hào về tài điều tra phá án của mình.”

“Ý cô là tài bắt chuột từ trong gen? Khả năng trời phú để tóm cổ những kẻ tâm thần, nghiện ngập, trí tuệ dưới mức trung bình và tuổi thơ thiếu thốn tình cảm trên mức trung bình?”

“Vậy ra chúng ta chỉ là những tay săn bắt chuột thôi sao?”

“Chuẩn. Chính vì thế chúng ta hạnh phúc vô ngần khi tỷ năm mới có một vụ như thế này rơi xuống đầu. Cơ hội để bước vào cuộc săn hoành tráng, để bắn được một con sư tử, voi hay khủng long khỉ gió nào đó.”

Katrine không cười. Ngược lại, cô còn nghiêm nghị gật đầu.

“Em gái sinh đôi của Sylvia đã nói với cô những gì?”

“Tôi có nguy cơ trở thành bạn thân của cô ta.” Katrine thở dài, đôi tay đan lại đặt trước một bên đầu gối đi tất.

“Kể đi.”

“À,” cô nói, và Harry nhận thấy câu à đó rất giống kiểu nói của anh, “Ane kể với tôi cả Sylvia lẫn Rolf đều tin rằng Rolf là người gặp may khi họ đến với nhau. Trong khi những người xung quanh đều nghĩ ngược lại. Hồi đó Rolf vừa tốt nghiệp kỹ sư của trường Đại học Kỹ thuật ở Bergen và chuyển đến Oslo để làm cho công ty kỹ thuật Kvserner. Sylvia rõ ràng là tuýp người mỗi sáng lại nảy ra một ý tưởng sống mới. Cô ta học đến nửa tá chuyên ngành khác nhau ở trường đại học và chưa bao giờ gắn bó với công việc gì quá sáu tháng. Cô ta tính tình ương bướng, nóng nảy, chiều quá hóa hư, tự xưng là người theo chủ nghĩa xã hội và bị thu hút bởi những hệ tư tưởng ủng hộ xóa bỏ cái tôi cá nhân. Vài cô bạn gái hiếm hoi có được đều bị cô ta thao túng, những người đàn ông đến với cô ta đều chạy mất chỉ sau một thời gian ngắn vì không chịu đựng nổi. Em gái cô ta cho rằng Rolf say đắm Sylvia đến thế cũng bởi cô ta là hiện thân của con người hoàn toàn trái ngược với anh ta. Rolf trở thành kỹ sư để nối nghiệp cha. Anh ta xuất thân trong một gia đình tin vào bàn tay nhân ái vô hình của chủ nghĩa tư bản và niềm hạnh phúc của tầng lớp trung lưu. Còn trong mắt Sylvia, dân phương Tây rặt những kẻ chạy theo vật chất, nhân cách suy đồi, đánh mất mối liên hệ với con người thật sự và cội nguồn của hạnh phúc. Và ông vua nào đó ở Ethiopia là đấng Messiah đầu thai.”

“Haile Selassie,” Harry nói. “Đức tin của phong trào Rastafari.”

“Anh cũng không phải dạng vừa đâu.”

“Nhờ nhạc của Bob Marley thôi. Hừm, như vậy có thể hiểu được vì sao cô ta lại gắn bó với châu Phi.”

“Có thể.” Katrine đổi tư thế ngồi, chân trái giờ vắt sang chân phải, và Harry chuyển ánh nhìn đi chỗ khác. “Dù sao thì Rolf và Sylvia đã nghỉ một năm để du lịch khắp vùng Tây Phi. Không ngờ đó là con đường khai sáng đối với cả hai. Rolf phát hiện ra lẽ sống của anh ta là giúp châu Phi đứng dậy trên đôi chân của chính mình. Còn Sylvia, người có hình xăm quốc kỳ Ethiopia to tướng trên lưng, hiểu ra rằng ai cũng chỉ biết lo cho bản thân, ngay cả ở châu Phi. Vậy là họ mở cửa hàng Hương vị châu Phi. Mục đích của Rolf là giúp đỡ châu lục nghèo khó, còn với Sylvia, mấy thứ đồ nhập khẩu giá rẻ kết hợp với sự trợ giúp của chính phủ có vẻ là món tiền ngon ăn. Và cô ta có cùng động cơ như trên lúc bị bắt giữ tại cửa hải quan khi trở về từ Lagos với một ba lô đầy cần sa.”

“Biết ngay mà.”

“Sylvia bị phạt cải tạo không giam giữ trong thời gian ngắn vì cô ta kêu oan. Cô ta nói không biết trong ba lô chứa thứ gì mà chỉ mang theo lời nhờ cậy của một người Nigeria sống ở Na Uy thôi.”

“Ừm. Còn gì nữa không?”

“Ane rất quý Rolf. Anh ta là người nhân hậu, chu đáo, hết mực thương con. Nhưng rõ ràng anh ta trở nên mù quáng trước tất cả những việc liên quan đến Sylvia. Đã hai lần cô ta phải lòng người đàn ông khác và bỏ rơi bố con Rolf. Nhưng rồi hai gã kia đều quất ngựa truy phong và Rolf thì vẫn vui vẻ chấp nhận đoàn tụ với cô ta.”

“Theo cô thì cô ta nắm thóp được ông chồng ở điểm nào?”

Katrine Bratt nở một nụ cười thoáng buồn, mắt nhìn xa xăm, tay mân mê gấu váy. “Tôi đoán là lý do thường tình thôi. Chẳng ai rời bỏ được người đem lại cho mình cảm giác thỏa mãn trong chuyện gối chăn. Dù có cố đến mấy đi nữa nhưng cuối cùng vẫn ngựa quen đường cũ thôi. Con người tầm thường như thế đấy, phải không?”

Harry chậm rãi gật đầu. “Vậy những gã đá cô ta và không quay lại thì sao?”

“Đàn ông thì khác. Theo thời gian, một vài người gặp trục trặc trong khâu hành sự.”

Harry nhìn cô đăm đăm. Và quyết định không tiếp tục theo đuổi đề tài đó nữa.

“Cô có gặp được Rolf Ottersen không?”

“Có, anh về được mười phút thì anh ta đến,” Katrine nói. “Trông sắc mặt anh ta đỡ hơn lần trước. Anh ta chưa từng nghe nói đến phòng khám phẫu thuật chỉnh hình ở Bygdøy, nhưng cũng chấp thuận ký giấy bỏ quyền bảo mật thông tin bệnh nhân.” Cô để lại tờ giấy gấp gọn lên bàn anh.

Một cơn gió lạnh căm ùa tới hàng ghế thấp ở Valle Hovin nơi Harry đang ngồi xem những người trượt băng lướt vòng quanh sân. Trong năm vừa rồi, kỹ năng của Oleg đã linh hoạt và thuần thục hơn. Mỗi khi cậu bạn định tăng tốc để vượt qua, Oleg hạ người xuống thấp và bám chắc vào mặt băng rồi bình thản lướt đi.

Harry gọi điện cho Espen Lepsvik và hai người trao đổi thông tin với nhau. Harry được biết trong đêm Birte mất tích, có người nhìn thấy một chiếc xe sedan tối màu đi vào khu Hoffsveien lúc đã khuya. Không lâu sau, nó lại quay về theo đường cũ.

“Xe sedan tối màu,” Harry lặp lại và rùng mình ghê sợ. “Trong đêm hôm đó.”

“Phải, tôi biết chừng ấy là chưa đủ.” Lepsvik thở dài.

Harry vừa cất điện thoại vào túi áo thì chợt cảm thấy có thứ gì đó đang chắn mất một phần ánh sáng đèn pha.

“Xin lỗi vì tôi đến hơi trễ.”

Anh ngẩng lên và bắt gặp gương mặt tươi cười của Mathias Lund-Helgesen.

Anh chàng đặc phái viên của Rakel ngồi xuống ghế. “Anh thích các môn thể thao mùa đông à, Harry?”

Harry nhận thấy Mathias có kiểu nhìn trực diện vào đối phương với vẻ mặt nghiêm túc đến nỗi khiến người ta có cảm giác anh ta vẫn đang lắng nghe dù miệng thì đang nói.

“Cũng không hẳn. Tôi có chút hứng thú với trượt băng thôi. Còn anh?”

Mathias lắc đầu. “Có điều tôi đã quyết định rằng sau này, khi công trình để đời của tôi đã hoàn tất và bệnh tình trầm trọng đến mức không còn thiết tha gì với cuộc sống nữa, tôi sẽ đi cáp treo lên tầng thượng của tháp ski jump trên ngọn đồi đằng kia.”

Anh ta hất ngón cái ra phía sau vai, Harry không cần ngoái lại cũng biết. Holmenkollen, công trình thân thương nhất và khu ski jump tồi tệ nhất của Oslo, luôn dễ thấy dù anh có đứng ở bất cứ đâu trong thành phố này.

“Và nhảy xuống. Không phải từ cáp treo mà từ trên tháp.”

“Kịch tính đấy,” Harry nói.

Mathias mỉm cười. “Cú rơi tự do ở độ cao bốn mươi mét. Chỉ vài giây là xong.”

“Nhưng chắc cũng còn lâu mới đến lúc ấy.”

“Vói nồng độ kháng thể kháng Scl-70 trong máu tôi thì khó mà nói trước được điều gì.” Mathias cười với vẻ u ám.

“Kháng thể kháng Scl-70?”

“Phải, các kháng thể là tốt, nhưng nếu chúng xuất hiện thì luôn phải cẩn thận. Chúng hiện diện đều có nguyên do cả.”

“Ừm. Tôi tưởng bác sĩ mà lại có tư tưởng tự sát thì trái đạo quá.”

“Liên quan đến bệnh tật thì chẳng ai rành hơn bác sĩ. Tôi có cùng quan điểm với Zenon khắc kỷ, người cho rằng tự sát là điều đáng làm khi cái chết có sức cám dỗ hơn cuộc sống. Ông ta bị trật khớp ngón chân cái ở tuổi chín mươi tám. Điều đó khiến ông ta khổ sở đến mức ông ta quyết định về nhà treo cổ tự tử.”

“Thế sao anh không treo cổ mà lại mất công trèo lên tận tầng thượng khu ski jump Holmenkollen?”

“À thì, cái chết nên là một cách tôn vinh sự sống. Mà cũng phải thú thật là tôi thích ý nghĩ công chúng hẳn sẽ rất quan tâm sau khi việc đó xảy ra. Chứ đề tài nghiên cứu của tôi thì e rằng ít được chú ý lắm.” Giọng cười vui vẻ của Mathias bị xé thành muôn mảnh bởi tiếng lưỡi giày lao vun vút trên băng. “Nhân tiện, xin lỗi vì tôi đã trót mua giày trượt mới cho Oleg. Về sau Rakel mới nói với tôi là anh định tặng nó một đôi vào dịp sinh nhật.”

“Có gì đâu.”

“Nó sẽ thích hơn nếu được anh tặng, anh biết đây.”

Harry im lặng không đáp.

“Tôi ghen tị với anh đấy Harry. Anh có thể ngồi đây đọc báo, gọi điện thoại, nói chuyện với người khác; Oleg chỉ cần sự hiện diện của anh là đủ. Trong khi tôi hò hét cổ vũ nó, làm đủ điều có trong sách dạy làm cha, thì lại chỉ khiến nó khó chịu. Anh có biết ngày nào nó cũng mang giày trượt ra lau vì nó biết trước đây anh cũng làm thế? Mãi đến khi Rakel yêu cầu cất giày trong nhà nó mới chịu, chứ trước đó nó một mực đòi để ngoài cửa vì anh từng nói lưỡi trượt bằng thép luôn phải giữ lạnh. Anh chính là hình mẫu lý tưởng của nó.”

Ý nghĩ ấy khiến Harry rùng mình. Nhưng đâu đó sâu thẳm trong thâm tâm - mà thực ra cũng không sâu đến mức ấy - anh lại hài lòng khi nghe thấy thế. Vì anh là kẻ đáng ghét lòng dạ hẹp hòi, những muốn âm thầm trù ẻo nỗ lực lấy lòng Oleg của Mathias.

Mathias nghịch nghịch chiếc cúc áo khoác. “Điều đó thật lạ trong thời buổi ly dị đầy rẫy như thế này, trẻ con đứa nào cũng ý thức sâu sắc về gốc rễ của chúng. Người cha mới chẳng bao giờ thay thế được người cha thật sự.”

“Người cha thật sự của Oleg đang sống ở Nga,” Harry nói.

“Trên giấy tờ thì đúng,” Mathias đáp với nụ cười nửa miệng. “Nhưng thực tế lại khác đấy Harry.”

Oleg trượt qua chỗ họ và vẫy chào. Mathias vẫy tay đáp lại.

“Anh từng làm việc với một bác sĩ tên là Idar Vetlesen,” Harry nói.

Mathias ngạc nhiên nhìn anh. “Idar, phải rồi. Ở phòng khám Marienlyst. Trời đất, anh cũng quen Idar à?”

“Không, tôi tra Google tên anh ta và tìm thấy một trang web cũ với danh sách bác sĩ làm việc tại phòng khám. Trong đó có cả tên anh.”

“Đó giờ mấy năm rồi, nhưng làm ở Marienlyst rất vui. Phòng khám mở ra vào thời điểm ai cũng tin rằng kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe tư sẽ kiếm được bộn tiền, và rồi đi xuống khi dân tình hiểu ra mọi chuyện không đơn giản như thế.”

“Các anh phá sản à?”

“Tôi nghĩ hình như họ gọi là cắt giảm biên chế. Anh là bệnh nhân của Idar sao?”

“Không, tên anh ta xuất hiện do có mối liên quan tới một vụ án. Có thể cho tôi biết anh ta là người thế nào không?”

“Idar Vetlesen ư?” Mathias bật cười, “Ừ, anh ta thì có nhiều điều để nói lắm. Chúng tôi từng học chung và chơi chung một nhóm suốt nhiều năm.”

“Nói vậy nghĩa là các anh không còn liên hệ gì với nhau nữa?”

Mathias nhún vai. “Có lẽ Idar và tôi có khá nhiều điểm khác biệt. Phần lớn những người trong nghề bọn tôi coi ngành y như là cái nghiệp vậy. Nhưng Idar thì khác. Anh ta cũng thẳng thắn thừa nhận. Anh ta học y vì đó là nghề được kính trọng nhất. Dù sao tôi cũng ngưỡng mộ sự thành thật đó.”

“Vậy là Idar Vetlesen chỉ quan tâm làm sao để được kính trọng?”

“Tất nhiên còn cả chuyện tiền bạc nữa. Chẳng ai ngạc nhiên khi Idar theo ngành phẫu thuật chỉnh hình, hay làm việc ở phòng khám phục vụ nhóm khách hàng có tiền và có tiếng. Anh ta luôn bị thu hút bởi những người như thế. Anh ta muốn được như họ, muốn gia nhập thế giới của họ. Vấn đề nằm ở chỗ Idar cố hơi quá đà. Tôi có thể tưởng tượng đám người nổi tiếng trước mặt anh ta thì cười cười nói nói, nhưng sau lưng lại gọi anh ta là tên khốn giả tạo, bám dai.”

“Ý anh muốn nói anh ta là loại người sẵn sàng bất chấp tất cả để đạt được mục đích?”

Mathias đăm chiêu nghĩ ngợi. “Idar luôn kiếm tìm một thứ có thể mang lại thanh danh cho anh ta. Vấn đề của Idar không phải là anh ta không có nhiệt huyết, mà anh ta không tìm được mục đích sống. Lần nói chuyện gần đây nhất với tôi, anh ta có vẻ chán nản, thậm chí là suy nhược.”

“Theo anh, liệu anh ta có tìm được mục đích sống đem lại vinh quang cho bản thân không? Một việc ngoài ngành y chăng?”

“Tôi chưa nghĩ đến điều đó, nhưng cũng có thể. Anh ta không thực sự có phẩm chất của một bác sĩ.”

“Về mặt nào?”

“Về mặt ngưỡng mộ những người thành đạt và khinh ghét người yếu thế, bệnh tật. Idar không phải bác sĩ duy nhất có tư tưởng đó, nhưng chỉ mình anh ta dám công khai thể hiện.” Mathias cười. “Trong nghề này, bọn tôi lúc mới đầu toàn là những kẻ theo chủ nghĩa lý tưởng tuyệt đối, rồi chẳng biết từ lúc nào dần dần mải mê hơn với nghề bác sĩ tư vấn, với việc trả hết số tiền vay để xây gara mới, rồi tiền làm thêm giờ. ít nhất thì Idar không phản bội lại lý tưởng nào; xưa nay anh ta vẫn thế, chẳng hề thay đổi.”

Idar Vetlesen phá lên cười. “Mathias thực sự nói thế sao? Tôi không phản bội lại lý tưởng nào ấy hả?”

Anh ta có khuôn mặt dễ coi, gần như nữ tính, hai hàng lông mày mảnh đến nỗi nhìn vào dễ tưởng anh ta tỉa tót, hàm răng trắng sáng và đều tăm tắp đến nỗi nhìn vào dễ tưởng anh ta đi mượn. Da dẻ có vẻ mềm mại và được tút tát; mái tóc dày bồng bềnh đầy sức sống. Nói tóm lại là trông anh ta trẻ hơn so với cái tuổi ba mươi bảy.

“Tôi không biết anh ta nói thế có ý gì,” Harry nói dối.

Hai người đang an tọa trên hai chiếc ghế bành sâu lòng trong phòng đọc sách của căn nhà rộng rãi sơn trắng được xây theo phong cách cổ điển, oai nghiêm của vùng Bygdøy. Đó là ngôi nhà anh ta sinh ra và lớn lên, Idar Vetlesen kể với Harry trong lúc dẫn anh đi qua hai khu sảnh rộng rãi, tối tăm, đến một căn phòng bốn bề toàn là sách. Mikkjel Fønhus. Kjeli Aukrust. The Shop Steward của Einar Gerhardsen. Đủ các thể loại văn học đại chúng và tiểu sử của các chính khách. Cả một dãy kệ bày đầy tạp chí Reader’s Digest ố vàng. Harry không thấy số nào xuất bản sau năm 1970.

“Ồ, nhưng tôi thì biết.” Idar cười khùng khục.

Harry đã lờ mờ hiểu ý Mathias muốn ám chỉ khi nói rằng quãng thời gian làm ở phòng khám Marienlyst rất vui. Chắc ở đó họ thi xem ai cười nhiều nhất.

“Mathias, thằng cha thánh thiện. May mắn thì đúng hơn. Không, khỉ ạ, vừa thánh thiện vừa may mắn mới đúng.” Idar Vetlesen cười vang. “Họ nói không tin vào Chúa, nhưng các đồng nghiệp kính Chúa của tôi là những kẻ mộ đạo nhát gan, tích đức chẳng qua vì trong thâm tâm họ kinh sợ trước viễn cảnh bị hỏa ngục thiêu cháy.”

“Anh thì không ư?” Harry hỏi.

Idar nhướn một bên lông mày thanh mảnh, nhìn Harry với vẻ tò mò. Idar đi đôi giày mọi màu xanh nhạt dây buộc hờ, mặc quần jean và áo phông tennis trắng có hình người chơi mã cầu hên ngực trái. Harry chẳng nhớ nổi cái áo là của thương hiệu thời trang nào, chỉ biết là vì lý do nào đó anh xếp nó vào loại nhàm chán.

“Tôi xuất thân trong gia đình thực tế, thanh tra ạ. Bố tôi là tài xế taxi. Chúng tôi chỉ tin vào những gì mắt thấy tai nghe.”

“Ừm. Tài xế taxi mà có nhà đẹp thế.”

“Ông ấy sở hữu một công ty taxi, có ba giấy phép hành nghề. Nhưng ở Bygdøy này thì tài xế taxi là kẻ thấp kém, và sẽ luôn luôn là thế.”

Harry quan sát gã bác sĩ và cố tìm hiểu xem anh ta có đang dùng loại ma túy nào không. Vetlesen ngả người trên ghế với phong thái ung dung tự tại quá mức, như thể đang cố che giấu trạng thái bất an hoặc phấn khích. Ý nghĩ đó cũng từng lướt qua tâm trí Harry lúc anh gọi điện cho Vetlesen nói rằng cảnh sát muốn hỏi anh ta đôi điều và Vetlesen đã ngỏ lời mời anh đến nhà một cách nhiệt tình gần như thái quá.

“Nhưng anh thì không muốn lái taxi,” Harry nói. “Anh muốn… nâng tầm nhan sắc cho người khác?”

Vetlesen mỉm cười. “Anh có thể nói tôi chào hàng dịch vụ của mình cho thị trường phù phiếm. Hoặc tôi cải thiện ngoại hình của người khác để xoa dịu nỗi đau nội tâm cho họ. Anh muốn nghĩ sao cũng được. Đúng ra mà nói, tôi đếch quan tâm.” Chắc mẩm Harry sẽ tỏ vẻ sửng sốt trước câu đó, Vetlesen bật cười rào trước. Nhưng khi thấy Harry không cắn câu, vẻ mặt anh ta trở nên nghiêm túc hơn. “Tôi tự coi mình giống như một điêu khắc gia. Tôi chẳng theo đuổi lý tưởng cao siêu. Tôi thích thay đổi diện mạo, tạo hình khuôn mặt. Đó là việc tôi luôn yêu thích. Tôi làm tốt, và được người ta trả tiền. Có thế thôi.”

“Ừm.”

“Nhưng điều đó không có nghĩa tôi làm việc vô nguyên tắc. Và bảo mật thông tin bệnh nhân là một trong số đó.”

Harry không nói gì.

“Tôi đã trao đổi với Borghild,” anh ta nói. “Tôi biết anh mong muốn điều gì, thanh tra ạ. Và tôi cũng hiểu đây là vấn đề hết sức hệ trọng. Nhưng tôi không thể giúp được anh. Tôi bị ràng buộc bởi lời thề.”

“Giờ thì hết rồi.” Harry lấy ra tờ giấy gấp gọn cất ở túi trong và đặt lên chiếc bàn ngăn cách giữa hai người. “Bố của cặp sinh đôi đã ký giấy miễn trách nhiệm cho anh đấy.”

Idar lắc đầu. “Có nó hay không cũng chẳng khác gì nhau.”

Harry nhíu mày ngạc nhiên. “Vậy sao?”

“Tôi không thể tiết lộ tên người đến gặp tôi hoặc những điều họ nói, nhưng tôi có thể nói chung rằng những người đến khám cùng con cái đều được bảo vệ bởi lời thề bảo mật thông tin khách hàng, ngay cả vợ hoặc chồng họ cũng không được biết nếu họ có yêu cầu.”

“Tại sao Sylvia Ottersen lại giấu chồng việc cô ta đưa hai con đến khám chỗ anh?”

“Chúng tôi có thế cứng nhắc thật, nhưng anh cũng cần nhớ rằng nhiều khách hàng của chúng tôi là người nổi tiếng, họ luôn phải đối mặt với đủ lời đàm tiếu tầm phào cùng ánh mắt soi mói của báo giới. Anh cứ thử đến quán Kunstnernes Hus vào tối thứ Sáu và nhìn quanh một lượt đi. Anh không biết bao nhiêu người trong số đó đã từng nhờ tôi cắt chỗ này gọt chỗ kia đâu. Việc họ ghé qua phòng khám của tôi bị phơi bày trước bàn dân thiên hạ ấy à, chỉ cần nghĩ đến thôi là họ đã chết khiếp rồi. Danh tiếng chúng tôi có được cũng là nhờ bảo mật. Nếu chẳng may việc chúng tôi không cẩn trọng với thông tin khách hàng lộ ra thì phòng khám sẽ phải gánh chịu hậu quả vô cùng thê thảm. Tôi tin là anh cũng hiểu.”

“Chúng tôi đang điều tra hai nạn nhân của hai vụ án mạng với một điểm chung duy nhất giữa họ,” Harry nói. “Họ đều đến phòng khám của anh.”

“Điều đó tôi không thể và cũng không đời nào xác nhận, ừ thì cứ tạm cho rằng đúng là họ đến chỗ tôi đi.” Vetlesen phẩy tay. “Thế thì sao chứ? Na Uy là quốc gia ít dân, số lượng bác sĩ thậm chí còn ít hơn. Anh có biết chúng ta chỉ cần qua vài cái bắt tay giữa người này với người kia là quen nhau hết không? Xác suất hai nạn nhân này đến khám cùng một chỗ cũng chẳng nhỏ hon xác suất họ có thể đã từng gặp nhau trên tàu điện vào một lúc nào đó. Anh đã bao giờ tình cờ gặp bạn khi đang đi tàu điện chưa?”

Harry không hình dung nổi dịp nào như thế. Trước hết là vì anh chẳng mấy khi đi tàu điện.

“Tôi đường xa lặn lội tới đây mà anh lại không chịu tiết lộ điều gì,” Harry nói.

“Rất xin lỗi. Tôi mời anh đến nhà vì cho rằng nếu không thế thì chỉ còn cách đến Sở Cảnh sát. Mà ở đó lúc này báo giới đang chầu chực ngày đêm săm soi kẻ vào người ra. Phải, tôi biết bọn họ là vậy đấy…”

“Tôi có thể xin lệnh khám xét khiến lời thề bào mật của anh hoàn toàn vô hiệu, anh biết chứ?”

“Tùy anh thôi,” Vetlesen đáp. “Trong trường hợp đó, phòng khám sẽ đứng về phía pháp luật. Nhưng chưa đến lúc ấy thì…” Anh ta làm động tác kéo khóa môi.

Harry cựa mình trên ghế. Anh hiểu Idar biết anh nhận thức rõ những lời anh ta nói. Để tòa án chịu ban lệnh vô hiệu hóa lời thề bảo mật, ngay cả với một vụ án mạng, cảnh sát phải đưa ra chứng cứ rõ ràng chứng minh được tầm quan trọng của thông tin bác sĩ có thể cung cấp. Mà cảnh sát thì nắm được gì nào? Vetlesen nói không sai, xác suất chỉ như gặp nhau trên tàu điện. Harry cảm thấy thôi thúc mãnh liệt muốn làm điều gì đó. Uống rượu. Hoặc nâng tạ. Một cách thật điên cuồng. Anh hít vào một hơi.

“Tôi vẫn buộc phải hỏi anh đã ở đâu vào đêm mồng hai và mồng bốn tháng Mười một.”

“Tôi biết thế nào anh cũng hỏi.” Vetlesen mỉm cười. “Nên tôi đã nghĩ từ trước. Hôm đó tôi ở đây cùng… à vâng, bà ấy đây rồi.”

Một bà lão với mái tóc nâu xỉn tựa tấm rèm rủ xuống quanh đầu lặng lẽ bước vào phòng, tay bưng cái khay bạc đựng hai tách cà phê rung rinh đến sợ. Vẻ mặt bà trông như thể lưng bà đang vác thánh giá và đầu đội vòng gai. Chỉ cần một cái liếc mắt của bà, cậu con trai lập tức đứng phắt dậy và đỡ lấy chiếc khay.

“Cảm ơn mẹ.”

“Buộc dây giày vào.” Bà hơi quay về phía Harry. “Có ai định cho tôi biết tên tuổi người đến kẻ đi trong cái nhà này không vậy?”

“Đây là thanh tra Hole ạ. Anh ta đến hỏi con đã ở đâu ngày hôm qua và ba hôm trước.”

Harry đứng dậy chìa tay ra.

“Dĩ nhiên là mẹ nhớ,” bà nói, trao cho Harry ánh nhìn cam chịu và bàn tay đầy vết đồi mồi. “Hôm đó hai mẹ con xem chương trình nói chuyện có anh bạn trong nhóm chơi bi đá trên băng của con. Và mẹ không thích những lời cậu ta nói về hoàng gia. Mà tên cậu ta là gì ấy nhỉ?”

“Arve Støp ạ.” Idar thở dài.

Bà lão rướn người về phía Harry. “Cậu ta bảo dẹp hết hoàng gia đi thì hơn. Anh có hình dung nổi điều gì kinh khủng như vậy không? Hồi chiến tranh mà không có hoàng gia thì Na Uy sẽ đi về đâu?”

“Về ngay chỗ ta đang ở lúc này chứ đâu,” Idar nói. “Hiếm có nhà cầm quyền nào lại vô tích sự đến thế trong thời chiến. Anh ta còn bảo lượng người ủng hộ vương triều đông đảo như vậy chính là bằng chứng cuối cùng cho thấy hầu hết mọi người vẫn còn tin vào quỷ quái và thần tiên.”

“Điều đó chẳng phải đáng sợ lắm sao?”

“Hẳn rồi mẹ.” Idar cười cười đặt tay lên vai bà, đồng thời liếc chiếc đồng hồ hiệu Breitling nhìn có vẻ quá khổ và nặng nề trên cổ tay gầy guộc. “Thôi chết! Đến giờ tôi phải đi rồi, Hole ạ. Chúng ta nhanh nhanh giải quyết tách cà phê này thôi.”

Harry lắc đầu và mỉm cười với bà Vetlesen. “Cà phê chắc là rất ngon nhưng cháu xin phép để hôm khác ạ.”

Bà lão thở dài thườn thượt, miệng lẩm bẩm điều gì chẳng rõ, sau đó bà cầm lấy chiếc khay và lại trở ra.

Khi Idar và Harry đứng ở hành lang, Harry quay lại hỏi, “Anh nói may mắn là có ý gì?”

“Sao cơ?”

“Lúc nãy anh bảo Mathias Lund-Helgesen không chỉ là thằng cha thánh thiện, mà còn may mắn nữa.”

“A, ra vậy! Ấy là về ả đàn bà mà hắn câu được. Mathias nói chung khá vô tích sự trong khoản đó, nhưng cô ả kia hẳn đã từng cặp kè với mấy gã vô dụng. Chắc là cần lắm một kẻ kính Chúa như hắn. Đừng bảo với Mathias là tôi nói thế nhé. Hoặc đừng nhắc đến thì hơn.”

“Nhân tiện, anh có biết kháng thể kháng Scl-70 là gì không?”

“Đó là một loại kháng thể trong máu. Có thể là dấu hiệu của bệnh Scleroderma. Anh quen ai mắc bệnh đó à?”

“Tôi còn chẳng biết Scleroderma là gì nữa kia.” Harry nhận ra mình nên chấm dứt câu chuyện này đi thì hơn. Anh muốn lắm nhưng không thể. “Vậy ra Mathias nói cô ta từng cặp kè với mấy gã dở người?”

“Theo tôi hiểu thì là thế. Thánh Mathias chả bao giờ nói về người khác bằng những từ kiểu đó. Trong mắt hắn, bất cứ ai cũng có thể trở thành người tốt hơn.” Tiếng cười của Idar Vetlesen vang vọng khắp những căn phòng tối om.

Sau khi Harry nói lời cảm ơn và xỏ chân vào đôi bốt, lúc đứng trên bậc tam cấp bên ngoài, anh ngoái nhìn khi cửa khép lại và thấy Idar ngồi đó, cúi xuống thắt lại dây giày.

Trên đường về, Harry gọi điện cho Skarre bảo anh ta in ảnh của Vetlesen trên trang web ra và mang đến cho Đơn vị Phòng chống Ma túy để xem có ai trong đội cảnh sát ngầm nhận ra gã này từng mua ma túy đá không.

“Mua trên phố á?” Skarre hỏi. “Chẳng phải bác sĩ nào cũng có những thứ kiểu đó trong tủ thuốc sao?”

“Phải, nhưng quy định kê khai thuốc bây giờ nghiêm lắm, bác sĩ thà mua hồng phiến của dân buôn trên phố Skippergata còn hơn.”

Sau khi ngắt máy, Harry gọi cho Katrine ở văn phòng.

“Hiện tại thì không có gì,” cô nói. “Giờ tôi chuẩn bị về. Anh đang trên đường về à?”

“Ừ.” Harry ngần ngừ. “Cô nghĩ liệu có khả năng tòa án đồng ý yêu cầu Vetlesen từ bỏ lời thề Hippocrate không?”

“Với những gì chúng ta thu được ấy à? Dĩ nhiên tôi có thể kiếm cái váy siêu ngắn rồi lượn qua tòa án và tìm một ông thẩm phán nào đó tuổi tác vừa phải. Nhưng nói thật nhé, ta nên quên đi thì hơn.”

“Nhất trí.”

Harry cho xe chạy đến phố Bislett. Anh nghĩ đến căn hộ bị lột sạch của mình. Anh nhìn đồng hồ rồi đổi ý và ngoặt sang phố Pilestredet, hướng về Sở Cảnh sát.

Lúc hai giờ sáng, một lần nữa Harry lôi Katrine đang say giấc nồng dậy nghe điện thoại.

“Lại chuyện gì nữa đây?” cô hỏi.

“Tôi đang ở văn phòng và xem qua những thông tin cô tìm được. Cô nói những phụ nữ mất tích đều đã có chồng con. Tôi cho rằng đó có thể là chi tiết đáng ngờ.”

“Gì cơ?”

“Tôi không biết. Tôi chỉ muốn nghe mình nói ra điều đó với người khác. Để xem có ngớ ngẩn không.”

“Vậy anh thấy thế nào?”

“Ngớ ngẩn. Chúc ngủ ngon.”

Eli Kvale nằm mở bừng mắt. Bên cạnh cô, Andreas đang thở nặng nhọc không chút ưu tư, vướng bận. Một vạt ánh trăng lọt qua khe hở giữa hai tấm rèm, rọi lên bức tường đúng vào cây thánh giá cô mua hồi đi nghỉ trăng mật ở Rome. Điều gì đã khiến cô thức giấc nhỉ? Phải chăng là Trygve? Nó dậy rồi ư? Bữa ăn và buổi tối trôi đi như những gì cô mong đợi. Cô được ngắm nhìn hai gương mặt hạnh phức rạng ngời trong ánh nến, mọi người thi nhau nói, ai cũng có bao điều muốn kể! Nhất là Trygve. Và khi thằng bé kể về Montana, về việc học hành và bạn bè ở đó, cô chỉ lặng im ngắm con trai, chàng trai trẻ đã dần thành người lớn, thành bất cứ ai mà nó mong muốn, tự tay xây đắp đời mình. Điều khiến cô hạnh phúc nhất là Trygve có thể lựa chọn. Một cách tự do và thoải mái. Không giống như cô, phải giấu giấu giếm giếm trong bí mật.

Cô nghe thấy tiếng căn nhà cọt kẹt, nghe bốn bức tường chuyện trò với nhau.

Nhưng còn một âm thanh khác nữa, một tiếng động lạ. Từ ngoài vọng vào.

Cô rời khỏi giường, bước tới bên cửa sổ và he hé vén rèm ra xem. Tuyết rơi rồi. Những cành táo đã khoác lên mình lớp áo dày, ánh trăng phản xạ trên lớp tuyết mỏng phủ trắng sân, tô đậm cảnh vật trong vườn. Cô nhìn từ cổng tới gara, không hiểu mình đang kiếm tìm điều gì. Bỗng ánh mắt cô dừng lại. Cô sửng sốt và hãi hùng hít mạnh một hơi. Đừng lại bắt đầu nữa đi, cô nhủ thầm. Nhất định là Trygve đó thôi. Nó mệt mỏi sau chuyến bay dài, không ngủ được nên mới ra ngoài. Dấu chân đi từ cổng vào và dừng lại ngay bên dưới ô cửa sổ cô đang đứng. Nhìn chúng giống như một hàng chấm màu đen in trên lớp tuyết mỏng. Một khoảng lặng khơi gợi kịch tính trên trang sách.

Không có dấu chân trở ra ngoài.

## Ngày thứ bảy

### ĐỐI THOẠI

“Bên Phòng chống Ma túy có người nhận ra hắn,” Skarre nói. “Khi tôi cho xem ảnh Vetlesen, cậu thanh tra đó nói đã trông thấy hắn vài lần tại mấy ngã tư giữa phố Skippergata và Tollbugata.”

“Ở mấy ngã tư đó có gì vậy?” Gunnar Hagen, một mực đòi tham dự cuộc họp sáng thứ Hai trong văn phòng của Harry, lên tiếng thắc mắc.

Skarre nghi hoặc đưa mắt nhìn Hagen như muốn xem vị POB nói thật hay đùa.

“Dân buôn ma túy, cờ bạc, đĩ điếm,” anh ta đáp. “Đó là chốn ăn chơi mới của chúng sau khi bị ta quét sạch khỏi phố Plata.”

“Chỉ ở đó thôi sao?” Hagen hếch cằm hỏi. “Tôi nghe nói bây giờ chúng mở rộng địa bàn rồi cơ mà.”

“Nơi ấy gần như là trung tâm,” Skarre nói. “Nhưng dĩ nhiên sếp vẫn sẽ bắt gặp bọn chúng nếu đi xuống dưới Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc ngược lên phía ngân hàng Norges. Hay là quanh Bảo tàng Nghệ thuật Astrup Fearnley, Nhà hát Gamle Logen, quán cà phê Church Mission…” Skarre ngừng lời khi nghe tiếng Harry ngáp rõ to.

“Xin lỗi,” Harry nói. “Cuối tuần rồi vất vả quá. Cậu nói tiếp đi.”

“Cậu thanh tra không nhớ có thấy hắn mua ma túy không. Cậu ta bảo hình như Vetlesen hay qua lại khách sạn Leon.”

Đúng lúc đó Katrine Bratt bước vào phòng. Cô ăn vận có phần lôi thôi, mặt mũi nhợt nhạt, hai mắt híp tịt lại nhưng vẫn vui vẻ cất lời chào bằng chất giọng đặc sệt vùng Bergen trong lúc loay hoay tìm ghế. Bjørn Holm nhảy phắt dậy, đưa tay mòi cô ngồi vào chỗ của mình rồi đi kiếm ghế khác.

“Leon ở phố Skippergata ấy hả?” Hagen hỏi. “Chúng bán ma túy ở đấy à?”

“Cũng có thể,” Skarre nói. “Nhưng tôi thấy bọn gái điếm da đen ra vào nhiều lắm, nên chắc đây là quán mátxa trá hình.”

“Không đâu,” Katrine Bratt nói, quay lưng về phía mọi người trong lúc treo áo khoác lên mắc. “Mátxa là một trong những lĩnh vực kinh doanh kín, mà bây giờ do người Việt Nam nắm giữ. Cơ sở của họ đặt ở các vùng ngoại ô, tại những khu dân cư kín đáo, họ thuê phụ nữ Á và không xâm phạm địa bàn làm ăn mở của dân châu Phi.”

“Hình như tôi từng thấy biển cho thuê phòng giá rẻ treo ở ngoài,” Harry nói. “Bốn trăm krone mỗi đêm.”

“Đúng vậy,” Katrine nói. “Họ có phòng nhỏ công khai cho thuê theo ngày, nhưng thực tế là tính tiền theo giờ. Tiền lậu đấy. Khách chẳng mấy ai đòi hóa đơn. Kiếm được nhiều nhất chính là các chủ khách sạn người da trắng.”

“Quý cô đây nói chuẩn khỏi chỉnh,” Skarre nhe răng cười với Hagen. “Quái lạ là Đơn vị Phòng chống Tội phạm Tình dục ở Bergen sao tự nhiên lại rành mấy nhà thổ tại Oslo thế.”

“Nghề đó ở đâu mà chẳng như nhau,” Katrine đáp. “Có muốn cá gì trong số những điều tôi vừa nói không?”

“Chủ khách sạn là dân Pakistan,” Skarre nói. “Hai trăm krone.”

“Xong.”

“Được rồi,” Harry nói và vỗ tay một cái. “Vậy ta còn ngồi đây làm chi nữa?”

Chủ khách sạn Leon tên là Børre Hansen, người vùng Solør ở miền Đông, có nước da nhờn nhợt hệt như chỗ tuyết ướt theo chân những khách hàng đi vào và đọng lại trên sàn gỗ ghép đã mòn vẹt cạnh quầy đón tiếp, bên dưới tấm biển đề hai chữ LẼ TÂN màu đen. Cả chủ lẫn khách đều chẳng mấy để tâm đến chính tả nên tấm biển vẫn ngang nhiên ngự ở đó từ ngày Børre treo lên đến nay: bốn năm. Trước đó, ông ta lang bạt khắp Thụy Điển để bán Kinh Thánh, rồi lại thử vận may trong nghề bán phim con heo bỏ đi bằng đường tiểu ngạch ở [Svinesund](#Svinesund_la_vung_vinh_phan_cach) và học được thứ tiếng địa phương nghe như lai tạp giữa nghệ sĩ nhạc dance và mục sư. Chính tại Svinesund ông ta đã gặp Natasha, một vũ công thoát y người Nga, bọn họ chỉ kịp thoát khỏi tay lão quản lý đồng hương của cô ta trong gang tấc. Sau đó Natasha thay tên đổi họ và hiện đang sống cùng Børre ở Oslo. Ông ta mua lại khách sạn Leon từ tay ba người Siberia không thể tiếp tục ở lại Na Uy vì nhiều nguyên nhân, tiếp quản công việc kinh doanh của họ vì chẳng thấy lý do gì để chuyển đổi mô hình vốn có: cho thuê phòng trong thời gian ngắn, thường là cực ngắn. Thu nhập chủ yếu ở dạng tiền mặt, mà khách thì không đòi hỏi cao về quy chuẩn phục vụ cũng như cơ sở vật chất. Việc làm ăn khá thuận lợi và ông ta không muốn để mất nó. Vì thế, ông ta chẳng ưa hai kẻ đang đứng trước mặt mình lúc này tí nào, nhất là hai tấm thẻ họ trưng ra.

Svinesund là vùng vịnh phân cách giữa Thụy Điển và Na Uy.

Gã đàn ông cao lớn tóc húi cua đặt một tấm ảnh lên quầy. “Đã thấy người này bao giờ chưa?”

Børre Hansen lắc đầu, dù sao cũng nhẹ cả người khi biết mình không phải đối tượng họ cần tìm.

“Chắc chứ?” gã kia nói, tì khuỷu tay lên quầy và nhoài người tới trước.

Børre nhìn bức ảnh một lần nữa, thầm nghĩ đáng lẽ vừa rồi ông ta phải soi thẻ kỹ hơn; trông gã này giống lũ nghiện lang thang trên phố hơn cảnh sát. Cô ả đứng phía sau gã cũng chẳng có vẻ gì là cảnh sát cả. Cô ta có gương mặt dạn dày của gái làng chơi đấy, nhưng phần còn lại thì đúng chuẩn quý bà. Nếu tìm được một tên ma cô không lột sạch tiền đi khách thì dễ thường cô ta cũng phải kiếm gấp năm lần lương cảnh sát là ít.

“Bọn tôi biết ông điều hành nhà thổ ở đây,” gã cảnh sát nói.

“Tôi điều hành khách sạn hợp pháp, có giấy phép kinh doanh, giấy tờ đàng hoàng. Anh có muốn xem không?” Børre chỉ tay về phía văn phòng nhỏ nằm ngay sau khu vực lễ tân.

Gã cảnh sát lắc đầu. “Ông cho gái mại dâm và khách mua dâm thuê phòng. Như vậy là phạm pháp.”

“Nghe này,” Børre nói và nuốt khan. Cuộc đối thoại đã chuyển sang chiều hướng ông ta lo ngại. “Tôi không quan tâm khách thuê phòng làm gì, chỉ cần họ trả tiền đầy đủ là được.”

“Nhưng tôi thì có,” gã cảnh sát hạ giọng nói. “Nhìn kỹ lại bức ảnh lần nữa xem.”

Børre làm theo. Tấm ảnh này chắc được chụp từ nhiều năm trước, vì người trong ảnh trông rất trẻ. Vừa trẻ trung vừa vô ưu, không chút dấu vết của nỗi tuyệt vọng, đau đớn.

“Theo tôi biết, ở Na Uy, mại dâm không bị coi là phạm pháp,” Børre Hansen nói.

“Đúng vậy,” cô nàng cảnh sát nói. “Nhưng điều hành nhà thổ thì có đấy.”

Børre Hansen vận hết nội lực để trưng ra vẻ mặt bất bình.

“Ông biết đấy, cảnh sát có trách nhiệm kiểm tra định kỳ xem khách sạn có tuân thủ đúng quy định không,” gã cảnh sát nói. “Chẳng hạn như các phòng đều phải có cửa thoát hiểm trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn.”

“Nộp đầy đủ bản đăng ký thuê phòng của khách ngoại quốc,” cô ả thêm vào.

“Máy fax để cảnh sát gửi thông báo khi cần điều tra thông tin khách hàng.”

“Tài khoản thuế giá trị gia tăng.”

Ông ta xây xẩm mặt mày. Lúc này, gã cảnh sát tung ra đòn quyết định.

“Bọn tôi đang tính gọi Đội Chống gian lận đến kiểm tra các tài khoản ông lưu của một số đối tượng khách hàng bị cảnh sát ngầm nhận thấy thường lui tới trong vài tuần gần đây.”

Børre Hansen cảm thấy cơn buồn nôn đang từ từ kéo đến. Natasha. Khoản vay. Và nỗi khiếp đảm trước viễn cảnh những đêm đông tăm tối lạnh căm phải đứng trên những bậc cửa xa lạ với mớ Kinh Thánh kẹp dưới nách.

“Hoặc cũng có thể cho qua,” gã nói. “Vấn đề nằm ở thứ tự ưu tiên. Ở việc cảnh sát tận dụng nguồn lực có hạn của mình ra sao. Phải vậy không, Bratt?”

Cô nàng cảnh sát gật đầu.

“Ông ta đến đây hai lần mỗi tuần,” Børre Hansen nói. “Luôn chỉ thuê đúng phòng đó và ở lại cả tối.”

“Cả tối sao?”

“Ông ta có vài người khách.”

“Da trắng hay da đen?” cô ta hỏi.

“Da đen. Chỉ da đen thôi.”

“Bao nhiêu người?”

“Tôi không biết. Nói chung cũng tùy. Có thể tám người. Hoặc mười hai.”

“Đến cùng một lúc ư?” cô ta kêu lên.

“Không, thay nhau đến. Có một số đi theo cặp. Tất nhiên lúc ở trên phố họ cũng thường đi như thế.”

“Lạy Chúa,” gã cảnh sát nói.

Børre Hansen gật đầu.

“Ông ta đăng ký thuê phòng dưới tên gì?”

“Tôi không nhớ.”

“Nhưng chắc kiểm tra sổ đăng ký là ra, nhỉ? Và cả các tài khoản nữa?”

Lưng áo sơ mi của Børre Hansen ướt đẫm mồ hôi bên dưới lớp áo vét bóng bẩy. “Họ gọi ông ta là bác sĩ White. Những phụ nữ tìm ông ta ấy mà.”

“Bác sĩ ư?”

“Việc ấy không liên quan gì đến tôi cả. Người đó…” Børre Hansen ngần ngừ giây lát. Ông ta không muốn nói nhiều quá mức cần thiết. Nhưng mặt khác, ông ta cũng muốn thể hiện thái độ hợp tác chân thành. Vả lại, đằng nào thì vị khách này giờ cũng là quá khứ rồi. “Người đó mang theo túi đựng đồ cỡ lớn của bác sĩ. Và luôn xin thêm… khăn bông.”

“Ố ồ…” cô ta nói. “Có mùi mờ ám đây. Lúc dọn vệ sinh phòng, ông có phát hiện thấy vết máu nào không?”

Børre không đáp.

“Nếu ông có vệ sinh phòng,” tay cảnh sát chữa lại. “Thế nào?”

Børre thở dài. “Cũng không nhiều lắm, không hơn mấy so với…” Ông ta ngập ngừng.

“So với bình thường hả?” người phụ nữ nói với giọng mỉa mai.

“Tôi không nghĩ ông ta làm họ bị thương,” Børre Hansen vội đáp nhưng ngay lập tức hối hận vì lời vừa nói.

“Sao không?” gã cảnh sát xẵng giọng hỏi.

Børre nhún vai. “Vì nếu thế thì họ đã chẳng quay lại, có lẽ vậy.”

“Toàn là phụ nữ à?”

Børre gật. Nhưng gã cảnh sát hẳn đã phát hiện ra điều gì đó. Có thể là bó cơ trên cổ căng ra vì hồi hộp, hoặc cái giật khẽ trong đôi mắt đỏ vằn tia máu của ông ta.

“Thế còn đàn ông?”

Børre lắc đầu.

“Trai trẻ?” cô nàng cảnh sát hỏi, rõ ràng cũng đánh hơi thấy vấn đề.

Børre Hansen lại lắc, nhưng trong đó có một sự chần chừ rất ngắn ngủi và khó lòng nhận thấy, luôn xuất hiện khi não bộ buộc phải cân nhắc giữa các lựa chọn.

“Trẻ con,” gã cảnh sát nói, mặt hơi cúi xuống như muốn xông tới. “Hắn đưa trẻ con đến đây không?”

“Không!” Børre la lên, cảm thấy mồ hôi túa ra khắp người. “Không bao giờ! Tôi không cho phép đi xa đến mức ấy. Trước giờ chỉ có đúng hai lần… Mà chúng cũng không được vào. Tôi đuổi hết ra ngoài!”

“Dân Phi hả?” gã kia hỏi.

“Phải.”

“Trai hay gái?”

“Cả trai lẫn gái.”

“Chúng đến một mình sao?” người phụ nữ hỏi.

“Không, chúng đi cùng mấy bà. Chắc là mẹ chúng. Nhưng như tôi đã nói, tôi không cho phép chúng lên phòng ông ta.”

“Ông nói hắn đến đây hai lần mỗi tuần. Có ngày giờ cố định không?”

“Thứ Hai và thứ Năm. Từ tám giờ tối đến tận nửa đêm. Và ông ta luôn đúng giờ.”

“Tối nay cũng đến à?” gã cảnh sát nói, đưa mắt nhìn đồng nghiệp. “Được rồi, cảm ơn ông đã hợp tác.”

Børre thở phào một hơi và phát hiện cặp giò sao mà nhức mỏi, hóa ra ông ta đã đứng kiễng chân suốt từ nãy đến giờ. “Rất vui lòng,” ông ta nói.

Hai viên cảnh sát cùng đi ra cửa. Børre biết mình nên im đi thì hơn, nhưng chưa nhận được lời cam kết thì ông ta sẽ lo đến mất ngủ.

“Vậy…” ông ta gọi với theo họ. “Vậy coi như chúng ta đã thỏa thuận rồi phải không?”

Gã cảnh sát ngoái lại, một bên lông mày nhướn lên vì ngạc nhiên. “Thỏa thuận gì?”

Børre nuốt khan. “Thì mấy vụ… kiểm tra đó?”

Gã đưa tay xoa cằm. “Phải chăng như vậy nghĩa là ông đang có điều muốn che giấu?”

Børre chớp mắt hai cái. Rồi ông ta nghe thấy tiếng cười the thé đầy hồi hộp của mình khi tuôn một hàng: “Ấy không, không, dĩ nhiên là không rồi! Ha ha! Mọi thứ ở đây đều đúng luật cả mà.”

“Tốt, thế thì ông chả có gì phải sợ khi họ đến kiểm tra. Mấy việc ấy không thuộc phận sự của tôi.”

Bọn họ ra về, để lại Børre đứng đó miệng há hốc như muốn phản kháng hay đáp lại câu gì, chỉ có điều ông ta không biết phải nói sao.

Tiếng chuông điện thoại reo vang chào đón Harry trở về văn phòng.

Người gọi là Rakel, cô muốn trả lại đĩa DVD mượn của anh.

“The Rules of Attraction?” Harry sửng sốt nhắc lại. “Em xem rồi á?”

“Thì anh xếp nó vào danh sách những bộ phim hiện đại bị xem nhẹ nhất còn gì.”

“Ừ, nhưng em có thích thể loại ấy đâu.”

“Ai bảo thế.”

“Em không thích Starship Troopers mà.”

“Vì đấy là phim vớ vẩn sặc mùi đực rựa.”

“Nó là phim châm biếm đấy chứ,” Harry nói.

“Châm biếm cái gì mới được?”

“Chủ nghĩa phát xít thâm căn cố đế trong xã hội Mỹ. Kiểu như sự kết hợp giữa Anh em nhà Hardy và Đoàn Thanh niên Hitler.”

“Thôi đi, Harry. Cuộc chiến với đám côn trùng khổng lồ ở một hành tinh xa xôi ư?”

“Tượng trưng cho nỗi sợ người lạ.”

“Mà này, em lại thích bộ phim hồi thập niên bảy mươi của anh, nói về vụ nghe lén…”

“The Conversation - Đối thoại,” Harry nói. “Phim hay nhất của Coppola.”

“Chính nó. Phim đấy thì em công nhận là bị xem nhẹ thật.”

“Không phải vậy đâu,” Harry thở dài. “Chỉ là bị người đời quên lãng thôi. Nó được đề cử giải Oscar cho hạng mục Phim xuất sắc nhất.”

“Tối nay em đi ăn cùng mấy người bạn. Lúc về em có thể ghé qua trả anh. Tầm mười hai giờ anh vẫn còn thức chứ?”

“Có thể. Sao lúc đi em không mang qua luôn?”

“Thế thì hơi khó, nhưng dĩ nhiên là cũng được thôi.”

Câu trả lời cô thốt ra thật nhanh. Nhưng chưa đủ nhanh để Harry không kịp nghe thấy.

“Ừm,” anh nói. “Đằng nào anh cũng chẳng ngủ được. Anh hít phải nấm mốc và bị khó thở.”

“Hay là thế này nhé. Em sẽ bỏ vào hòm thư dưới nhà, như thế anh sẽ không phải lọ mọ dậy nữa, được không nào?”

“Được.”

Họ cúp máy. Harry trông thấy tay mình run rẩy. Anh quy kết đó là do thiếu nicotine và đi ra bắt thang máy.

Đúng lúc đó Katrine bước ra khỏi văn phòng như thể cô biết tiếng chân nện trên sàn là của anh. “Tôi đã nói chuyện với Espen Lepsvik. Chúng ta có thể cử một người trong đội của anh ta trực ca tối nay.”

“Tốt lắm.”

“Có tin vui à?”

“Gì cơ?”

“Anh đang cười kìa.”

“Thế sao? Ờ, chắc là vui thật.”

“Vui vì chuyện gì?”

Anh vỗ nhẹ vào túi. “Thuốc lá.”

Eli Kvale ngồi bên bàn ăn với một tách trà, đưa mắt nhìn ra vườn và lắng nghe tiếng ầm ì dễ chịu phát ra từ máy rửa bát. Chiếc điện thoại cố định màu đen nằm trên mặt bàn bếp. Ống nghe trong tay cô nóng bừng lên do siết quá chặt, nhưng chỉ là người ta gọi nhầm số thôi. Trygve rất thích món cá nướng vàng mặt, nó bảo đó là món yêu thích của nó. Nhưng hầu như thứ gì nó cũng nói thế cả. Thằng bé là đứa con ngoan. Ngoài vườn, cỏ đã héo úa, xác xơ; chẳng có dấu hiệu nào cho thấy tuyết đã rơi. Nhưng ai mà biết được? Có thể mọi chuyện chỉ là do cô tưởng tượng ra thì sao?

Cô lơ đãng lật giở cuốn tạp chí. Cô đã xin nghỉ mấy ngày đầu tiên Trygve về thăm nhà để họ có thời gian bên nhau. Chuyện trò cùng nhau, chỉ hai mẹ con thôi. Nhưng lúc này đây Trygve đang ngồi cùng Andreas trong phòng khách, làm chính cái việc cô định sẽ làm. Cũng không sao cả, hai bố con có nhiều chuyện để nói hơn. Họ giống nhau quá mà. Và thực ra, cô luôn thích những hình dung về cuộc trò chuyện hơn là làm thật. Bởi lẽ trong thực tế, cuộc đối thoại nào rồi cũng sẽ phải chấm dứt ớ đâu đó. Trước một bức tường sừng sững không thể vượt qua.

Dĩ nhiên, cô đã đồng ý đặt tên con theo tên bố của Andreas. Chí ít là để thằng bé mang họ nhà chồng. Trước ngày sinh, cô suýt nữa đã thú thật tất cả. Về cái lần ở bãi xe vắng tanh, bóng tối, những dấu chân đen sì trên tuyết, về con dao kề vào cổ cô và hơi thở không rõ mặt phả lên má cô. Trên đường về nhà, trong lúc chất dịch của kẻ đó rỉ xuống đồ lót, cô đã cầu trời để nó chảy ra bằng hết. Nhưng lời cầu nguyện của cô không được hồi đáp.

Sau này, cô thường tự hỏi mọi chuyện sẽ ra sao nếu Andreas không phải là mục sư, và quan điểm của anh về chuyện phá thai không cứng rắn như thế, và nếu cô không hèn nhát đến vậy. Sẽ ra sao nếu Trygve không xuất hiện trên cõi đời này. Nhưng đến lúc ấy thì bức tường đã được dựng lên mất rồi, một bức tường câm lặng không gì công phá nổi.

Niềm an ủi duy nhất là Trygve và Andreas rất giống nhau. Điều đó thậm chí còn nhen lên trong cô hy vọng nhỏ nhoi, và cô đã tìm đến một phòng khám xa lạ, đưa cho họ hai sợi tóc cô nhặt được trên gối của hai người, cô cũng tìm hiểu tương đối đủ để biết về một loại mã gọi là ADN, gần giống như dấu vân tay trong lĩnh vực di truyền vậy. Vị bác sĩ đã gửi hai sợi tóc đến Viện Pháp y ở Rikshospitalet, tại đó đang áp dụng phương pháp mới để xác định huyết thống. Hai tháng sau, bao nỗi ngờ vực đã bị đánh tan. Đó không phải là mơ: bãi xe, dấu chân đen, tiếng thở hổn hển, và nỗi đau.

Cô nhìn chiếc điện thoại một lần nữa. Chắc chắn ai đó đã gọi nhầm số. Tiếng thở vang lên ở đầu dây bên kia chỉ là phản ứng bối rối khi nghe thấy một giọng nói lạ, sự do dự không biết có nên cúp máy hay không. Tất cả chỉ có vậy mà thôi.

Harry bước ra hành lang và nhấc máy điện thoại nội bộ.

“A lô?” anh gào tướng lên giữa tiếng nhạc của Franz Ferdinan vọng ra từ dàn stereo trong phòng khách.

Không có lời đáp, chỉ có tiếng một chiếc xe hơi phóng vù qua trên phố Sofies.

“A lô?”

“Chào anh! Rakel đây. Anh ngủ chưa?”

Nghe giọng cô anh biết cô đã uống rượu. Không nhiều nhưng đủ để khiến giọng nói cao lên nửa tông, và tiếng cười, tiếng cười trầm trầm tuyệt diệu ấy, lan tỏa trong từng câu chữ.

“Chưa,” anh nói. “Em đi chơi vui chứ?”

“Cũng khá vui.”

“Mới mười một giờ thôi mà.”

“Mấy cô bạn muốn về sớm. Vì vẫn đang là ngày thường, kiểu thế.”

“Ừm.”

Harry hình dung ra cô lúc này. vẻ mặt như khiêu khích, đôi mắt long lanh vì rượu.

“Em có mang đĩa phim đây,” cô nói. “Nếu em bỏ vào hòm thư thì chắc anh phải mở cửa cho em.”

“Ừ.”

Anh đưa tay bấm chuông để cho phép cô vào. Rồi lại ngần ngừ. Biết rằng thời gian vô cùng ít ỏi. Họ có hai giây để quyết định. Lúc này cả hai đều đang có trong tay vô vàn lựa chọn dự phòng. Anh thích những lựa chọn như thế. Và anh hiểu rất rõ mình không muốn việc này xảy ra, một việc quá đỗi phức tạp và đớn đau không nên trải qua lần nữa. Thế mà sao ngực anh vẫn phập phồng như thể có tới hai trái tim đang ngự trị? Sao anh còn chưa bấm nút ngay đi, để cô bước vào rồi ra khỏi tòa nhà cũng như tâm trí anh? Làm đi, anh thầm nghĩ, gí đầu ngón tay lên chiếc nứt nhựa cừng.

“Hoặc,” cô nói, “để em mang lên nhà cũng được.”

Lời còn chưa nói ra mà Harry đã biết trước giọng mình nghe sẽ lạ lắm.

“Không cần đâu,” anh đáp. “Hòm thư của anh là hòm không tên. Chúc em ngủ ngon.”

“Ngủ ngon.”

Anh nhấn nút. Vào phòng khách, vặn Franz Ferdinand to lên, cố gắng thổi bay những ý nghĩ trong đầu, quên đi cảm giác hồi hộp nhộn nhạo thật ngu xuẩn, chỉ đắm chìm trong âm nhạc, trong tiếng ghita dồn dập gay gắt. Giận dữ, mong manh và không hẳn là xuất sắc. Phong cách Scotland. Nhưng chuỗi giai điệu cuồng nhiệt ấy bị một âm thanh khác xen vào.

Harry giảm âm lượng xuống. Lắng tai nghe. Anh vừa định vặn to lên như cũ thì chợt phát hiện có tiếng động. Nghe như tiếng giấy ráp mài trên gỗ. Hoặc tiếng giày bước trên sàn. Anh đi ra hành lang và trông thấy một bóng người phía sau tấm kính dợn sóng ở cửa.

Anh mở cửa ra.

“Em có nhấn chuông rồi,” Rakel nói, ngước lên nhìn anh với vẻ hối lỗi.

“Vậy ư?”

Cô huơ chiếc hộp DVD. “Nó không chui lọt khe bỏ thư.”

Anh định nói gì đó, anh muốn nói đôi câu với cô. Nhưng tay anh đã vươn ra, tóm lấy cô, kéo cô lại gần, anh nghe tiếng cô thở dốc khi ôm chặt cô, thấy miệng cô mở ra, chiếc lưỡi đưa lại gần anh, đỏ hồng khiêu khích. Tựu trung lại thì chẳng có gì để nói cả.

Cô rúc lại gần anh, thật mềm mại và ấm áp.

“Ôi chao,” cô thì thầm.

Anh hôn lên trán cô.

Mồ hôi giống như một lớp mỏng vừa ngăn cách vừa gắn kết hai người với nhau.

Mọi thứ diễn ra đúng như anh đoán. Cảm giác vẫn vẹn nguyên như ngày đầu, chỉ thiếu đi sự hồi hộp, lóng ngóng cùng những câu hỏi không thành lời. Và lần này cũng hệt như lần trước, chỉ vắng bóng nỗi buồn và tiếng cô nức nở sau khi chuyện đã rồi. Người ta có thể rời xa người mang lại cho mình cảm giác thỏa mãn trong chuyện gối chăn. Có điều Katrine nói đúng; người ta luôn trở lại. Vậy nhưng Harry biết lần này sẽ khác. Với Rakel, đây là lần ghé thăm cần thiết để khép lại quá khứ, là lời giã biệt mối tình cả hai gọi là tình yêu lớn của cuộc đời. Trước khi cô bắt đầu bước sang một chương mới. Với một tình yêu mới nhỏ bé hơn chăng? Cũng có thể, nhỏ bé hơn nhưng dễ chịu hơn.

Cô khẽ thốt ra những tiếng rủ rỉ trong lúc vuốt ve bụng anh. Harry vẫn có cảm giác dường như sự căng thẳng còn vương lại nơi cô. Anh có thể khiến mọi chuyện trở nên khó khăn hoặc dễ dàng hơn cho cô. Và anh quyết định chọn điều thứ hai.

“Lương tâm cắn rứt à?” anh hỏi và cảm thấy cô giật mình.

“Em không muốn nói chuyện đó,” cô đáp.

Anh cũng vậy. Anh chỉ muốn lặng yên nằm đây, lắng nghe từng hơi thở của cô, cảm nhận bàn tay cô đang đặt trên bụng mình. Nhưng anh biết việc cần làm cô vẫn sẽ phải làm thôi, và anh không muốn trì hoãn thêm nữa. “Anh ta đang đợi em đây, Rakel.”

“Không đâu,” cô đáp. “Anh ấy và kỹ thuật viên đang chuẩn bị thi hài cho bài giảng ở khoa Giải phẫu vào sáng sớm mai. Em cũng đã nói anh ấy đừng đến gần em sau khi chạm vào xác chết. Anh ấy sẽ qua đêm ở nhà riêng.”

“Thế còn anh?” Harry mỉm cười trong bóng tối, nghĩ bụng hóa ra cô đã lên kế hoạch trước cho việc này và biết mọi chuyện sẽ diễn ra như thế. “Làm sao em biết được anh có sờ vào xác chết hay không?”

“Vậy anh có không?”

“Không,” Harry nói, nghĩ đến bao thuốc lá trong ngán kéo kệ đầu giường. “Bọn anh không giữ cái xác nào cả.”

Hai người chìm vào im lặng. Bàn tay cô vẽ những vòng tròn lớn hơn nữa trên bụng anh.

“Anh có cảm giác dạo gần đây mình bị cài cắm thì phải,” Harry đột ngột lên tiếng.

“Ý anh là sao?”

“Anh cũng không rõ nữa. Chỉ là anh cảm thấy như có người âm thầm liên tục theo dõi anh, thậm chí ngay cả lúc này. Anh là một phần trong kế hoạch của kẻ nào đó. Em hiểu chứ?”

“Không.” Cô xích lại gần anh hơn.

“Nó liên quan đến chuyên án anh đang làm. Cảm giác hình như chính người của anh có dính dáng…”

“Suỵt.” Cô cắn nhẹ vào tai anh. “Anh lúc nào chẳng dính dáng tới đủ thứ việc. Vấn đề của anh là ở chỗ ấy đấy. Thư giãn đi nào.”

Bàn tay cô tự động tìm đến nơi hạ bộ mềm rũ của anh. Anh nhắm mắt lại, lắng nghe tiếng cô thì thầm và cảm thấy ham muốn từ từ trỗi dậy.

Cô rời khỏi giường lúc ba giờ. Anh thấy lưng cô nhờ ánh sáng từ mấy ngọn đèn đường hắt vào qua cửa sổ. Tấm lưng cong cùng với bóng hình cột sống của cô. Và anh chợt nghĩ đến một điều Katrine đã từng nói, rằng Sylvia Ottersen có xăm hình quốc kỳ Ethiopia trên lưng; anh nhất định phải ghi nhớ chi tiết này để còn phổ biến lại trong buổi họp chỉ đạo. Và Rakel nói đúng lắm: không một giờ khắc nào anh ngừng nghĩ về những vụ án, anh luôn dính dáng đến đủ thứ việc.

Anh tiễn cô ra cửa. Cô trao cho anh nụ hôn vội rồi rảo bước xuống cầu thang. Giữa hai người chẳng có gì để nói. Đang định khép cửa lại thì anh chợt trông thấy những dấu bốt ướt nhẹp in ngoài cửa. Anh lần theo tới tận nơi chúng mất hút trong bóng tối ở cầu thang. Chắc là dấu bốt Rakel để lại lúc cô tới đây đấy thôi. Và anh lại nghĩ đến loài hải cẩu Berhaus, về việc con cái sau khi giao phối với con đực trong mùa sinh sản sẽ không bao giờ trở lại với nó vào mùa sau. Bởi lẽ về mặt sinh học, điều đó thật dại dột. Hải cẩu Berhaus quả là những sinh vật khôn ngoan.

## Ngày thứ tám

### GIẤY

Lúc này là chín rưỡi sáng, mặt trời đang tỏa nắng xuống chiếc ô tô đơn độc đi qua vòng xoay ở cầu vượt Sjølyst phía trên đường cao tốc. Chiếc xe chạy về phía Bygdøyveien, con đường dẫn tới miền quê yên bình trên bán đảo nằm cách quảng trường Tòa Thị chính chỉ năm phút lái xe. Nơi đây thật tĩnh lặng, gần như không thấy bóng xe qua lại, mà cũng chẳng có công hay quạ nào ở trang viên hoàng gia Kongsgården; những con đường nhỏ tấp nập các tín đồ tìm đến bãi biển khi hè sang thì giờ vắng tanh vắng ngắt.

Harry đánh xe theo những khúc cua trên cung đường uốn lượn và lắng nghe Katrine phân tích.

“Có tuyết,” cô nói.

“Tuyết ư?”

“Tôi đã điều tra theo chỉ dẫn của anh. Tập trung vào những phụ nữ mất tích đã có chồng con. Sau đó tôi bắt đầu tìm hiểu ngày tháng. Đa phần các vụ mất tích xảy ra vào tháng Mười một và Mười hai. Tôi tách riêng nhóm đó và khoanh vùng cụ thể. Các vụ chủ yếu tập trung ở Oslo; ngoài ra cĩmg có ở một vài khu vực khác nữa. Rồi đột nhiên tôi hiểu ra, chính là nhờ lá thư anh nhận được. Cái phần nói đến Người Tuyết tái xuất giang hồ khi đợt tuyết đầu mùa xuất hiện ấy. Và ngày chúng ta đến Hoffsveien cũng là ngày đầu tiên tuyết rơi ở Oslo.”

“Thật sao?”

“Tôi đã nhờ Viện Khí tượng kiểm tra thời gian và địa điểm cụ thể. Anh biết kết quả thế nào không?”

Harry biết chứ. Đáng lẽ anh phải biết từ lâu rồi mới đúng.

“Tuyết đầu mùa,” anh nói. “Hắn chọn đúng ngày có tuyết đầu mùa để ra tay.”

“Chính xác.”

Harry đập mạnh tay lên vô lăng. “Khốn kiếp, đầu mối rành rành như thế mà không nhìn ra. Đã có bao nhiêu phụ nữ mất tích rồi?”

“Mười một. Mỗi năm một người.”

“Nhưng năm nay lại có những hai người. Hắn đã phá vỡ mô thức của chính mình.”

“Có một vụ án mạng và hai vụ mất tích xảy ra vào đợt tuyết đầu mùa năm 1992 ở Bergen. Tôi nghĩ chúng ta có thể bắt đầu điều tra từ đó.”

“Vì sao?”

“Vì người bị giết là một phụ nữ đã kết hôn và sinh con. Còn cô gái mất tích là bạn thân nhất của cô ta. Do vậy chúng ta có một xác chết, một hiện trường gây án và hai bộ hồ sơ. Ngoài ra còn có một nghi phạm vẫn biệt tích từ bấy đến nay.”

“Ai vậy?”

“Một sĩ quan cảnh sát. Gert Rafto.”

Harry đưa mắt liếc nhanh về phía cô. “À, ra là vụ đó. Ông ta là kẻ có tật chôm đồ ở hiện trường vụ án phải không nhỉ?”

“Đấy là họ đồn thế. Các nhân chứng trông thấy Rafto đi vào căn hộ của một trong hai nạn nhân, Onny Hetland, chỉ vài giờ trước khi cô ta mất tích. Cảnh sát truy tìm gắt gao nhưng vô ích. Ông ta đã biến mất mà không để lại bất cứ dấu vết nào.”

Harry chú mục vào con đường phía trước và những hàng cây trụi lá ở hai bên đại lộ Huk dẫn tới bờ biển và mấy viện bảo tàng trưng bày những di sản được người dân cả nước xem như là thành tựu vĩ đại nhất của Na Uy: cuộc thám hiểm bằng bè lênh đênh trên vùng biển Thái Bình Dương và hành trình đến Bắc Cực bất thành.

“Giờ cô cho rằng có khả năng Rafto không hề biến mất?” anh hỏi. “Mà ông ta có thể tái xuất hiện mỗi năm một lần ngay khi tuyết bắt đầu rơi?”

Katrine so vai. “Tôi cho rằng vụ đó cũng đáng để điều tra cho rõ ngọn ngành.”

“Ừm. Trước hết, ta cần xin sự trợ giúp của cảnh sát Bergen.”

“Tôi nghĩ không nên làm vậy,” cô vội đáp.

“Sao thế?”

“Vụ án Rafto đến giờ vẫn còn là vấn đề hết sức nhạy cảm ở Sở Cảnh sát Bergen. Nguồn nhân lực được huy động trong vụ đó chủ yếu là để che đậy chứ chẳng phải điều tra. Bọn họ lo sợ trước những gì họ có thể tìm thấy. Hơn nữa, ông ta lại tự biến mất, thế nên…” Cô vẽ hình dấu X trong không khí.

“Tôi hiểu. Vậy theo cô nên làm thế nào?”

“Anh cùng tôi đến Bergen một chuyến và tự điều tra đôi chút. Dù sao thì giờ nó cũng có liên quan đến một vụ án mạng ở Oslo mà.”

Khi đến đúng địa chỉ cần tìm, Harry đỗ xe phía trước một tòa nhà gạch bốn tầng tọa lạc ngay cạnh bờ biển, nằm lọt thỏm trong một bến tàu. Anh tắt máy rồi nhưng vẫn ngồi đó dõi mắt nhìn về phía cảng Filipstad ở ngoài khơi vịnh Frognerkilen.

“Làm thế nào mà vụ Rafto lại lọt vào danh sách của cô được?” anh hỏi. “Thứ nhất là nó xảy ra trước khoảng thời gian tôi yêu cầu cô điều tra. Và thứ hai, tôi tin đó không phải vụ mất tích mà là án mạng.”

Anh quay sang nhìn Katrine. Cô đáp lại anh bằng ánh nhìn không chớp.

“Vụ Rafto khá nổi tiếng ở Bergen,” cô nói. “Hơn nữa còn có một tấm ảnh.”

“Ảnh ư?”

“Phải. Tất cả các sĩ quan mới vào nghề ở Sở Cảnh sát Bergen đều được nghe giới thiệu về nó. Đó là ảnh chụp hiện trường án mạng ở đỉnh núi Ulriken, kiểu như màn thử lửa đầu tiên. Tôi nghĩ phần lớn bọn họ sợ mất mật trước các chi tiết ở tiền cảnh rồi nên chẳng bao giờ để ý đến hậu cảnh. Hoặc cũng có thể bọn họ chưa từng leo lên đỉnh Ulriken. Tóm lại là ở đó có một chi tiết bất hợp lý, một cái ụ nằm ở phía xa. Khi phóng to ảnh lên, anh sẽ thấy khá rõ đó là thứ gì.”

“Vậy ư?”

“Một người tuyết.”

Harry chậm rãi gật đầu.

“Mà nhân tiện nhắc đến ảnh ọt,” Katrine nói, lấy từ trong túi xách ra một chiếc phong bì khổ A4 và thảy vào lòng Harry.

Phòng khám nằm trên tầng hai, sảnh chờ được thiết kế hoàn hảo đến từng chi tiết bằng chi phí khủng với đồ nội thất Italy, bàn trà gầm thấp hệt như gầm xe Ferrari, những bức tượng thủy tinh được tạc nên bằng đôi tay của Nico Widerberg, ngoài ra còn có một bức tranh nguyên bản của Roy Lichtenstein vẽ hình khẩu súng đang bốc khói.

Thay vì khu tiếp tân thường thấy theo quy định với những vách ngăn bằng kính, một phụ nữ đang ngồi bên chiếc bàn làm việc kiểu cổ tuyệt đẹp kê ở giữa phòng. Bà ta khoác chiếc áo trắng với hai tà để mở bên ngoài bộ vét công sở màu xanh dương, gương mặt nở nụ cười nồng hậu. Nụ cười chẳng kém tươi đi là mấy khi Harry giới thiệu tên mình, nêu lý do cuộc viếng thăm và nói rằng bà ta hẳn là Borghild.

“Anh vui lòng đợi một lát nhé?” bà ta nói, trỏ vào bộ sofa với cung cách lịch thiệp chuyên nghiệp như chiêu đãi viên hàng không đang chỉ dẫn lối ra cửa thoát hiểm. Harry từ chối lời mời dùng cà phê espresso, trà và cả nước lọc. Anh cùng Katrine ngồi xuống ghế chờ.

Harry nhận thấy xấp tạp chí bày sẵn cho khách đọc đều là những số mới ra; vừa giở tờ Liberal ra xem, lập tức đập vào mắt anh là hàng tít trong đó Arve Støp tuyên bố việc đám chính khách hào hứng tham gia các chương trình giải trí trên truyền hình để phô trương thanh thế cùng những vai hề bọn họ đóng góp quả là chiến thắng tối thượng dành cho chính quyền vì dân, chính quyền mà trong đó ngự trên ngai vàng là thường dân, còn chính trị gia là tên hề triều đình chuyên diễn trò mua vui.

Bỗng cánh cửa văn phòng với tấm biển đề tên Bác sĩ Idar Vetlesen bật mở và một phụ nữ vội vã bước ra phòng chờ, nói tạm biệt với Borghild rồi cứ thế ra về mà chẳng buồn ngó ngàng xung quanh.

Katrine tròn mắt nhìn theo. “Cô này làm cho kênh tin tức TV2 đúng không nhỉ?”

Đúng lúc ấy Borghild thông báo Vetlesen đã sẵn sàng tiếp Harry và Katrine, bà ta bước đến mở cửa mời họ vào.

Văn phòng của Idar Vetlesen là loại phòng đẳng cấp chủ tịch có cửa sổ nhìn ra vịnh Oslo. Các bằng cấp lồng khung kính được treo trên bức tường phía sau bàn làm việc.

“Xin đợi một chút,” Vetlesen nói, mắt vẫn không rời màn hình máy tính. Thế rồi khuôn mặt ngời lên vẻ đắc thắng, anh ta nhấn phím cuối cùng, xoay ghế lại và tháo cặp kính đang đeo ra.

“Đến nâng cơ mặt đấy à, Hole? Hay là định bơm khoai, hút mỡ?”

“Cảm ơn lời mời chào,” Harry đáp. “Đây là sĩ quan Bratt. Chúng tôi đến gặp anh lần nữa vẫn với mong muốn anh giúp đỡ cung cấp thông tin về Ottersen và Becker.”

Idar Vetlesen thớ dài đánh thượt và bắt đầu rút mùi soa ra lau kính.

“Tôi phải giải thích thế nào thì anh mới hiểu hả Hole? Ngay cả với một người như tôi, cho dù có muốn dốc ruột dốc gan ra giúp cảnh sát các anh và nói chung chẳng theo quy định nào hết, thì vẫn có một số nguyên tắc bất di bất dịch.” Anh ta giơ ngón trỏ lên. “Trong suốt những năm tháng hành nghề, tôi chưa bao giờ, chưa một lần nào,” ngón tay đánh nhịp theo từng từ, “phản bội lời thề Hippocrate. Và bây giờ tôi cũng không có ý định làm vậy.”

Sau đó là một khoảng lặng kéo dài, Vetlesen chỉ ngồi nhìn họ, rõ ràng rất hài lòng với hiệu quả lời nói của mình mang lại.

Harry đằng hắng một tiếng.

“Có lẽ vẫn có cách để anh thỏa ước nguyện dốc ruột dốc gan ra giúp chúng tôi đấy, Vetlesen. Chúng tôi đang điều tra vụ tình nghi mua bán dâm trẻ em diễn ra tại một nơi được gọi là khách sạn Leon ở Oslo. Tối qua, hai sĩ quan cảnh sát ngồi trong xe đã chụp lại ảnh những người ra vào nơi đó.”

Harry mở chiếc phong bì A4 màu nâu Katrine đưa cho lúc trước, anh nhoài người tới và đặt mấy tấm ảnh trước mặt gã bác sĩ.

“Người trong ảnh chính là anh, phải không?”

Vetlesen trông như thể đang mắc nghẹn; cặp mắt trợn trừng, mạch máu trên cổ nổi lên rõ mồn một.

“Tôi…” anh ta lắp bắp. “Tôi… đã làm gì sai trái hay phạm pháp đâu.”

“Ấy không,” Harry nói. “Chúng tôi chỉ đang cân nhắc gọi anh đến thẩm vấn với tư cách nhân chứng thôi. Một nhân chứng có thể cung cấp thông tin về những chuyện diễn ra trong đó. Việc khách sạn Leon là nơi tập trung những kẻ mua bán dâm thì ai cũng biết; nhưng còn điều chưa ai biết là ở đó có cả đối tượng là trẻ em. Không như các hình thức mại dâm khác, mại dâm trẻ em bị coi là phạm pháp, anh biết đấy. Chúng tôi chỉ định thông báo với anh trước khi công khai toàn bộ sự việc trước công chúng.”

Vetlesen nhìn chằm chằm bức ảnh, đưa tay chà xát mạnh lên mặt.

“Nhân tiện, chúng tôi vừa thấy cô phóng viên kênh tin tức TV2 từ đây đi ra,” Harry nói. “Tên cô ta là gì ấy nhỉ?”

Vetlesen không đáp. Những nét trẻ trung phơi phới của anh ta cứ như thể vừa tan biến ngay trước mắt họ, khuôn mặt như già sọm đi chỉ trong một giây ngắn ngủi.

“Gọi cho chúng tôi nếu anh tìm thấy kẽ hở nào đó trong lời thề Hippocrate nhé,” Harry nói.

Anh và Katrine đi được nửa đường ra cửa thì Vetlesen gọi lại.

“Bọn họ đến đây thăm khám,” anh ta nói. “Tất cả chỉ có vậy thôi.”

“Thăm khám kiểu gì?” Harry hỏi.

“Khám bệnh.”

“Một bệnh cả hai cùng mắc ư? Bệnh gì vậy?”

“Điều đó không quan trọng.”

“Được rồi,” Harry nói và đi tiếp. “Khi nào bị gọi đến Sở với tư cách nhân chứng, anh có thể trình bày như trên. Việc đó chẳng quan trọng đâu. Dù sao chúng tôi cũng chưa phát hiện được điều gì phi pháp cả.”

“Khoan đã!”

Harry quay lại. Vetlesen tì cùi chỏ lên bàn, vùi mặt vào hai bàn tay.

“Hội chứng Fahr.”

“Hội chứng Cha á?”

“Fahr. F-a-h-r. Đó là bệnh di truyền hiếm gặp, hơi giống bệnh Alzheimer. Nó khiến khả năng vận động suy giảm, nhất là các vùng nhận thức, hay bị co giật. Bệnh thường khởi phát ở những người ngoài ba mươi tuổi, nhưng cũng có trường hợp mắc bệnh từ khi còn nhỏ.”

“Ừm. Vậy là Birte và Sylvia biết con mình mắc bệnh này à?”

“Họ đến khám do lo ngại. Hội chứng Fahr khá khó chẩn đoán, trước đó Birte Becker và Sylvia Ottersen đã đưa con đi khám ở một số nơi nhưng các bác sĩ chưa đưa ra được kết luận cụ thể nào. Tôi nhớ hình như bọn họ đều đã tra cứu Internet, nhập các triệu chứng và phát hiện ra bệnh Fahr có nhiều biểu hiện trùng hợp đáng lo ngại.”

“Và thế là họ liên hệ với anh? Một bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình?”

“Trùng hợp thay, tôi cũng là chuyên gia về hội chứng Fahr.”

“Trùng hợp ư?”

“Ở Na Uy có khoảng mười tám ngàn bác sĩ. Anh có biết thế giới đã phát hiện ra bao nhiêu loại bệnh không?” Vetlesen hất đầu về phía bức tường treo đầy chứng chỉ. “Trùng hợp thay, hội chứng Fahr lại được đề cập đến trong khóa đào tạo về các kênh thần kinh mà tôi từng theo học ở Thụy Sĩ. Chút kiến thức ít ỏi thu được cũng đủ để tôi trở thành chuyên gia ở Na Uy này rồi.”

“Anh biết gì về Birte Becker và Sylvia Ottersen?”

Vetlesen so vai. “Họ đưa con đến đây mỗi năm một lần. Tôi khám cho chúng nhưng không phát hiện được dấu hiệu nào cho thấy tình trạng bệnh đi xuống, ngoài điều đó ra thì tôi không biết gì về cuộc sống của họ. Hay đúng hơn là,” anh ta hất mái ra sau, “cái chết của họ.”

“Cô có tin hắn không?” Harry hỏi trong lúc lái xe qua những cánh đồng hoang vắng.

“Không tin lắm,” Katrine đáp.

“Tôi cũng thế,” Harry nói. “Tôi nghĩ tạm thời ta nên tập trung điều tra việc này và gác vụ Bergen lại.”

“Không được,” Katrine nói.

“Sao lại không?”

“Giữa chúng hẳn phải có mối liên quan nào đó.”

“Mối liên quan gì?”

“Tôi không biết. Nghe thì có vẻ hoang đường, nhưng biết đâu Rafto và Vetlesen có liên hệ với nhau. Có thể nhờ đó mà Rafto mới lẩn trốn được suốt ngần ấy năm.”

“Ý cô là sao?”

“Ông ta đơn giản là kiếm cho mình một chiếc mặt nạ. Mặt nạ thật trăm phần trăm. Phẫu thuật nâng cơ mặt.”

“Nhờ Vetlesen ư?”

“Điều đó có thể lý giải cho sự trùng hợp khi cả hai nạn nhân đều đến khám cùng một bác sĩ. Biết đâu Rafto đã gặp Birte và Sylvia ở phòng khám và quyết định cho họ vào tầm ngắm.”

“Cô đang cầm đèn chạy trước ô tô đấy,” Harry nói.

“Cầm đèn chạy trước ô tô ư?”

“Điều tra những vụ án kiểu này cũng giống như chơi trò ghép hình vậy. Bước đầu tiên là thu thập những mảnh ghép, xem xét chúng, và phải kiên nhẫn. Còn cô thì lại đang cố đặt chúng vào vị trí một cách gượng ép. Bây giờ vẫn còn quá sớm.”

“Tôi chỉ muốn nêu ra vài suy nghĩ với người khác. Để xem có ngớ ngẩn không.”

“Ngớ ngẩn lắm.”

“Đây đâu phải đường về Sở Cảnh sát,” cô nói.

Harry nghe thấy trong giọng cô có chút run rẩy lạ thường và đưa mắt nhìn cô, nhưng khuôn mặt cô không có biểu hiện gì.

“Tôi muốn kiểm tra lại lời khai của Vetlesen thông qua một người tôi quen,” anh nói. “Và người đó cũng quen cả Vetlesen nữa.”

Mathias mặc chiếc áo khoác trắng và găng tay vệ sinh màu vàng theo quy định khi anh ta đón Harry và Katrine ở gara bên dưới nhà Tiền lâm sàng, tên thường gọi của tòa nhà sơn màu nâu thuộc Bệnh viện Gaustad, đối diện với đường vành đai 3.

Anh ta bảo Harry đánh xe vào vị trí, hóa ra đó là ô để xe riêng nhưng anh ta không dùng đến.

“Tôi cố gắng đạp xe thường xuyên,” Mathias giải thích và quẹt thẻ để mở cánh cửa dẫn từ gara vào lối đi dưới tầng hầm của khoa Giải phẫu. “Lối này giúp đưa các thi hài ra vào tiện hơn. Tôi cũng muốn mời anh dùng cà phê, có điều tôi vừa dạy xong một nhóm sinh viên và không lâu nữa nhóm sau sẽ tới.”

“Xin lỗi vì đã quấy rầy. Chắc hôm nay anh mệt lắm.”

Mathias ngơ ngác nhìn anh.

“Rakel và tôi có nói chuyện điện thoại. Cô ấy bảo tối qua anh làm việc khuya,” Harry vội nói thêm, thầm mắng chính mình và hy vọng mặt anh không để lộ điều gì.

“Rakel, phải rồi.” Mathias lắc đầu. “Cô ấy cũng về muộn. Đi chơi với đám bạn gái để đến nỗi hôm nay phải xin nghỉ. Thế mà lúc tôi gọi điện thì cô ấy lại đang bận tổng vệ sinh nhà cửa. Phụ nữ thật là! Ai mà hiểu nổi họ chứ?”

Harry mỉm cười gượng gạo và tự hỏi liệu trên đời có câu nào thích hợp để trả lời cho câu hỏi đó không.

Một người đàn ông mặc trang phục bệnh viện màu xanh lá cây đẩy cái bàn bằng kim loại đi về phía cửa gara.

“Lại chuyển đến Bệnh viện Tromsø à?” Mathias hỏi.

“Chào tạm biệt Kjeldsen đi,” người áo xanh mỉm cười. Một bên tai anh ta đeo cụm khuyên tròn be bé hơi giống bộ vòng cổ của phụ nữ dân tộc Masai, chỉ có điều nó làm khuôn mặt anh ta trở nên mất cân đối trông đến là khó chịu.

“Kjeldsen?” Mathias kêu lên và khựng lại. “Thật vậy sao?”

“Ba mươi năm phục vụ. Và giờ đến lượt Tromsø mổ xẻ ông ấy.”

Mathias vén tấm vải phủ lên. Harry nhác thấy thi hài bên dưới. Lớp da bao bọc hộp sọ căng ra, kéo giãn những nếp nhăn khiến khuôn mặt ông lão không còn phân biệt được là nam hay nữ, trắng bệch như mặt nạ thạch cao. Harry biết đó là do cái xác đã qua xử lý bảo quản, nghĩa là hỗn hợp formalin, glycerin và cồn được bơm đầy vào các động mạch để chống phân hủy từ bên trong. Trên tai ông ta đeo một cái nhãn kim loại có khắc ba chữ số. Mathias nhìn theo người trợ lý đẩy Kjeldsen về phía cửa gara. Sau đó anh ta dường như sực tỉnh.

“Xin lỗi nhé. Chỉ là Kjeldsen đã gắn bó với chúng tôi từ rất lâu. Ông ấy là giáo sư dạy ở khoa Giải phẫu từ hồi nó còn nằm ở trung tâm thành phố. Một chuyên gia giải phẫu kỳ cựu. Có cơ bắp rất đẹp. Chúng tôi sẽ rất nhớ ông ấy.”

“Bọn tôi sẽ không làm phiền anh lâu đâu,” Harry nói. “Hy vọng anh có thể cho chúng tôi biết đôi điều về mối quan hệ giữa Idar với các bệnh nhân nữ. Và con cái của họ.”

Mathias ngẩng lên, ngạc nhiên hết nhìn Harry rồi đến Katrine, rồi lại nhìn Harry.

“Tôi có nghe lầm câu hỏi không vậy?”

Harry lắc đầu.

Mathias mở tiếp một cánh cửa bị khóa. Ba người bước vào căn phòng có tám chiếc bàn bằng kim loại và một cái bảng đen ở đầu bên kia. Các bàn đều lắp đèn và bồn rửa. Trên mỗi bàn đặt một vật có dạng chữ nhật được bọc trong khăn lau tay màu trắng. Dựa vào hình dáng và kích thước của nó, Harry đoán rằng bài học hôm nay liên quan đến một bộ phận nằm đâu đó giữa hông và bàn chân. Trong phòng thoang thoảng mùi thuốc tẩy, nhưng không đến mức nồng nặc như Harry thường thấy ở phòng khám nghiệm tử thi tại Viện Pháp y. Mathias thả người xuống một chiếc ghế còn Harry ngồi ghé vào mép bàn giáo viên. Katrine bước tới bên một cái bàn và chăm chú quan sát ba bộ não; chẳng thể phân biệt được đó là đồ thật hay mô hình.

Mathias suy nghĩ hồi lâu rồi mới trả lời. “Cá nhân tôi chưa bao giờ nhận thấy hoặc nghe ai nói rằng có chuyện mờ ám giữa Idar và bệnh nhân của anh ta.”

Có điều gì đó trong cái cách Mathias nhân mạnh hai từ bệnh nhân khiến Harry chột dạ. “Thế còn những người không phải bệnh nhân?”

“Tôi không biết rõ Idar cho lắm để có thể đưa ra nhận xét. Nhưng tôi biết anh ta đủ để hiểu rằng không nên nhận xét gì thì hơn.” Anh ta nhoẻn cười rụt rè. “Như vậy không sao chứ?”

“Không sao. Còn một điều nữa tôi muốn hỏi. Anh có biết hội chứng Fahr là gì không?”

“Biết sơ sơ. Đó là căn bệnh rất đáng sợ. Và không may lại có tính di truyền…”

“Anh có biết ai ở Na Uy là chuyên gia về bệnh này không?” Mathias ngẫm nghĩ. “Ngay lúc này thì tôi không nhớ ra được cái tên nào cả.”

Harry đưa tay gãi gáy. “Được rồi, cảm ơn anh đã giúp đỡ, Mathias.”

“Đừng khách sáo, tôi rất vui lòng mà. Nếu anh muốn tìm hiểu thêm về hội chứng Fahr thì tối nay cứ gọi điện cho tôi, lúc đó tôi mới có sách bên cạnh để tra cứu.”

Harry đứng dậy. Anh tới chỗ Katrine đang đứng, cô đã mở nắp của một trong bốn chiếc hộp kim loại cỡ lớn kê sát tường, và anh nhìn qua vai cô. Lưỡi anh bỗng nổi gai, toàn thân phản ứng tức thì. Nhưng không phải vì những bộ phận cơ thể ngâm trong cồn trong suốt, trông như những tảng thịt bán ngoài hàng. Mà là vì mùi cồn. Nồng độ bốn mươi phần trăm.

“Ban đầu các thi hài ít nhiều toàn vẹn hơn thế,” Mathias nói. “Sau đó chúng tôi mới chia tách khi nào cần đến các bộ phận cụ thể.”

Harry quan sát vẻ mặt Katrine. Dường như cô hoàn toàn không bị tác động trước điều đó. Cửa ra vào bỗng bật mở phía sau lưng họ. Những sinh viên đầu tiên xuất hiện và bắt đầu mặc áo khoác xanh, đeo găng tay cao su màu trắng vào.

Mathias tiễn họ tới tận gara. Khi ra cửa, Mathias tóm lấy cánh tay Harry và giữ anh lại.

“Còn một việc nhỏ tôi nên nói với anh. Mà cũng có thể không nên. Tôi băn khoăn mãi.”

“Cứ nói đi,” Harry đáp và nghĩ thầm, thế đấy, Mathias đã biết chuyện giữa anh và Rakel rồi.

“Tôi đang ở thế lưỡng nan có liên quan đến vấn đề đạo đức. Chuyện về Idar ấy mà.”

“Vậy sao?” Harry nói, lấy làm ngạc nhiên khi anh cảm thấy thất vọng thay vì thở phào nhẹ nhõm.

“Tôi tin chuyện này cũng chẳng có gì quan trọng, nhưng tôi chỉ nghĩ là biết đâu quyền phán xét không thuộc về tôi. Và tôi không thể đặt lòng trung thành lên trên hết trong trường hợp nghiêm trọng như thế này. Bất luận thế nào cũng phải nói ra. Năm ngoái, hồi tôi còn làm việc ở phòng cấp cứu, tôi và một đồng nghiệp cũng quen biết Idar cùng đến Postkafeen ăn sáng sau ca làm đêm. Đó là một quán cà phê mở cửa từ sớm tinh mơ và bán cả bia nữa, thế nên bọn dậy sớm hay tụ tập ở đây lắm. Ngoài ra còn có nhiều kẻ đáng thương khác nữa cũng tìm đến.”

“Tôi biết quán đó,” Harry nói.

“Bọn tôi rất ngạc nhiên khi chạm trán Idar. Anh ta ngồi ở một bàn cùng với một cậu bé người ngợm lem luốc đang ăn xúp. Trông thấy chúng tôi, Idar đứng phắt dậy với vẻ rất sốc, phân bua này nọ với chúng tôi. Tôi cũng không nghĩ ngợi gì cả. Đúng hơn là tôi đã tưởng thế, cho tới khi nghe được những điều anh nói ban nãy. Lúc đó tôi mới nhớ ra những gì tôi đã nghĩ suốt bấy lâu nay. Rằng có thể là… ừm, chắc anh hiểu ý tôi muốn nói.”

“Tôi hiểu,” Harry đáp. Thấy đối phương có vẻ dằn vặt dữ quá, anh mới thêm vào: “Anh làm vậy là đúng.”

“Cảm ơn.” Mathias cố gượng cười. “Nhưng tôi cảm thấy mình chẳng khác gì Judas.”

Harry cố nặn óc nghĩ ra câu gì đó phù hợp để đáp lại, nhưng rốt cuộc anh chỉ đành chìa tay ra, khẽ nói lời cảm ơn. Và rùng mình khi nắm lấy bàn tay đi găng lạnh lẽo của Mathias.

Judas. Nụ hôn của Judas. Trong lúc lái xe trên phố Slemdalsveien, Harry nhớ đến chiếc lưỡi đầy khao khát của Rakel luồn vào miệng anh, tiếng thở dài êm ái và tiếng rên rỉ ồn ào, cơn đau ở hông trong lúc anh làm tình với Rakel, tiếng cô kêu lên đầy bực dọc khi anh dừng lại vì muốn kéo dài cuộc vui. Nhưng đó không phải mục đích của cô khi tìm đến với anh. Cô đến là để trừ bỏ ma tâm và tẩy trần cơ thể, để sau đó cô có thể trở về thanh tẩy tâm hồn. Và lau sạch các tầng trong nhà. Càng sớm càng tốt.

“Cô gọi đến phòng khám đi,” Harry nói.

Anh nghe thấy Katrine bấm máy lia lịa và những tiếng bíp rất khẽ vang lên. Sau đó cô đưa điện thoại cho anh.

Borghild từ tốn trả lời một cách vừa nhẹ nhàng lại vừa ngắn gọn.

“Tôi là Harry Hole đây. Xin cho biết tôi nên khám bác sĩ nào nếu mắc phải hội chứng Fahr?”

Đầu dây bên kia im lặng hồi lâu.

“Điều đó còn tùy,” Borghild do dự đáp.

“Tùy vào cái gì?”

“Tùy vào việc [bố anh](#Borghild_nghe_nham_Fahr_thanh_fa) mắc hội chứng gì, tôi nghĩ thế.”

Borghild nghe nhầm Fahr thành father, nghĩa là người cha, cũng giống như Harry nhầm lẫn lúc trước.

“Phải lắm. Idar Vetlesen có đi làm không vậy?”

“Ông ấy về rồi.”

“Sớm thế sao?”

“Họ có trận đấu bi đá trên băng. Mai anh gọi lại nhé.”

Bà ta có vẻ sốt ruột. Harry đoán bà ta đang chuẩn bị ra về.

“Câu lạc bộ bi đá Bygdøy à?”

“Không, là câu lạc bộ tư nhân. Nằm trên phố Gimle ấy.”

“Cảm ơn. Chúc chị buổi tối vui vẻ.”

Harry đưa trả điện thoại cho Katrine.

“Chúng ta sẽ lôi hắn đến đồn,” anh nói.

“Ai cơ?”

“Gã chuyên gia có trợ lý chưa bao giờ nghe nói đến căn bệnh thuộc lĩnh vực chuyên môn của hắn.”

Hai người hỏi đường và tìm đến Villa Grande, dinh thự xa hoa từng thuộc sở hữu của một nhân vật người Na Uy trong Thế chiến II. Khác với viên thủy thủ vượt đại dương trên chiếc bè thô sơ và nhà thám hiểm Bắc Cực năm nào, tên tuổi người này đi vào sử sách không riêng gì ở Na Uy mà trên toàn thế giới với danh xưng: [Quisling](#Vidkun_Quisling__1887_1945__la_c), kẻ phản bội.

Vidkun Quisling (1887-1945) là chính trị gia người Na Uy, về sau trở thành lãnh tụ phát xít khi hợp tác với Đức Quốc xã trong thời gian Đức chiếm đóng Na Uy hồi Thế chiến II. Cái tên Quisling sau này đồng nghĩa với kẻ phản bội.

Dưới chân con dốc ở phía Nam của dinh thự có một ngôi nhà gỗ hình chữ nhật trông giống như doanh trại quân đội cũ. Người ngoài vừa đặt chân vào nhà sẽ cảm nhận được ngay hơi lạnh ập đến. Và khi đi qua một cánh cửa nữa, nhiệt độ càng giảm sâu.

Có bốn người đàn ông đứng trên băng. Tiếng la ó vang vọng khắp bốn bức tường gỗ, không ai nhận thấy sự có mặt của Harry và Katrine. Bốn người đang hò hét nhắm vào một khối đá bóng loáng trượt đi trên đường băng. Viên bi, nặng hai chục cân và được làm từ loại đá hoa cương ailsite khai thác ở đảo Ailsa Craig thuộc Scotland, dừng lại trước hàng phòng thủ gồm ba viên khác đặt ở rìa của hai vòng tròn vẽ trên mặt băng ở cuối sân. Bốn người đàn ông dùng một chân lấy đà, chân kia lướt trên băng, vừa bàn luận vừa lấy cây chổi làm điểm tựa và chuẩn bị cho cú ném tiếp theo.

“Đúng là môn thể thao trọc phú,” Katrine thì thào. “Anh nhìn mà xem.”

Harry không nói gì. Anh thích bi đá trên băng. Thích cảm giác tĩnh tâm khi nhìn viên đá chầm chậm trượt đi, xoay tròn trong môi trường không ma sát, giống như con tàu vũ trụ trong chuyến du hành của [Kubrick](#U_tac_gia_muon_nhac_den_bo_phim), chỉ có điều không phải với tiếng nhạc nền du dương của Strauss mà là âm thanh trầm đục của đá và tiếng chổi thi nhau khua lạo xạo.

Ý tác giả muốn nhắc đến bộ phim du hành không gian của đạo diễn Stanley Kubrick.

Giờ thì bốn người trông thấy họ rồi. Trong số đó, Harry nhận ra gương mặt quen thuộc của hai nhân vật trong giới truyền thông. Một người là Arve Støp.

Idar Vetlesen trượt về phía anh.

“Gia nhập cuộc chơi không Hole?”

Anh ta nói to câu đó từ xa, như thể cố ý để cho ba người còn lại nghe thấy chứ không phải muốn nói với Harry. Đi kèm với đó là tiếng cười nghe thì tưởng vui đấy, nhưng những bó cơ nổi lên dưới lớp da trên quai hàm đã lật tẩy vai diễn của anh ta. Vetlesen dừng lại trước mặt hai người, hơi thở phả ra thành những bụm khói trắng.

“Trò chơi kết thúc rồi,” Harry nói.

“Tôi không nghĩ thế,” Idar mỉm cười.

Mới đó mà Harry đã cảm thấy cái lạnh của lớp băng âm thầm len lỏi qua đế giày và lan dần lên hai chân.

“Đề nghị anh theo chúng tôi về Sở Cảnh sát,” Harry nói. “Ngay bây giờ.”

Nụ cười trên môi Idar Vetlesen lập tức tan biến. “Vì sao tôi phải đi chứ?”

“Vì anh nói dối chúng tôi. Một trong số đó là việc anh mạo nhận mình là chuyên gia về hội chứng Fahr.”

“Ai bảo tôi mạo nhận?” Idar vặn lại, liếc nhìn về phía ba người chơi còn lại để chắc chắn họ không nghe được cuộc nói chuyện từ khoảng cách này.

“Trợ lý của anh. Vì rõ ràng bà ta thậm chí còn chưa bao giờ nghe đến tên căn bệnh đó.”

“Nghe này,” Idar nói, giọng nói giờ đây chất chứa một âm sắc mới, âm sắc của nỗi tuyệt vọng. “Anh không thể tự dưng xông vào bắt tôi đi cùng như thế được. Không phải ở đây, ngay trước mặt các…”

“Khách hàng của anh?” Harry hỏi và nhìn qua vai Idar. Anh trông thấy Arve Støp đang vừa quét sạch tuyết dưới đế một viên bi vừa chăm chú quan sát Katrine.

“Tôi không biết anh đang toan tính điều gì,” Harry nghe thấy Idar nói. “Tôi rất vui lòng hợp tác cùng anh, nhưng nếu anh cố tình muốn hủy hoại thanh danh của tôi thì đừng hòng. Họ là những người bạn tốt nhất tôi có.”

“Bọn tôi tự chơi tiếp vậy nhé, Vetlesen…” một giọng nam trung trầm ấm vang lên. Người nói là Arve Støp.

Harry đưa mắt nhìn gã bác sĩ phẫu thuật bất hạnh, tự hỏi gã hiểu bạn tốt nhất kiểu gì. Anh nghĩ bụng, nếu có cơ hội dù là nhỏ nhoi để moi được thông tin gì từ Vetlesen thì chiều lòng anh ta một chút cũng đáng.

“Thôi được rồi,” Harry nói. “Bây giờ chúng tôi sẽ ra về. Nhưng đúng một tiếng nữa anh phải có mặt tại Sở Cảnh sát ở Grønland. Bằng không, bọn tôi sẽ gióng trống mở cờ đến tận nơi tìm anh đấy. Mà ở Bygdøy này chắc nghe rõ phải biết.”

Vetlesen gật đầu, và trong khoảnh khắc ngắn ngủi, trông anh ta như thể sắp sửa bật cười theo thói quen.

Oleg sập cửa đánh rầm một tiếng, hất bỏ đôi bốt đang đi và hối hả chạy lên cầu thang. Trong nhà sực nức mùi thơm tươi mát của chanh và xà phòng. Nó xông vào phòng và món đồ trang trí treo trên trần kêu lên lanh lảnh như báo động trong lúc thằng bé thay chiếc quần jean đang mặc bằng quần thể thao. Sau đó nó lại chạy biến đi, nhưng vừa bám vào tay vịn để nhảy cóc xuống cầu thang bằng hai bước dài, nó chợt nghe thấy tiếng mẹ gọi vọng ra từ phòng riêng đang để ngỏ cửa.

Nó bước vào và trông thấy Rakel đang quỳ bên chiếc giường, tay cầm chổi cọ cán dài.

“Con tưởng cuối tuần mẹ đã dọn nhà rồi?”

“Ừ, nhưng chưa sạch hẳn,” Rakel đáp, đứng dậy và quệt trán. “Con đi đâu đấy?”

“Tới cung thể thao. Con tính trượt băng. Karsten đang đợi ngoài kia. Con sẽ về đúng giờ ăn tối.” Nó đẩy cửa một cái để lấy đà và đôi chân đi tất lướt trên sàn, trọng tâm cơ thể hạ tháp đúng như lời dạy của Erik V, một trong những chuyên gia trượt băng kỳ cựu ở Valle Hovin.

“Từ từ đã, ông tướng. Nhắc đến trượt băng mới nhớ…”

Oleg khựng lại. Thôi chết, nó nghĩ thầm. Mẹ phát hiện ra vụ giày trượt rồi.

Rakel đứng ở ngưỡng cửa, nghiêng đầu nhìn nó chằm chằm. “Vậy còn bài tập thì sao?”

“Cũng ít thôi ạ,” nó đáp với một nụ cười nhẹ nhõm. “Ăn tối xong con sẽ làm.”

Thấy mẹ do dự, nó vội nói thêm: “Mẹ mặc bộ váy này xinh lắm.”

Rakel cúi nhìn chiếc váy xanh da trời điểm hoa trắng đã cũ. Cô ném cho cậu con trai cái nhìn khiển trách nhưng khóe môi lại tủm tỉm cười. “Cứ liệu hồn đấy, Oleg. Ăn nói càng ngày càng giống bố.”

“Thế ạ? Con tưởng bố chỉ nói tiếng Nga thôi chứ.”

Câu hỏi ấy của thằng bé hoàn toàn không mang hàm ý sâu xa gì, nhưng nét mặt mẹ nó đột nhiên biến đổi, như thể vừa có một cơn sốc lan ra khắp người.

Oleg kiễng chân. “Con đi được chưa ạ?”

“Được rồi, đi đi?” Giọng Katrine Bratt vang lên như roi quất giữa bốn bức tường phòng gym nằm ở tầng hầm của Sở Cảnh sát. “Anh nói vậy thật sao? Idar Vetlesen cứ thế ra về ư?”

Harry ngước nhìn khuôn mặt cô cúi xuống bên cạnh cái ghế anh đang nằm. Chiếc đèn trần hình vòm tỏa ánh sáng vàng như vầng hào quang quanh đầu cô. Harry thở hồng hộc vì bị thanh sắt chặn ngang ngực. Anh đang chuẩn bị nâng mức tạ chín mươi lăm cân và vừa mới nhác đòn tạ khỏi giá đỡ thì Katrine xông vào, khiến nỗ lực của anh thành ra công cốc.

“Buộc phải thế thôi,” Harry nói, vận sức đẩy đòn tạ cao lên một chút để nó tì vào xương ức. “Hắn đi cùng tay luật sư riêng. Johan Krohn.”

“Việc đó thì liên quan gì?”

“À thì, Krohn mở màn bằng cách chất vấn cảnh sát dùng phương pháp gì để đe dọa thân chủ của anh ta. Sau đó lại nói dịch vụ tình dục ở Na Uy là hợp pháp, và cách thức chúng ta dùng để ép buộc một bác sĩ đáng kính phản bội lời thề Hippocrate cũng rất đáng để giật tít.”

“Nhưng khốn kiếp!” Katrine thét lớn, giọng run lên vì giận dữ. “Đây là vụ điều tra án mạng cơ mà!”

Harry chưa bao giờ thấy cô mất bình tĩnh nên anh trả lời bằng giọng nhẹ nhàng nhất.

“Nghe này, chúng ta không thể móc nối những vụ án với căn bệnh đó hay thậm chí chỉ đặt ra giả thuyết thôi cũng không được. Và Krohn biết rõ điều này. Chính vì thế tôi không có quyền giữ Vetlesen lại.”

“Phải, nhưng anh không thể cứ… nằm ì ra đây… mà không chịu làm gì!”

Harry cảm thấy xương ức bắt đầu đau nhức, và anh chợt nhận ra cô nói chí phải.

Katrine đưa hai tay lên ôm mặt. “Tôi… tôi… xin lỗi. Tôi chỉ nghĩ… Hôm nay là một ngày thật kỳ lạ.”

“Thôi được.” Harry rên rỉ. “Cô đỡ thanh sắt giúp tôi được không? Tôi sắp…”

“Đầu kia!” cô kêu lên, bỏ tay khỏi mặt. “Chúng ta cần điều tra từ đầu kia. Từ Bergen!”

“Không,” Harry phều phào nói, dùng nốt chút hơi tàn còn sót lại trong hai lá phổi. “Bergen không phải một đầu. Cô làm ơn…”

Anh ngước lên nhìn cô. Thấy đôi mắt sẫm màu của cô long lanh nước.

“Tôi đến tháng đấy mà,” cô thì thào. Thế rồi cô bỗng mỉm cười. Mọi chuyện xảy ra nhanh đến mức ngỡ như có người nào đó khác đang đứng nhìn anh, người có cặp mắt ánh lên rất lạ và giọng nói bình thản tuyệt đối. “Và anh chết đi cũng được.”

Harry nằm đó trong ngỡ ngàng, nghe tiếng chân cô đi xa dần, tiếng xương mình kêu răng rắc và những đốm đỏ bắt đầu nhảy nhót loạn xạ trước mắt. Anh chửi thề, hai tay nắm chặt thanh sắt, gầm lên một tiếng và đẩy mạnh. Nhưng đòn tạ chẳng hề nhúc nhích.

Cô nói phải; anh có thể chết trong tình cảnh này lắm chứ. Nếu anh lựa chọn điều đó. Nghe thì có vẻ nực cười nhưng đúng là thế.

Anh cựa mình, nghiêng đòn tạ về một bên cho tới khi nghe thấy đĩa tạ trượt ra và rơi xuống sàn đánh rầm một tiếng inh tai nhức óc. Sau đó đòn tạ chúc xuống đất ở đầu bên kia. Anh ngồi dậy, nhìn theo mấy đĩa tạ lăn lóc khắp phòng.

Harry tắm rửa, thay đồ và đi lên tầng sáu. Ngồi phịch xuống chiếc ghế xoay, chưa gì đã cảm nhận được cơn đau nhức tuyệt diệu trong từng bó cơ, qua đó anh biết sáng mai người anh sẽ cứng đờ cho xem.

Trong hộp thư thoại có một lời nhắn của Bjørn Holm, bảo anh gọi lại cho cậu ta càng sớm càng tốt.

Khi Holm bắt máy, trong điện thoại vang lên tiếng nức nở thương tâm đi kèm với giai điệu luyến láy của đàn ghita thép có bàn đạp.

“Gì đấy?” Harry hỏi.

“Dwight Yoakam,” Holm nói, vặn nhỏ nhạc xuống. “Một gã sexy, nhỉ?”

“Ý tôi là, cậu gọi có việc gì?”

“Chúng tôi có kết quả khám nghiệm lá thư của Người Tuyết rồi.”

“Thế nào?”

“Chữ viết không có gì đặc biệt. Máy in laser thông thường.”

Harry kiên nhẫn chờ đợi. Anh biết chắc Holm phát hiện được chi tiết đáng chú ý.

“Điều đặc biệt là ở loại giấy hắn dùng. Đội khám nghiệm bọn tôi chưa gặp loại giấy này bao giờ, vì thế mới mất thời gian hơn một chút. Nó được làm từ sợi mitsumata, sợi gỗ của Nhật Bản tương tự như giấy cói papyrus. Có thể nhận biết mitsumata nhờ thứ mùi đặc trưng. Người Nhật dùng vỏ cây để làm giấy một cách thủ công, và riêng loại này cực kỳ hiếm có khó tìm. Nó được gọi là Kono.”

“Kono ư?”

“Muốn mua phải đến cửa hiệu chuyên biệt, kiểu như những nơi bán bút máy với giá mười ngàn krone, mực hảo hạng và sổ bìa da ấy. Anh biết đấy…”

“Thực ra tôi chả biết đâu.”

“Tôi cũng thế,” Holm thành thật nói. “Nhưng tóm lại là một cửa hiệu ở đường Gamle Drammensveien có bán giấy viết Kono. Tôi đã trao đổi với chủ tiệm và được biết bây giờ loại giấy này ít người mua lắm, thế nên khó có khả năng họ đặt hàng lại. Ông ta nói ngày nay chẳng ai chú trọng đến chất lượng như trước nữa.”

“Phải chăng như vậy nghĩa là…”

“Đúng, tôi e rằng như vậy nghĩa là ông ta không nhớ nổi lần cuối cùng bán giấy Kono là khi nào.”

“Ừm. Chỉ có mỗi cửa hiệu này bán thôi à?”

“Phải,” Holm nói. “Còn một tiệm ở Bergen, nhưng đã mấy năm nay họ không bán loại giấy đó nữa rồi.”

Holm chờ đợi lời đáp - hay đúng hơn là câu hỏi - từ phía Harry, trong lúc Dwight Yoakam khe khẽ cất giọng hát tiễn đưa tình yêu của cuộc đời mình xuống mồ. Nhưng chờ mãi mà chẳng thấy gì.

“Harry?”

“Có đây. Tôi đang nghĩ.”

“Hết sảy!” Holm nói.

Kiểu pha trò thâm thúy này thường khiến Harry cười rất lâu sau đó, mà thậm chí đến lúc ngẫm lại vẫn chẳng hiểu nổi có gì đáng cười. Nhưng bây giờ thì không. Harry đằng hắng.

“Tôi nghĩ thật kỳ lạ khi hung thủ lại để tờ giấy này rơi vào tay một điều tra viên hình sự nếu hắn không muốn bị lần ra danh tính. Chẳng cần xem nhiều phim hình sự mới biết kiểu gì cảnh sát cũng phải kiểm tra.”

“Hay hắn không biết đó là loại giấy hiếm?” Holm nêu giả thuyết. “Hoặc hắn không mua nó chăng?”

“Tất nhiên đấy cũng là một khả năng, có điều trực giác mách bảo tôi rằng Người Tuyết không sơ suất đến mức ấy đâu.”

“Nhưng thực tế đúng là thế mà.”

“Ý tôi muốn nói, tôi không cho rằng đó là sơ suất,” Harry đáp.

“Nghĩa là…”

“Đúng vậy, tôi nghĩ hắn muốn chúng ta lần ra hắn.”

“Tại sao?”

“Mô tip kinh điển. Kẻ sát nhân hàng loạt mắc chứng ái kỷ dựng lên một trò chơi mà trong đó hắn đóng vai chính: kẻ chinh phạt bất khả chiến bại với quyền năng vô song, giành được thắng lợi sau cùng.”

“Thắng ai mới được?”

“A,” Harry đáp, lần đầu tiên thứ nhận điều này, “nói ra thì bảo ái kỷ nhưng người hắn muốn thắng là tôi.”

“Anh á? Sao lại thế?”

“Tôi chịu. Có thể vì hắn biết tôi là cảnh sát duy nhất ở Na Uy đã từng bắt được sát nhân hàng loạt, nên hắn xem tôi như một thử thách. Lá thư của hắn cho thấy điều đó, trong thư có nhắc đến Toowoomba. Tôi không biết nữa, Holm ạ. À mà này, cậu tìm ra được tên cửa hàng ở Bergen chưa?”

“Ba láp đây!”

Hay đúng hơn là nghe có vẻ như vậy. Từ chính xác - flæk - được phát âm và nhân nhá bằng chất giọng đặc sệt vừng Bergen. Âm l phớt nhẹ, æ kéo dài và hạ xuống ở giữa, cùng âm s rất khẽ. Peter Flesch, người tự phát âm tên mình nghe như bn láp, nói hổn hà hổn hển, vừa to vừa sốt sắng. Ông ta rất vui vẻ khai báo, đúng là ông ta bán đủ loại đồ cổ có kích thước nhỏ, nhưng mặt hàng chủ yếu là tẩu thuốc, bật lửa, bút, cặp da và văn phòng phẩm. Có cả hàng mới lẫn hàng đã qua sử dụng. Đa phần bán cho khách quen, thường là cũng ở tầm tuổi như ông ta.

Đối với mấy câu hỏi của Harry về giấy viết Kono, ông ta đáp bằng giọng tiếc nuối rằng cửa hiệu không còn bán loại giấy đó. Thực ra là mấy năm nay ông ta không nhập về nữa.

“Tôi hỏi thế này e hơi khó,” Harry nói. “Nhưng khách hàng của ông đa phần là khách quen, nên liệu ông có nhớ được một vài người đã từng mua giấy Kono không?”

“Có thể có vài người. Møller này. Kikkusaen già ở Møllaren này. Chúng tôi không ghi sổ, nhưng vợ tôi có trí nhớ tốt lắm.”

“Hay là ông giúp tôi ghi lại họ tên đầy đủ, tuổi tác áng chừng và địa chỉ của những khách hàng ông còn nhớ rồi e-mail cho…”

Harry đang nói thì bị tiếng chắt lưỡi chen ngang. “Chúng tôi không dùng e-mail, con trai ạ. Và cũng không có ý định lập một cái đâu. Cậu cho tôi số fax thì hơn.”

Harry đọc số fax của Sở Cảnh sát. Rồi anh chợt ngần ngừ. Một ý tưởng bất ngờ nảy ra trong anh. Nhưng những ý tưởng chẳng bao giờ xuất hiện một cách vô duyên vô cớ.

“Không biết trong số khách hàng của ông ngày trước, có ai tên là Gert Rafto không?” Harry hỏi.

“Rafto Sắt ư?” Peter Flesch bật cười.

“Ông cũng biết ông ta sao?”

“Cả thành phố này đều biết Rafto ấy chứ. Nhưng ông ta không phải khách mua hàng ở đây.”

FOB Møller ngày trước luôn nói rằng, để tìm ra được chi tiết có lý, ta phải loại bỏ tất cả những chi tiết vô lý. Vì thế, đã là thanh tra cảnh sát thì đừng bao giờ nản chí mà hãy lấy làm mừng mỗi khi loại bỏ được một manh mối không đưa đến đáp án cuối cùng. Hơn nữa, đó cũng chỉ là một ý nghĩ bất chợt mà thôi.

“Dù sao cũng cảm ơn ông,” Harry nói. “Chúc ông một ngày tốt lành.”

“Ông ta không phải khách mua hàng,” Flesch nói. “Mà là tôi.”

“Vậy sao?”

“Đúng thế. Ông ta mang đến cho tôi vài món lặt vặt. Bật lửa bạc, bút mạ vàng, mấy thứ kiểu như vậy. Có đôi lần tôi mua lại của ông ta. Nhưng đấy là trước khi tôi biết được những món đồ đó từ đâu mà ra…”

“Thế chúng ở đâu ra?”

“Cậu không biết à? Ông ta lấy trộm ở hiện trường những vụ án ông ta điều tra chứ đâu.”

“Ông ta không bao giờ mua gì ư?”

“Rafto chẳng có nhu cầu sử dụng những mặt hàng của chúng tôi.”

“Kể cả giấy cũng không à? Nhưng ai mà chẳng cần giấy, không phải sao?”

“Hừm. Xin chờ một lát để tôi hỏi lại bà xã.”

Tuy có bàn tay che đi ống nghe nhưng Harry vẫn nghe thấy tiếng nói lón, rồi đến tiếng trò chuyện nhỏ hơn. Sau đó bàn tay buông ra và Flesch oang oang nói bằng giọng Bergen đầy hồ hởi, “Bà ấy nghĩ là Rafto lấy nốt chỗ giấy ấy hồi chúng tôi ngừng bán thì phải. Hình như đổi lấy ống cắm bút bằng bạc bị gãy. Bà vợ tôi đúng là có trí nhớ khủng thật.”

Harry cúp máy và biết rằng không lâu nữa anh sẽ lên đường đến Bergen. Trở lại với Bergen.

Tối đó dù đã chín giờ mà tầng trệt của tòa nhà tọa lạc tại số 6 đường Brynsalléen, thủ đô Oslo, vẫn sáng đèn. Nhìn từ ngoài, trông nó chẳng khác gì mấy khu liên hợp thương mại khác, xây theo phong cách hiện đại ốp gạch đỏ kết hợp cùng khung thép xám. Và bên trong cũng không có gì đặc biệt, nơi này quy tụ hơn bốn trăm nhân viên, hầu hết trong số đó là kỹ sư, chuyên gia IT, chuyên gia xã hội học, kỹ thuật viên phòng thí nghiệm, thợ ảnh, v.v… Thế nhưng đây lại là tổng hành dinh của cơ quan quốc gia phòng chống tội phạm có tổ chức và tội phạm nghiêm trọng, thường được nhắc đến bằng cái tên lâu đời Kriminalpolitisentralen, hay gọi tắt là Kripos.

Espen Lepsvik vừa cho nhân viên ra về sau khi nghe báo cáo tình hình điều tra án mạng. Chỉ còn hai người ngồi lại trong phòng họp trống trải với ánh đèn chói gắt.

“Thông tin hơi bị nghèo nàn đấy,” Harry Hole nói.

“Nói trắng ra là chả có gì,” Espen Lepsvik đáp, đưa ngón cái và ngón trỏ lên xoa mí mắt. “Hay chúng ta đi làm chầu bia rồi anh kể cho tôi những gì anh khai thác được nhé?”

Harry kể lại mọi chuyện cho Espen Lepsvik trong lúc anh ta lái xe vào trung tâm thành phố, tiện thể ghé vào quán Kafé Justisen trên đường về. Họ chọn một bàn nằm sâu bên trong quán cà phê đông đúc, chốn thường xuyên lui tới của khách hàng thuộc đủ mọi thành phần, từ đám sinh viên mê bia bọt cho đến những tay luật sư và cảnh sát thậm chí còn mê hơn cả tụi trẻ.

“Chuyến này tới Bergen tôi định để Katrine Bratt đi cùng thay cho Skarre,” Harry nói, đưa chai nước khoáng có ga lên nhấp một ngụm. “Trước khi đến đây tôi đã xem qua hồ sơ của cô ấy rồi. Nhìn chung khá sạch, nhưng trong đó có đề cập đến việc cô ấy từng tham gia phá hai vụ án mạng ở Bergen, mà theo tôi biết thì hình như anh được cử đến đó để chỉ đạo điều tra.”

“Bratt, phải rồi, tôi vẫn nhớ cô ta.” Espen Lepsvik cười khì và giơ ngón trỏ ra dấu gọi thêm bia.

“Cô ấy làm anh hài lòng chứ?”

“Cực kỳ hài lòng. Cô ta… cực kỳ… có tài.” Lepsvik nháy mắt với Harry, anh nhận thấy Lepsvik bắt đầu có vẻ lơ mơ của một viên thanh tra đã mệt mỏi lại còn nốc đến ba vại bia. “Nếu hai bọn tôi chưa ai lập gia đình thì chắc tôi đã có cơ hội.”

Anh ta uống cạn cốc bia.

“Điều tôi muốn biết là anh thấy tâm tính cô ấy có ổn định không,” Harry nói.

“Ổn định á?”

“Phải, ở cô ấy có gì đó… Tôi cũng chẳng biết giải thích thế nào. Có gì đó mãnh liệt.”

“Tôi hiểu ý anh.” Espen Lepsvik chậm rãi gật đầu trong khi ánh mắt cố tập trung vào Harry. “Hồ sơ của cô ta đẹp không tì vết. Nhưng nói riêng với anh thôi nhé, tôi có nghe một tay cảnh sát ở đấy nhắc đến chuyện riêng giữa vợ chồng cô ta.”

Lepsvik nhìn Harry những mong có được chút khích lệ nào đó từ phía anh, tuy không thấy nhưng cũng chẳng vì thế mà chịu ngừng lời.

“Chuyện là… anh biết đây… cô ta thích dây dợ và xiềng xích. Mạnh và bạo. Hẳn nhiên là tín đồ của thể loại ấy. Khẩu vị hơi quái đản.”

“Tôi không quan tâm việc đó,” Harry nói.

“Không, không, không, tôi cũng có quan tâm đâu!” Lepsvik kêu lên và giơ hai tay như muốn thanh minh. “Chỉ là người ta đồn thế thôi. Nhưng anh biết không?” Lepsvik nhếch mép cười và nhoài người qua bàn, để Harry ngửi thấy hơi thở nồng nặc mùi bia. “Cô ta mà muốn thống trị thì tôi luôn sẵn sàng.”

Harry nhận ra ánh mắt mình hẳn là đã để lộ điều gì đó, bởi lẽ Lepsvik dường như ngay lập tức hối hận vì sự cởi mở của mình và vội vã rụt người về chỗ cũ. Rồi anh ta lại tiếp tục nói, nhưng bằng giọng nghiêm chỉnh hơn.

“Cô ta làm việc chuyên nghiệp. Thông minh sáng dạ. Mãnh liệt và tận tụy. Nằng nặc đòi tôi giúp điều tra vài vụ án bế tắc lâu năm với thái độ theo tôi nhớ là có phần gay gắt. Nhưng tuyệt đối không có gì bất ổn, ngược lại là đằng khác. Cô ta thuộc tuýp người khép kín, hay cau có. Nhưng thiếu gì người như thế. Đúng vậy, thực lòng tôi nghĩ anh và cô ta sẽ là một đội hoàn hảo đấy.”

Harry mỉm cười trước hàm ý châm chọc và đứng dậy. “Cảm ơn vì đã mách nước, Lepsvik.”

“Thế thì mách lại cho tôi một tí đi. Anh và cô ta… có gì với nhau không?”

“Lời mách nước dành cho anh,” Harry đáp và thảy tờ một trăm krone lên mặt bàn, “là anh để xe lại đây thì hơn.”

## Ngày thứ chín

### BERGEN

Đúng tám giờ hai mươi sáu phút, chiếc máy bay mang số hiệu DY604 đáp xuống đường băng ướt nhẹp của sân bay Flesland, Bergen. Cú tiếp đất mạnh đến nỗi khiến Harry bừng tỉnh.

“Ngủ ngon không?” Katrine hỏi.

Harry gật đầu, dụi mắt và nhìn ra cửa sổ ngắm bình minh chìm trong màn mưa như trút.

“Lúc ngủ, anh nói mơ đấy,” cô cười.

“Ừm.” Harry không muốn hỏi mình đã nói những gì. Anh chỉ vội vã ôn lại giấc mộng vừa qua. Giấc mộng không có bóng dáng Rakel. Nhiều đêm rồi anh không mơ thấy cô. Anh đã gạt bỏ cô. Anh và những giấc mơ cùng đồng lòng quên cô đi. Nhưng anh lại mơ thấy Bjarne Møller, cấp trên đồng thời là thầy cũ của anh, người đã tìm đến vùng cao nguyên Bergen để rồi được phát hiện hai tuần sau đó ở hồ Revurtjern. Møller lựa chọn quyết định ấy bởi một lẽ, cũng như Zenon với ngón chân cái đau nhức, ông không thấy cuộc đời còn gì đáng sống nữa. Phải chăng Gert Rafto cũng đi đến kết luận tương tự? Hay thực sự ông ta vẫn còn sống đâu đó ngoài kia?

“Tôi đã gọi điện cho vợ cũ của Rafto,” Katrine nói trong lúc hai người đi qua sảnh đến. “Cả bà ấy lẫn cô con gái đều không muốn phải làm việc với cảnh sát một lần nữa, không muốn khơi lại vết thương cũ. Nhưng như thế cũng chẳng sao. Những báo cáo để lại từ thời đó đã là quá đủ rồi.”

Hai người lên taxi ở ngoài trạm.

“Được về nhà thế này có thích không?” Harry hỏi lớn trong tiếng mưa rào rào và tiếng sột soạt đều đều của cần gạt nước trên kính chắn gió.

Katrine hờ hững, nhún vai. “Tôi ghét mưa lắm. Ghét luôn cả đám dân Bergen dám nói ở đây không mưa nhiều như dân miền Đông Na Uy vẫn tường.”

Khi đi qua quảng trường Danmarksplass, Harry ngước lên nhìn ngọn núi Ulriken. Trên đỉnh núi tuyết phủ trắng xóa, anh trông thấy những cabin cáp treo đang dịch chuyển. Thế rồi xe chạy qua những con đường trơn ướt như ổ rắn bên bờ vịnh Store Lungegårdsvann và tới được trung tâm thành phố, quang cảnh hiện ra trước mắt du khách giống như một niềm vui bất ngờ sau khi trải qua hành trình đầy tẻ nhạt.

Hai người bước vào khách sạn SAS nằm trong khu Bryggen, nhìn thẳng ra vịnh. Harry đã hỏi Katrine có định tá túc ở nhà bố mẹ không, cô đáp rằng chỉ ở có mỗi một đêm thôi, làm vậy thì phiền quá, bố mẹ cô sẽ cuống lên cho xem, mà cô thậm chí còn chẳng báo với họ là sẽ về đây nữa kia.

Họ nhận khóa thẻ từ lên phòng, chẳng ai nói năng gì trong lúc đi thang máy. Katrine đưa mắt liếc Harry và mỉm cười như thể khoảng lặng trong thang máy là một trò đùa đầy ẩn ý. Harry cúi xuống nhìn, hy vọng cơ thể mình không phát đi tín hiệu sai lệch nào đó. Hoặc là tín hiệu chuẩn xác.

Cửa thang máy cuối cùng cũng mở, cô uốn éo bước ra hành lang.

“Năm phút nữa gặp ở sảnh lễ tân,” Harry gọi với theo.

“Lịch trình thế nào đây?” Harry hỏi khi cả hai cùng ngồi ở sảnh sáu phút sau đó.

Katrine ngả người về phía trước trên chiếc ghế bành sâu lòng và lật giở cuốn sổ bìa da. Cô đã thay sang bộ vét xám thanh lịch, cho thấy cô hòa nhập rất nhanh với nhóm khách doanh nhân ở khách sạn.

“Anh đến gặp Knut Müller-Nilsen, trưởng Đơn vị Tìm kiếm Người Mất tích và Điều tra Tội phạm Bạo lực.”

“Cô không đi cùng sao?”

“Tôi mà đi thì lại phải chào hỏi rồi tám chuyện với mọi người ở đó, mất toi cả một ngày. Mà tốt hơn hết anh đừng nhắc đến tên tôi. Nói đến chỉ khiến họ phật lòng vì tôi không ghé qua. Tôi sẽ tới Øyjordsveien để hỏi chuyện nhân chứng trông thấy Rafto lần cuối cùng.”

“Ừm. Chỗ đó là ở đâu?”

“Cạnh vũng tàu đậu. Nhân chứng nhìn thấy ông ta ra khỏi ô tô và đi vào công viên Nordnes. Không ai quay lại lấy xe, cảnh sát đã rà soát toàn bộ khu vực xung quanh mà không thu được kết quả gì.”

“Sau đó thì làm gì nữa?” Harry vuốt ngón cái và ngón giữa lên quai hàm, thầm nghĩ lẽ ra anh nên cạo râu trước khi rời thành phố.

“Anh đọc lại các báo cáo cũ cùng với những người từng phụ trách điều tra mà hiện vẫn còn làm việc ở đó. Tìm hiểu đầy đủ thông tin. Cố gắng xem xét vụ án từ một góc độ khác.”

“Không,” Harry đáp.

Katrine ngẩng lên khỏi cuốn sổ tay.

“Những thanh tra ngày ấy đã đưa ra kết luận của riêng mình, nhất định họ sẽ tìm mọi cách bảo vệ quan điểm cá nhân,” Harry giảng giải. “Tôi thích nghiền ngẫm đống báo cáo trong yên bình ở Oslo. Còn tranh thủ thời gian ở đây để tìm hiểu thêm về Gert Rafto. Có chỗ nào cho chúng ta xem qua đồ đạc của ông ta không nhỉ?”

Katrine lắc đầu. “Gia đình ông ta đã quyên góp toàn bộ cho tổ chức Cứu Thế quân. Rõ ràng là cũng chẳng nhiều nhặn gì. Chỉ có ít đồ nội thất và quần áo thôi.”

“Thế nơi ông ta từng ở thì sao?”

“Ông ta sống một mình trong căn hộ ở Sandviken sau ly hôn, nhưng nó bị bán từ lâu rồi.”

“Ừm. Gia đình họ không còn giữ lại ngôi nhà thuở nhỏ, nhà ở quê hay nhà nghỉ nào à?”

Katrine ngần ngừ. “Trong báo cáo có nhắc đến một căn nhà gỗ nhỏ tại khu nghỉ hè dành cho cảnh sát, nằm trên đảo Finnøy ở Fedje. Gia đình được phép giữ lại căn nhà trong những trường hợp như thế này, vì vậy chúng ta có thể thử xem. Tôi có số điện thoại của vợ Rafto rồi. Tôi sẽ gọi điện cho bà ấy.”

“Tôi tưởng bà ta không muốn nói chuyện với cảnh sát.”

Katrine nháy mắt với anh và nở nụ cười ranh mãnh.

Harry xoay xở mượn được một chiếc ô ở quầy lễ tân khách sạn, nhưng chẳng mấy chốc nó đã bị gió thổi tốc ngược khi anh còn chưa tới nổi chợ cá Fisketorget ở cảng, và trông không khác gì con dơi tàn tạ lúc anh đến được Sở Cảnh sát sau một hồi cúi đầu mải miết chạy.

Harry đang đứng đợi POB Knut Müller-Nilsen ở quầy tiếp đón thì Katrine gọi cho anh và nói rằng căn nhà gỗ trên đảo Finnøy vẫn thuộc sở hữu của gia đình Rafto.

“Nhưng vợ ông ta đã không còn đặt chân đến đó kể từ sau khi Rafto mất tích. Bà ấy nghĩ cô con gái cũng thế.”

“Chúng ta sẽ cùng đi,” Harry đáp. “Một giờ là tôi xong việc ở đây.”

“Được, tôi sẽ thuê tàu. Gặp nhau ở bến Zacharias nhé.”

Knut Müller-Nilsen có dáng vẻ của một con gấu bông vui tính với đôi mắt biết cười và tay to như vợt tennis. Những chồng giấy cao chất ngất trên bàn khiến ông ta trông như thể đang ngồi giữa vòng vây, hai cái vợt đan lại đặt sau đầu.

“Rafto à, hừm…” Müller-Nilsen nói, sau khi giải thích với Harry rằng ở Bergen không mưa nhiều như dân miền Đông Na Uy vẫn tưởng.

“Xem ra các sĩ quan cảnh sát hay có xu hướng vuột khỏi tay ông nhỉ,” Harry nói và giơ tấm ảnh của Gert Rafto đi kèm trong mấy tập báo cáo anh đang đặt trên đùi.

“Thế á?” Müller-Nilsen thắc mắc, nhìn Harry, anh vừa tìm được chiếc ghế tựa lưng nan trong một góc phòng không bị giấy tờ chiếm hữu.

“Bjarne Møller,” Harry nói.

“Ừ,” Müller-Nilsen đáp, nhưng chính sự chần chừ trong cách nói đã lật tẩy ông ta.

“Sĩ quan mất tích ở Fløyen ấy,” Harry nhắc.

“Phải rồi!” Müller-Nilsen vỗ trán. “Thật bi thảm. Khi đó ông ấy mới tới được một thời gian ngắn nên tôi chưa kịp… Phỏng đoán được đưa ra là ông ấy lạc đường, đúng không nhỉ?”

“Đúng là như thế,” Harry nói, hướng ánh mắt ra ngoài cửa sổ và nghĩ về con đường Bjarne Møller đã chọn, từ lý tưởng lúc ban đầu cho tới khi tha hóa, biến chất, về bao mục đích tốt đẹp của ông, và cả những sai lầm đáng tiếc. Những điều người khác sẽ chẳng bao giờ hay biết. “Ông có thể cho tôi biết gì về Gert Rafto?”

Quả là bản sao tính cách của mình ở Bergen này, Harry nghĩ thầm sau khi nghe lời miêu tả của Müller-Nilsen: có thái độ thiếu lành mạnh đối với rượu, tính tình khó ưa, một con sói cô độc, không đáng tin cậy, đạo đức có vấn đề và lý lịch quá nhiều vết đen.

“Nhưng ông ta có khả năng phân tích và trực giác cực kỳ đáng nể,” Müller-Nilsen nói. “Và cả tinh thần thép nữa. Dường như ông ta bị thôi thúc bởi… một điều gì đó. Tôi không biết phải nói thế nào cho đúng. Rafto là người cực đoan. Điều đó thì chẳng còn gì phải bàn cãi sau khi chúng tôi biết chuyện.”

“Chuyện gì cơ?” Harry hỏi, nhác thấy một cái gạt tàn nằm lẫn trong đống giấy tờ.

“Rafto tính tình hung bạo. Chúng tôi biết ông ta đã có mặt trong căn hộ của Onny Hetland ngay trước khi cô ta mất tích, và Hetland có thể nắm trong tay thông tin nào đó giúp hé lộ danh tính của kẻ sát hại Laila Aasen. Vả lại, sau đó ông ta lập tức biến mất. Cũng không loại trừ khả năng ông ta nhảy xuống biển tự sát. Dù sao đi nữa, chúng tôi chẳng thấy lý do gì để mở cuộc điều tra trên diện rộng.”

“Ông không cho rằng ông ta có thể trốn ra nước ngoài à?”

Müller-Nilsen mỉm cười lắc đầu.

“Sao lại không?”

“Xin thưa với anh rằng trong vụ này chúng tôi có lợi thế là biết rất rõ nghi phạm. Dù trên lý thuyết Rafto rất có thể trốn khỏi Bergen, nhưng ông ta không phải người như thế. Đơn giản vậy thôi.”

“Họ hàng hay bạn bè không ai trình báo dấu hiệu nào cho thấy ông ta còn sống ư?”

Müller-Nilsen lắc đầu. “Cha mẹ ông ta không còn ở đây nữa, mà Rafto cũng ít bạn. Mối quan hệ giữa ông ta và vợ cũ lại căng thẳng, thế nên ông ta đời nào chịu liên lạc với bà ta.”

“Thế còn cô con gái?”

“Hai bố con khá thân thiết. Cô bé ngoan ngoãn, thông minh. Sau rồi cũng thành người tử tế, anh biết đấy, tất nhiên là xét trong hoàn cảnh ấy.”

Harry nhận ra câu nói đó ám chỉ điều này ai mà chẳng biết. “Sau rồi cũng thành người tử tế, anh biết đấy,” đúng là cách nói điển hình của những sở cảnh sát quy mô nhỏ mà tại đó, nhìn chung anh phải biết nhiều điều về nhiều chuyện xảy ra trong vùng.

“Rafto có một căn nhà gỗ trên đảo Finnøy, phải không?” Harry hỏi.

“Phải, đấy cũng có thể là nơi ẩn náu theo lẽ tự nhiên. Để suy xét mọi việc và rồi…” Müller-Nilsen đưa bàn tay to tổ chảng lên diễn tả hành động cứa cổ. “Chúng tôi đã lục soát căn nhà, tìm kiếm khắp hòn đảo bằng chó nghiệp vụ và lùng sục cả dưới nước. Chẳng thấy gì.”

“Tôi định đến đó xem qua.”

“Có gì đáng kể đâu mà xem. Gia đình tôi cũng có một căn nằm đối diện với nhà Rafto Sắt, tiếc là nó xuống cấp lắm rồi. Bà vợ ông ta nhất định không chịu từ bỏ căn nhà, thật đáng hổ thẹn. Bà ta có bao giờ ở đấy đâu.” Müller-Nilsen đưa mắt liếc đồng hồ. “Bây giờ tôi phải đi họp, một trong những sĩ quan cấp cao điều tra vụ này sẽ cùng cậu xem lại báo cáo.”

“Không cần đâu,” Harry nói, cúi nhìn tấm ảnh đặt trên đùi. Thốt nhiên, khuôn mặt trong ảnh bỗng trở nên quen thuộc lạ lùng, như thể anh mới trông thấy cách đây chưa lâu. Là ai đó cải trang chăng? Hay là người anh từng đi lướt qua trên phố? Một nhân vật đóng vai trò nhỏ bé mà anh không phát hiện ra, nhân viên giám sát đỗ xe rình mò trên phố Sofies, hay người bán hàng ở Vinmonopol? Harry đành chịu thua.

“Thế ra không phải là Gert à?”

“Anh bảo sao cơ?” Müller-Nilsen hỏi.

“Ông gọi ông ta là Rafto Sắt. Thế ra mọi người không gọi đơn giản là Gert hay sao?”

Müller-Nilsen ném cho Harry cái nhìn nghi hoặc, e dè bật ra tiếng cười khẽ, nhưng cuối cùng chỉ đáp lại bằng nụ cười nửa miệng. “Không, có lẽ ở đây chúng tôi chưa từng nghĩ tới điều đó.”

“Được rồi. Cảm ơn ông đã giúp đỡ.”

Đang trên đường ra về, Harry bỗng nghe thấy Müller- Nilsen gọi nên ngoái lại. Vị POB đứng ở cửa phòng làm việc phía cuối hành lang, tiếng nói dội lại giữa những bức tường trong thoáng chốc.

“Và tôi nghĩ Rafto cũng không thích bị gọi như thế đâu.”

Rời khỏi Sở Cảnh sát, Harry đứng đó nhìn khách bộ hành cúi rạp người gắng gượng bước đi giữa trời mưa gió. Cảm giác ấy vẫn không chịu buông tha cho anh. Cảm giác như có thứ gì hoặc người nào đó đang ở đâu đây, hiện hữu ngay trong nội bộ, nếu anh biết nhìn nhận mọi thứ từ một góc độ chuẩn xác, dưới ánh sáng minh bạch và rõ ràng.

Katrine tới đón Harry ở bến tàu như đã hẹn.

“Thứ này là tôi mượn của một người bạn,” cô nói trong lúc điều khiển thứ gọi là thuyền máy dài gần sáu mét rưỡi phóng ra khơi từ cửa cảng chật hẹp. Khi thuyền đi vòng qua bán đảo Nordnes, một âm thanh cất lên khiến Harry ngoái lại, và anh bắt gặp hình ảnh chiếc cột totem. Những khuôn mặt khắc trên gỗ đang ngoác miệng khản cổ gào thét về phía anh. Một luồng gió lạnh quét ngang qua chiếc thuyền.

“Bầy hải cẩu ở Thủy Cung kêu đấy,” Katrine nói.

Harry khép áo khoác chặt hơn quanh mình.

Finnøy là đảo nhỏ. Ngoài những cây thạch nam, chẳng còn loài thực vật nào tồn tại nổi trên khoảnh đất mưa dập gió vùi, nhưng ở đây lại có một bến tàu và Katrine neo thuyền vào đó một cách thuần thục. Khu nhà ở có cả thảy sáu mươi căn nhà gỗ bé như nhà búp bê, khiến Harry nhớ đến những ngôi lều của thợ mỏ anh từng thấy ở Soweto.

Katrine dẫn Harry bước trên con đường rải sỏi len lỏi giữa những căn nhà, rồi dừng lại phía trước một trong số đó. Căn nhà nổi bật hẳn lên nhờ lớp sơn bong tróc. Một ô kính trên cửa sổ đã rạn nứt. Katrine kiễng chân, nắm lấy chiếc đèn ốp trần lắp trên cửa ra vào và bắt đầu vặn. Bên trong vang lên tiếng lạo xạo khi cô xoay vỏ đèn và mấy con côn trùng chết rụng lả tả. Rơi xuống cùng chúng còn có một chiếc chìa khóa mà cô kịp bắt lấy trong không trung.

“Bà vợ cũ quý tôi lắm,” Katrine nói, tra chìa vào ổ.

Trong nhà có mùi nấm mốc và gỗ ẩm. Harry căng mắt ra nhìn giữa khung cảnh tranh tối tranh sáng và nghe thấy tiếng bật công tắc và đèn bừng sáng.

“Vậy là bà ấy vẫn duy trì hệ thống điện dù không sống ở đây,” anh nói.

“Điện dùng chung,” Katrine nói, chậm rãi nhìn quanh. “Chi phí đã có Sở Cảnh sát lo.”

Căn nhà gỗ rộng hai mươi lăm mét vuông, gồm một phòng khách kiêm luôn cả phòng bếp lẫn phòng ngủ. Trên mặt bàn bếp và bàn trà la liệt vỏ chai bia cũ. Bốn bức tường trống trơn, chẳng có đồ trang trí nào trên bậu cửa sổ hay sách vở gì trên giá.

“Nhà này còn có tầng hầm nữa,” Katrine nói và chỉ vào cánh cửa sập trên sàn. “Giờ đến phận sự của anh rồi đấy. Tiếp theo chúng ta làm gì đây?”

“Tìm thôi,” Harry đáp.

“Tìm gì?”

“Điều đó ta chưa cần quan tâm.”

“Vì sao?”

“Vì rất dễ bỏ sót chi tiết quan trọng nào đó nếu chỉ chăm chăm tìm kiếm thứ khác. Cứ để đầu óc thoải mái đi. Cô sẽ biết mình đang tìm gì khi cô thấy nó.”

“Được rồi,” Katrine đáp một cách thật chậm rãi.

“Cô tìm ở trên này nhé,” Harry nói, bước tới chỗ cửa sập và kéo cái vòng sắt gắn phía trên lên. Một chiếc cầu thang hẹp dẫn xuống khoảng không tối đen bên dưới. Anh hy vọng cô không nhận ra sự do dự nơi anh.

Những tấm mạng nhện khô của lũ nhện đã chết từ lâu dính vào mặt anh khi anh dấn thân xuống không gian ẩm thấp mù tối có mùi đất và mùi gỗ mục. Toàn bộ căn hầm nằm trọn trong lòng đất. Anh tìm thấy công tắc ở chân cầu thang và bật thử, nhưng chẳng có gì xảy ra. Thứ ánh sáng duy nhất dưới này là một đốm đỏ phía trên cái tủ đông lạnh kê sát tường bên. Anh bật đèn pin, luồng sáng rọi đúng vào cánh cửa kho chứa đồ.

Bản lề rít lên the thé khi anh mở cửa. Ra là một xưởng mộc chật chội với đủ thứ dụng cụ. Dành cho người đàn ông có tham vọng làm được điều gì đó hữu ích, Harry nghĩ thầm. Bên cạnh việc truy lùng những tên sát nhân.

Nhưng chỗ dụng cụ này trông có vẻ không được sử dụng thường xuyên cho lắm, hẳn là vì Rafto cuối cùng cũng nhận ra mình chẳng làm được việc gì khác; ông không phải tuýp người sáng tạo mà chỉ là người thu dọn sau khi xong việc. Một tiếng động đột ngột vang lên khiến Harry quay ngoắt lại. Rồi anh thở phào nhẹ nhõm khi nhận ra nhiệt kế của tủ đông lạnh đã kích hoạt chiếc quạt gió. Harry đi sang kho chứa đồ thứ hai. Một tấm vải phủ lên toàn bộ đồ đạc ở đây. Anh kéo tấm vải ra, mùi ẩm mốc xộc thẳng vào mũi anh. Luồng sáng đèn pin soi tỏ một chiếc ô mục nát, cái bàn nhựa, một chồng ngăn kéo tủ đông lạnh, mấy cái ghế nhựa bạc phếch và bộ dụng cụ chơi bóng cửa. Trong tầng hầm chẳng còn gì khác nữa. Anh nghe thấy tiếng Katrine lục lọi ở trên nhà và chuẩn bị đóng cửa kho. Có điều một trong mấy cái ngăn kéo tủ đông lạnh đã trượt xuống và nằm chình ình ở ngưỡng cửa khi anh bỏ tấm vải ra lúc ban nãy. Đang định lấy chân gạt nó về chỗ cũ thì anh bỗng dừng lại và quan sát. Dưới ánh sáng đèn pin anh có thể trông thấy những con chữ nổi ở cạnh bên của ngăn kéo. Electrolux. Anh bước tới chỗ bức tường, nơi quạt gió của tủ đông lạnh vẫn chạy ro ro. Chiếc tủ mang nhãn hiệu Electrolux. Anh nắm lấy tay cầm và kéo, nhưng cửa tủ chẳng hề nhúc nhích. Bên dưới tay cầm anh thấy một ổ khóa và hiểu ra cái tủ chỉ đơn giản là bị khóa. Anh đi vào kho dụng cụ để lấy xà beng. Anh quay lại vừa đúng lúc Katrine cũng bước xuống cầu thang.

“Trên kia chẳng có gì đâu,” cô nói. “Có lẽ chúng ta về thôi. Anh định làm gì đấy?”

“Xâm phạm tư gia,” Harry nói, kê đầu xà beng lên cửa tủ đông lạnh ngay phía trên ổ khóa. Anh lấy hết sức đè đầu kia xuống. Cũng không ăn thua. Anh bèn thay đổi cách cầm, tì một bàn chân vào cầu thang làm điểm tựa và bẩy mạnh.

“Chết tiệt…”

Vói một tiếng rắc khô khốc, cánh cửa bật tung làm Harry ngã dúi dụi. Anh nghe thấy chiếc đèn pin rơi xuống sàn gạch và cảm nhận cái lạnh ùa tới mình, như hơi thở của băng giá. Đang quờ quạng tìm đèn phía sau thì anh nghe thấy tiếng Katrine. Đó là âm thanh ghê rợn đến tận xương tủy, một tiếng thét cất lên từ sâu trong cổ họng rồi chuyển thành tiếng nức nở dồn dập, nghe như đang cười. Thế rồi âm thanh tắt lịm trong vài giây khi cô lấy hơi, sau đó tất cả lại bắt đầu, vẫn tiếng thét dai dẳng kéo dài chẳng khác gì bài lễ ca nghiêm trang và đau đớn của người phụ nữ khi chuyển dạ. Nhưng đến lúc này thì Harry đã kịp nhìn thấy tất cả và hiểu ra nguyên nhân. Cô hét lên như vậy là bởi suốt mười hai năm qua, chiếc tủ đông lạnh vẫn chạy tốt, ánh đèn trong tủ soi sáng một thứ bị tống vào đó, hai cẳng tay đặt phía trước, đầu gối gập lại, cái đầu bị bẻ ngoặt về một bên. Cái xác được bao bọc bởi những tinh thể băng trắng toát, như thể một lớp nấm mốc trắng đã ăn dần ăn mòn nó bấy lâu nay; thân xác biến dạng ấy chẳng khác nào hình ảnh minh họa cho tiếng thét của Katrine. Nhưng đó không phải là điều làm dạ dày Harry muốn lộn nhào. Vài giây sau khi chiếc tủ bị phá, thi thể đổ ập về phía trước, cái trán đập vào mép cửa khiến những tinh thể băng rơi ra khỏi khuôn mặt, rụng lả tả xuống sàn. Nhờ vậy Harry mới nhận ra Gert Rafto đang cười với họ. Thế nhưng nụ cười không nở trên khuôn miệng vốn đã bị khâu lại bằng sợi chỉ thô như sợi gai dầu theo đường dích dắc xuyên qua cặp môi. Nụ cười vắt ngang cằm và vòng lên tận hai bên má, được vẽ nên bởi một hàng đinh đen sì chỉ có thể do dùng búa đóng vào. Đặc điểm khiến Harry chú ý chính là cái mũi. Anh cố đè nén cơn buồn ói đang dâng lên như một hành động phản kháng mà thôi. Phần xương và sụn mũi được cắt bỏ trước. Khí lạnh đã rút sạch sắc màu của củ cà rốt. Người tuyết vậy là đã hoàn tất.

# PHẦN BA

## Ngày thứ chín

### SỐ 8

Lúc này đã là tám giờ tối, thế nhưng những ai đi qua con phố Grønlandsleiret đều sẽ thấy đèn đóm vẫn sáng trưng trên toàn bộ tầng sáu của Sở Cảnh sát.

Tại phòng họp K1, Holm, Skarre, Espen Lepsvik, Gunnar Hagen và giám đốc Sở quây quần trước mặt Harry. Sáu tiếng rưỡi đã trôi qua kể từ khi họ tìm thấy Gert Rafto trên đảo Finnøy và bốn tiếng kể từ khi Harry gọi điện từ Bergen về Sở để thu xếp cho cuộc họp trước khi anh được đưa ra sân bay.

Harry đã báo cáo lại việc phát hiện ra thi thể, đến cả giám đốc Sở ngồi đó cũng không giấu được vẻ hãi hùng khi Harry đưa ra ảnh chụp hiện trường mà cảnh sát Bergen gửi đến qua e-mail.

“Báo cáo pháp y vẫn chưa xong,” Harry nói. “Nhưng nguyên nhân tử vong thì đã khá rõ ràng. Nạn nhân bị nhét súng vào họng và viên đạn xuyên qua vòm miệng rồi bắn ra ngoài từ phía sau đầu. Đó là những gì xảy ra ở hiện trường; cảnh sát Bergen tìm thấy viên đạn găm trên tường kho chứa đồ.”

“Có máu và chất não không?” Skarre hỏi.

“Không,” Harry đáp.

“Làm gì còn sau bao nhiêu năm như thế,” Lepsvik nói. “Rồi chuột bọ các kiểu…”

“Có thể đôi chỗ vẫn còn sót lại dấu vết,” Harry nói. “Nhưng tôi đã trao đổi với chuyên gia pháp y và cả hai đều thống nhất. Rafto có lẽ đã góp phần giúp cho hiện trưòng không quá bừa bộn.”

“Hả?” Skarre nói.

“Ặc,” Lepsvik nói đầy biểu cảm.

Skarre dường như cũng bắt đầu hiểu ra, mặt anh ta nhăn lại vì kinh hãi. “Ôi, tởm…”

“Xin lỗi,” Hagen lên tiếng. “Ai đó làm ơn giải thích cho tôi mọi người đang nói về điều gì được không?”

“Chuyện này đôi lúc chúng tôi cũng thấy trong những vụ tự tử,” Harry nói. “Con người tội nghiệp sẽ hút hết không khí trong nòng súng trước khi bóp cò. Môi trường chân không sẽ khiến cho xung quanh đỡ…” anh cân nhắc lựa lời để nói “… bung bét. Trong vụ này, có lẽ Rafto đã được lệnh hút không khí ra như thế.”

Lepsvik lắc đầu. “Một cảnh sát như Rafto chắc chắn phải biết lý do.”

Hagen tái mặt. “Nhưng làm… làm thế quái nào mà buộc được người ta hút…”

“Có thể vì ông ấy được quyền lựa chọn,” Harry nêu giả thuyết. “Còn nhiều cách chết khác đáng sợ hơn nhiều so với việc bắn bể họng mình.” Bầu không khí sững sờ lặng ngắt bao trùm khắp phòng. Harry để nó lấp đầy khoảng trống trong vài giây trước khi nói tiếp.

“Từ trước tới giờ chúng ta chưa tìm được thi thể nào. Rafto cũng bị giấu xác, nhưng lẽ ra ông ta đã có thể sớm được phát hiện nếu người thân của ông ta không từ bỏ căn nhà đó. Điều này khiến tôi tin rằng Rafto không phải là một phần trong kế hoạch của hung thủ.”

“Và cậu tin rằng hung thủ là kẻ sát nhân hàng loạt?” Trong giọng nói của giám đốc Sở không hề có ý thách thức mà chỉ mong câu hỏi của mình được xác thực.

Harry gật đầu.

“Nếu Rafto không phải một phần trong cái gọi là kế hoạch này, thế thì động cơ là gì?”

“Chúng tôi vẫn chưa biết, nhưng khi một thanh tra cảnh sát bị giết thì theo lẽ tự nhiên người ta sẽ cho rằng vị thanh tra đó là mối đe dọa đối với hung thủ.”

Espen Lepsvik ho mấy tiếng. “Đôi khi, cách xác chết được đối xử cũng có thể cho chúng ta biết đôi điều về động cơ gây án. Chẳng hạn như trong trường hợp này, cái mũi đã bị thay bằng củ cà rốt. Nói cách khác, hắn đang vểnh mũi về phía chúng ta.”

“Chế nhạo ta ư?” Hagen hỏi.

“Hay là hắn muốn bảo chúng ta đừng có gí mũi vào?” Holm dè dặt nêu ý kiến.

“Đúng rồi!” Hagen kêu lên. “Đó là lời cảnh báo để những người khác giữ khoảng cách.”

Giám đốc Sở cúi đầu và nhìn Harry qua khóe mắt. “Vậy còn cái miệng bị khâu?”

“Một thông điệp: giữ mồm giữ miệng đi,” Skarre nổ.

“Phải đấy!” Hagen kêu lên. “Nếu Rafto đã tha hóa biến chất thì có thể ông ta và hung thủ là đồng phạm về mặt nào đó, và Rafto đe dọa sẽ tố cáo hắn.”

Mọi ánh mắt đều đổ dồn về phía Harry, người chẳng đáp lại câu nào trước những ý kiến vừa nêu.

“Thế nào?” Giám đốc Sở cáu kỉnh hỏi.

“Tất nhiên những điều các vị nói đều có thể đúng,” Harry nói. “Nhưng tôi thì tin rằng thông điệp duy nhất hung thủ muốn truyền đạt chỉ là Người Tuyết đã ở đây. Và hắn thích tạo ra người tuyết. Chấm hết.”

Các thanh tra đưa mắt nhìn nhau thật nhanh, nhưng không ai phản đối gì.

“Chúng ta còn một vấn đề nữa,” Harry nói. “Sở Cảnh sát Bergen đã ra thông cáo nói rằng một thi thể vừa được phát hiện trên đảo Finnøy, tất cả chỉ có vậy thôi. Và tôi đã yêu cầu họ tạm thời giữ kín các thông tin chi tiết để chúng ta có thêm vài ngày truy tìm manh mối mà không để Người tuyết biết cái xác đã được tìm thấy. Tiếc thay, thời gian hai ngày e không khả thi. Chẳng có sở cảnh sát nào kín tiếng được đến mức ấy.”

“Báo chí sẽ công bố danh tính của Rafto vào sáng sớm mai,” Espen Lepsvik nói. “Tôi có quen mấy người làm cho tờ Bergens Tidende và Bergensavisen.”

“Nhầm rồi,” Một giọng nói cất lên phía sau họ. “Thông tin đó sẽ được phát trên bản tin muộn của kênh TV2 vào tối nay. Không chỉ danh tính mà còn có cả những mô tả chi tiết về hiện trường và mối liên quan với Người Tuyết.”

Mọi người ngoái lại nhìn. Đứng ở ngưỡng cửa là Katrine Bratt. Sắc mặt cô vẫn tái, tuy không còn trắng bệch như lúc Harry nhìn cô lái thuyền quay về từ Finnøy, để anh ở lại trên đảo chờ cảnh sát đến.

“Vậy ra cô quen biết bên TV2 cơ à?” Espen Lepsvik hỏi với nụ cười nửa miệng.

“Không,” Katrine đáp và ngồi xuống. “Tôi quen Sở Cảnh sát Bergen.”

“Cô đã đi đâu thế, Bratt?” Hagen hỏi. “Cô vắng mặt suốt mấy tiếng vừa qua.”

Katrine đưa mắt nhìn Harry, anh kín đáo gật đầu với cô một cái và hắng giọng. “Katrine đi xử lý một số việc tôi giao.”

“Chắc là quan trọng lắm. Kể đi, Bratt.”

“Giờ ta không cần nhắc đến chuyện đó làm gì cả,” Harry nói.

“Tôi chỉ tò mò tí thôi mà,” Hagen chế nhạo.

Ngài Sếp Ghế Bành chết giẫm, Harry nghĩ thầm. Ngài Luôn phải đúng giờ, ngài Tôi thích thẩm vấn, ông không để cho người ta yên được hay sao, không thấy cô ta vẫn còn đang sốc à? Chính ông cũng xám ngoét mặt mày khi trông thấy những bức ảnh đó còn gì. Cô ấy bỏ về nhà, biến khỏi mọi thứ. Rồi sao? Giờ cô ấy quay lại rồi. Đáng lẽ phải vỗ vai động viên thay vì làm người ta mất mặt trước đồng nghiệp như thế. Những ý nghĩ này lướt qua tâm trí Harry, nói với anh một cách thật rõ ràng, rành mạch, trong lúc đó anh cố khiến Hagen chú ý và ngầm ra hiệu cho ông ta hiểu bằng ánh mắt.

“Thế nào, Bratt?” Hagen giục.

“Tôi đi kiểm tra đôi điều,” Katrine vênh mặt đáp.

“Ra vậy. Ví dụ…”

“Ví dụ như Idar Vetlesen đang theo học ngành y vào thời điểm Laila Aasen bị giết, Onny Hetland và Rafto mất tích.”

“Việc đó có liên quan gì sao?” Giám đốc Sở hỏi.

“Có liên quan đấy,” Katrine nói. “Vì anh ta học ở Đại học Bergen.”

Cả phòng K1 im phăng phắc.

“Sinh viên y khoa ư?” Giám đốc Sở nhìn Harry.

“Sao lại không thể chứ?” Harry nói. “Về sau anh ta theo ngành phẫu thuật chỉnh hình, và anh ta còn nói mình thích tạo hình khuôn mặt.”

“Tôi đã kiểm tra những nơi anh ta đến thực tập và cả chỗ làm sau này,” Katrine nói. “Chúng không trùng với nơi xảy ra những vụ mất tích của những phụ nữ chúng ta cho rằng đã bị Người Tuyết sát hại. Nhưng bác sĩ mới vào nghề thường hay đi đây đi đó. Hội nghị này nọ, rồi nhận những công việc thời vụ chẳng hạn.”

“Đáng tiếc là Krohn không cho phép chúng ta thẩm vấn hắn,” Skarre nói.

“Quên chuyện đó đi,” Harry nói. “Ta sẽ bắt giam Vetlesen.”

“Vì cái gì?” Hagen hỏi. “Vì từng học ở Bergen chắc?”

“Vì tội có ý định mua dâm trẻ vị thành niên.”

“Dựa trên cơ sở nào?” Giám đốc Sở hỏi.

“Chúng ta có một nhân chứng. Chính là chủ khách sạn Leon. Và ta còn có những bức ảnh chứng minh mối liên hệ giữa Vetlesen và khách sạn.”

“Tôi ghét phải nói cái này,” Espen Lepsvik lên tiếng, “nhưng tôi biết gã Leon đó, không đời nào hắn chịu ra làm chứng đâu. Vụ này rồi sẽ công cốc thôi; anh sẽ phải thả Vetlesen sau hai mươi bốn tiếng, miễn thắc mắc.”

“Tôi biết chứ,” Harry nói và nhìn đồng hồ đeo tay. Anh đang nhẩm tính xem lái xe từ đây đến Bygdøy sẽ mất bao lâu. “Trong quãng thời gian ngắn ngủi ấy, những điều người ta có thể nghĩ ra để nói sẽ khiến anh phải ngạc nhiên đấy.”

Harry nhấn chuông một lần nữa, thầm nghĩ tình huống này giống hệt như những gì anh từng trải qua trong kỳ nghỉ hè hồi anh còn nhỏ, bạn bè đi hết, ở Oppsal chỉ còn lại duy nhất một cậu bé là anh. Anh đứng đó, nhấn chuông nhà Øystein hoặc đứa bạn nào đó khác, hy vọng điều kỳ diệu xảy ra và sẽ có đứa ở nhà thay vì đến chơi với bà ở Halden, hay đi nghỉ ở Son, hoặc cắm trại tít tận Đan Mạch. Anh cứ nhấn chuông hết nhà này đến nhà khác, cho tới khi anh biết chỉ còn một khả năng duy nhất. Tresko. Tresko, thằng bạn mà cả anh lẫn Øystein đều chẳng muốn chơi cùng nhưng vẫn lẵng nhẵng bám theo bọn anh như hình với bóng, đợi đến khi hai đứa hồi tâm chuyển ý và cứu vớt nó khỏi sự ghẻ lạnh, dù chỉ trong thời gian ngắn. Nó chọn Harry và Øystein bởi lẽ hai đứa cũng chẳng đông bạn lắm bè gì cho cam, vì thế Tresko cho rằng nếu nó muốn được gia nhập nhóm nào đó thì đây là cơ hội tốt nhất dành cho nó. Giờ thì cơ hội của Tresko đã đến, vì quanh đây chỉ còn lại mỗi mình nó, Harry biết nó luôn ở nhà vì gia đình không đủ điều kiện để đi đâu cả và nó cũng chẳng có bạn chơi cùng.

Harry nghe thấy tiếng dép loẹt quẹt trong nhà và cửa hé mở. Khuôn mặt bà lão bừng sáng. Hệt như vẻ mặt của mẹ Tresko khi bà nhìn thấy Harry. Bà chẳng bao giờ mời anh vào mà chỉ cất tiếng gọi Tresko, đi tận nơi tìm nó, ca cho nó một bài điếc tai, nhồi nó vào trong cái áo khoác lót lông có mũ xấu điên và đẩy ra khỏi cửa, để nó đứng đó mặt mũi sưng sỉa nhìn Harry. Và Harry biết là Tresko cũng biết. Anh cảm nhận được sự ghét bỏ trong lòng nó trong lúc hai đứa cùng đi bộ tới kiốt. Nhưng cũng chẳng sao. Dù gì như thế thời gian cũng sẽ trôi nhanh hơn.

“Rất tiếc, Idar đi vắng mất rồi,” bà Vetlesen nói. “Hay là anh vào nhà ngồi đợi vậy? Nó bảo chỉ lái xe đi dạo một lúc thôi.”

Harry lắc đầu, thầm nghĩ không biết bà cụ có trông thấy ánh đèn màu xanh loang loáng trên con phố chìm trong bóng tối ở Bygdøy hay không. Chắc chắn là Skarre đã bỏ lên xe đây mà, cái thằng đầu đất này.

“Anh ta đi lúc mấy giờ?”

“Gần năm giờ.”

“Thế là đã mấy tiếng rồi,” Harry nói. “Anh ta có nói đi đâu không?”

Bà cụ lắc đầu. “Nó chẳng bao giờ nói gì với tôi cả. Đây anh xem, thế có quá đáng không. Đến mẹ nó mà nó đi đâu làm gì cũng chẳng thèm bảo.”

Harry cảm ơn bà cụ và nói anh sẽ quay lại sau. Rồi anh bước trên lối đi rải sỏi và những bậc thềm để ra tới chỗ cổng nhỏ. Cảnh sát không tìm được Idar Vetlesen ở văn phòng và cả khách sạn Leon, câu lạc bộ bi đá thì đã đóng cửa tối om. Harry đóng cổng lại và ra xe. Sĩ quan mặc đồng phục hạ kính xe xuống.

“Tắt cái đèn xanh đi.” Harry nhắc, quay về phía Skarre đang ngồi ở ghế sau. “Mẹ hắn nói hắn không có nhà, có lẽ bà ấy nói thật. Cậu đợi ở đây xem hắn có về không nhé. Gọi cho sĩ quan trực ban và bảo cậu ta thu xếp chuẩn bị một đội tìm kiếm. Đừng trao đổi bất cứ điều gì qua hệ thống radio của cảnh sát, nhớ chưa?”

Trên đường về thành phố, Harry gọi cho tổng đài Telenor, nhân viên tổng đài báo với anh rằng người anh cần tìm, Torkildsen, đã về nhà còn việc anh yêu cầu định vị tín hiệu điện thoại di động của Idar Vetlesen cần phải được thông qua các kênh chính thức sáng sớm mai. Harry ngắt máy và vặn to âm lượng bài hát Vermilion của Slipknot, nhưng anh chẳng có lòng dạ nào mà nghe nên nhấn nút nhả đĩa để thay bằng CD của Gil Evans anh mới tìm lại được từ sâu bên trong hộc để găng tay. Kênh tin tức hai tư giờ của đài NRK đang ra rả phát trên radio trong lúc anh còn mải loay hoay với cái vỏ đĩa CD.

“Cảnh sát đang truy tìm một bác sĩ nam, ngoài ba mươi tuổi, cư ngụ tại Bygdøy. Người này được cho là có liên quan đến chuyên án Người Tuyết.”

“Mẹ kiếp!” Harry hét lên, ném bay Gil Evans về phía kính chắn gió khiến những mảnh nhựa văng tung tóe trong xe. Chiếc đĩa CD lăn tới chỗ để chân. Trong cơn cáu giận, Harry đạp mạnh ga và phóng vụt qua một chiếc xe bồn ở làn đường bên trái. Hai mươi phút. Bọn chúng chỉ mất hai mươi phút để mò ra thông tin. Sao không đưa quách micro cho Sở Cảnh sát và phát sóng trực tiếp luôn cho rồi?

Buổi tối, căng tin Sở Cảnh sát đã nghỉ bán nên vắng tanh, nhưng đó lại là nơi anh tìm thấy cô, cô đang ngồi cùng mấy chiếc sandwich ở một bàn đôi. Harry ngồi xuống ghế còn lại.

“Cảm ơn vì đã không kể ai chuyện tôi mất bình tĩnh ở Finnøy,” cô khẽ nói.

Harry gật đầu. “Sau đó thì cô làm gì?”

“Tôi trả phòng và bắt chuyến bay lúc ba giờ. Tôi chỉ muốn rời đi thôi.” Cô cúi mặt nhìn tách trà của mình. “Tôi… xin lỗi.”

“Không sao,” Harry nói, nhìn cái cổ thanh mảnh đang cúi xuống, mái tóc cặp hết lên cao và bàn tay nhỏ nhắn đặt trên bàn. Giờ anh nhìn cô bằng con mắt khác rồi. “Những thứ cứng rắn đến khi phải vỡ thì cũng vỡ theo cách rất ấn tượng.”

“Vì sao?”

“Có lẽ là vì chúng ít có dịp thực hành cách mất bình tĩnh.”

Katrine gật đầu, ánh mắt vẫn chú mục vào tách trà có logo đội tuyển thể thao của Sở.

“Anh cũng là người thích kiểm soát, Harry. Chẳng lẽ anh không bao giờ mất bình tĩnh ư?”

Cô ngước lên, và Harry thầm nghĩ hẳn là tia sáng mãnh liệt tỏa ra từ hai con ngươi đã khiến lòng trắng trong mắt cô ánh lên sắc xanh nhạt. Anh lục tìm bao thuốc lá. “Việc đó thì tôi thực hành khối lần. Tôi hầu như chẳng học được cái gì khác ngoài nổi đóa. Trình mất kiểm soát của tôi thuộc hàng đai đen rồi ấy chứ.”

Cô mỉm cười yếu ớt thay cho lời đáp.

“Người ta đã nghiên cứu hoạt động não bộ của nhũng võ sĩ quyền Anh lâu năm,” Harry nói. “Cô có biết là trong một trận đấu có vài lần võ sĩ bị mất ý thức không? Chỉ một phần trăm giây lúc này, hoặc lúc khác. Thế mà bằng cách nào đó họ vẫn đứng vững. Cứ như cơ thể họ biết rằng đó chỉ là hiện tượng nhất thời và tìm cách kiểm soát, giúp họ kiên cường chịu đựng cho tới khi lấy lại ý thức.” Harry gõ nhẹ cho điếu thuốc rơi ra. “Tôi cũng mất kiểm soát lúc ở trong căn nhà gỗ. Chỉ khác là, sau từng ấy năm, cơ thể tôi biết sự kiềm chế sẽ trở lại.”

“Nhưng anh làm thế nào,” Katrine hỏi, vuốt một lọn tóc xòa xuống mặt, “để không bị hạ gục sau cú đấm đầu tiên?”

“Làm theo cách của các võ sĩ, cứ thuận theo những cú đấm. Đừng chống cự. Nếu trong công việc có điều gì đó tác động đến cô thì cứ bình thản chấp nhận. Dù gì cô cũng chẳng thể né tránh mãi được. Cừ từ từ xả ra từng chút như xả đập ấy, đừng để nó tích tụ cho tới khi bức tường bắt đầu rạn nứt.”

Anh đưa điếu thuốc chưa mồi lên môi.

“Phải, tôi biết chứ. Chuyên gia tâm lý ở học viện cảnh sát đã nói với cô những điều này hồi cô còn là sinh viên. Ý tôi thế này: ngay cả khi cô xả những bức bối vào cuộc sống thì cũng cần cảm nhận được chúng tác động đến cô ra sao, xem chúng có đang hủy hoại cô hay không.”

“Được rồi,” Katrine nói. “Vậy ta xử lý thế nào nếu cảm thấy chúng đang hủy hoại ta?”

“Cô tìm nghề khác mà làm.”

Cô nhìn anh chằm chằm một hồi lâu.

“Thế anh thì sao hả Harry? Anh đã làm gì khi cảm thấy chúng đang hủy hoại mình?”

Harry cắn nhẹ phần đầu lọc, cảm nhận những sợi mềm và khô cọ vào răng anh. Thầm nghĩ cô có thể làm em gái hoặc con gái anh được đấy, cả cô và anh đều được tạo nên từ những thứ gai góc y như nhau. Hai tòa thành đồ sộ, vững chãi với những vết rạn lớn.

“Tôi quên không đi tìm nghề khác,” anh nói.

Cô nở nụ cười tươi rói. “Anh biết sao không?” cô thì thầm.

“Sao?”

Cô giơ tay ra, cầm lấy điếu thuốc trên môi anh và rướn người qua bàn.

“Tôi nghĩ là…”

Cửa căng tin bất ngờ bật mở. Người xuất hiện là Holm.

“TV2,” anh ta nói. “Đưa lên bản tin rồi. Họ tên cùng với ảnh của Rafto và Vetlesen.”

Vậy là náo loạn hết cả lên. Dù đã mười một giờ đêm nhưng chỉ trong vòng nửa tiếng, đám nhà báo và phóng viên ảnh đã kéo đến chật ních khu sảnh của Sở Cảnh sát. Tất cả đang nóng lòng chờ đợi người đứng đầu Kripos, Espen Lepsvik, hoặc Hagen, sếp Đội Hình sự, giám đốc Sở, cảnh sát trưởng, hay nói chung ai cũng được, xuống đây và nói gì đó. Họ rì rầm với nhau rằng cảnh sát phải có trách nhiệm thông báo cho công chúng được biết về vụ việc nghiêm trọng, gây sốc và giúp tăng lượng tiêu thụ tốt như thế này chứ.

Harry đứng bên lan can sân trong nhìn xuống đám phóng viên bên dưới. Họ đang lượn lờ như bầy cá mập bất an, hỏi han nhau, chơi xỏ nhau, giúp đỡ nhau, phỉnh phờ và thăm dò những chi tiết nhỏ. Đã ai nghe ngóng được gì chưa? Liệu đêm nay có tổ chức họp báo không? Hay chí ít là thông báo đột xuất? Có phải Vetlesen đã lên đường đi Thái Lan rồi không? Deadline đến nơi rồi; phải có gì cho họ chứ.

Harry từng đọc được rằng từ deadline - hạn chót - bắt nguồn từ những trận đánh trong cuộc Nội chiến Mỹ. Vào thời đó, do thiếu nơi giam hãm tù binh, những kẻ bắt bớ đã quây đám tù binh lại và vẽ một vòng tròn trên đất quanh chỗ họ đứng. Vòng tròn này được gọi là dead line - ranh giới chết, ai sơ sẩy vượt ra khỏi phạm vi đó sẽ ăn đạn ngay. Và họ, đám chiến binh săn tin đang quần tụ dưới kia, chính là những kẻ như thế: những tù nhân chiến tranh bị trói buộc bởi một deadline.

Harry đang trên đường tới phòng họp cùng các đồng đội thì điện thoại di động réo inh ỏi. Người gọi là Mathias.

“Anh đã nghe tin nhắn thoại tôi gửi chưa?” anh ta hỏi.

“Làm gì có thì giờ, ở đây đang nước sôi lửa bỏng lắm,” Harry đáp. “Ta nói chuyện sau được không?”

“Dĩ nhiên là được,” Mathias nói. “Nhưng chuyện này liên quan đến Idar. Tôi thấy trên bản tin thông báo anh ta đang bị truy nã.”

Harry chuyển điện thoại sang tay kia. “Vậy anh nói luôn đi.”

“Hôm nay Idar có gọi cho tôi để hỏi về carnadrioxide. Anh ta cũng hay gọi điện hỏi tôi về thuốc, ngành dược vốn không phải thế mạnh của Idar, vì thế lúc đó tôi cũng không nghĩ ngợi gì cả. Nhưng tôi gọi cho anh vì carnadrioxide là một loại thuốc cực kỳ nguy hiểm. Tôi chỉ cho rằng có thể anh muốn biết điều đó.”

“Có chứ, có chứ,” Harry nói, lục khắp các túi cho tới khi tìm thấy cây bút chì gặm dở và tấm vé tàu điện. “Carna… gì ấy nhỉ?”

“Carnadrioxide. Nó có chứa nọc độc của loài ốc nón và được dùng làm thuốc giảm đau cho bệnh nhân ung thư và nhiễm HIV. Loại thuốc này mạnh gấp một ngàn lần morphine, chỉ cần dùng quá liều một chút xíu cũng có thể khiến cơ bắp lập tức tê liệt. Các cơ quan hô hấp và tim ngừng hoạt động, bệnh nhân sẽ tử vong tức thì.”

Harry ghi lại. “Được rồi. Anh ta còn nói gì nữa không?”

“Không. Anh ta có vẻ stress. Chỉ cảm ơn tôi rồi cúp máy.”

“Liệu anh có biết anh ta gọi điện từ đâu không?”

“Không, nhưng tiếng vọng có vẻ lạ lắm. Chắc chắn Idar không gọi từ phòng tư vấn. Nghe như anh ta đang ở trong nhà thờ hoặc hang động nào đó, anh hiểu ý tôi chứ?”

“Tôi hiểu. Cảm ơn anh, Mathias. Chúng tôi sẽ gọi lại cho anh nếu cần thêm thông tin.”

“Rất vui…”

Harry không nghe được phần còn lại của câu nói vì anh đã nhấn nút kết thúc cuộc gọi và tín hiệu bị ngắt.

Trong phòng K1, tổ điều tra nho nhỏ đã có mặt đông đủ và đang ngồi đó cùng với mấy tách cà phê, một ấm mới đang được pha tiếp trong máy, áo khoác vắt trên thành ghế. Skarre vừa trở về từ Bygdøy. Anh ta báo cáo lại cuộc nói chuyện với mẹ của Idar Vetlesen, bà ta cứ nhắc đi nhắc lại rằng mình không biết gì và toàn vụ này chắc chắn là một hiểu lầm to đùng.

Katrine đã gọi điện cho trợ lý của Vetlesen, Borghild Moen, bà này cũng có cùng quan điểm như trên.

“Chúng ta sẽ thẩm vấn họ vào ngày mai nếu cần,” Harry nói. “Giờ tôi e rằng ta đang có một vấn đề khác cấp bách hơn.”

Ba người trong nhóm nhìn Harry trong lúc anh tóm tắt lại cuộc nói chuyện với Mathias. Đọc những gì ghi trên mặt sau vé tàu điện. Carnadrioxide.

“Anh có cho rằng hắn đã giết họ không?” Holm hỏi. “Bằng cách dùng thuốc tê ấy?”

“Thế là rõ rồi nhé,” Skarre nói chen vào. “Vì vậy hắn mới phải giấu xác các nạn nhân đi. Để loại thuốc đó không bị phát hiện khi khám nghiệm tử thi và khiến cảnh sát lần ra hắn.”